
CHÚNG ĐẠO CA

GIẢNG GIẢI

LỜI ĐẦU SÁCH

Khúc Ca Chứng Đạo của thiền sư Huyền Giác như là hóa thân một phong thái tu học siêu xuất của thời đó. Ngài có mặt thị hiện rõ ràng như vầng trăng tỏa chiếu nhân gian. Từng bước đi hỏi đạo của ngài cao vút vượt thoát hơn tất cả, cũng có thể đầy đủ tính thấu đáo triệt để của một thời kỳ Phật pháp Thiên tông thịnh đạt.

Bên trời Tào Khê, Lục Tổ đại sư ra đời, dựng lập tông chỉ chính thức của tông phong đốn ngộ. Một sức sống thực tế giản dị nhẹ nhàng, bày tỏ tâm tông của Phật tổ, đánh tan mọi vướng mắc buộc ràng, vứt sạch mọi hóc hiểm chông gai của con người từ bao đời kiếp. Ngài dựng pháp tràng lập tông chỉ, để rồi con cháu vươn cao:

*Tự từng nhận đắc Tào Khê lộ,
Liễu tri sanh tử bất tương quan.*

Thiền sư Huyền Giác quả thật đã nhận rõ chân diện mục. Một con người thẩm thấu tận đáy lý vô sanh nên mới thốt lời “Vô sanh há có ý sao?” Liền tiếp nhận tâm ấn của Tổ sư “Nhân giả nhận sâu lý vô sanh”. Từ đó xuất hiện một con người mà thời nhân ca tụng “Nhất tức giác”. Từng bước đi, từng nói nín... sự hiện diện của ngài là thiên thanh, là châu ngọc.

Hòa thượng Tôn sư của chúng tôi cũng có thể là đích tử đích tôn trong ngôi nhà này chăng? Ngài một đời tu hành, dâng trọn tâm huyết cho dòng thiền Việt Nam. Gom góp giáo chỉ thánh ý của chư vị tổ sư Ấn Độ, Trung Hoa, nhưng vẫn giữ vẹn toàn tinh túy của dòng thiền nước Việt, ngài gan dạ tập thành một giáo trình, hướng dẫn tăng ni tứ chúng đời sau, tiếp nối ngọn tâm đăng của Phật tổ. Hòa thượng dũng mãnh đứng lên làm một hành nhân khôi phục lại Thiên tông Phật giáo Việt Nam đời Trần.

Chúng ta là con cháu trong tông môn, ngưỡng vọng thầy xưa, cảm trọng thầy nay, không thể không thẩm thấu phong cách, tâm yếu của các bậc tổ sư từ Ấn Độ sang Trung Hoa đến Việt Nam. Từ đó nỗ lực công phu, thấu thoát nổi thấu thoát của người xưa, nhận rõ chân diện mục của chính mình ngày nay.

Tác phẩm Chứng Đạo Ca này do Hòa thượng Ân sư giảng giải tại Chơn Không - Vũng Tàu. Chúng tôi hàng môn hạ đệ tử của ngài cùng nhau ghi chép biên tập lại. Trân quý nét mộc mạc đơn sơ của Thầy, nên vẫn giữ

văn nói tự nhiên. Dám mong độc giả lượng thứ cho những sơ suất tất yếu của nó.

Nếu là hành giả hữu duyên trong tông môn, có thể thẳng đó tiến vào. Được vậy, tất cả công đức xin hướng về Hòa thượng Ân sư, nguyện ngài sống lâu nơi đời, khỏe mạnh, an tường, lợi ích vô lượng chúng sanh.

Mừng Khánh tuế thứ 89 của Hòa thượng ân sư

Thường Chiếu, ngày 15-07-2011

TM. BAN VĂN HÓA

THÍCH NHẬT QUANG

Chứng Đạo Ca của thiền sư Huyền Giác là tác phẩm rất chí yếu cho người tu thiền, muốn thấy được đạo chân thật sẵn nơi mình thì cần phải hiểu cho thấu đáo. Trước khi giảng chúng tôi giới thiệu sơ tiểu sử của thiền sư Huyền Giác cho quý vị biết đại cương.

TIỂU SỬ THIÊN SƯ HUYỀN GIÁC

(665 - 713)

Sư họ Đới quê ở Vĩnh Gia, Ôn Châu, xuất gia từ thuở nhỏ. Sư xem khắp ba tạng kinh, trí đức viên mãn, trụ trì chùa Hưng Long. Sư tinh thâm về pháp môn Chỉ Quán của đại sư Trí Khải ở núi Thiên Thai, trong bốn oai nghi lúc nào cũng kế hợp thiên quán. Thấy cảnh chùa dưới sườn núi có cảnh đẹp, Sư bèn xuống cất một thiền am, lưng tựa ngọn núi xanh, hông kê dòng suối trong. Sư sống một đời thanh đạm, không hề nghĩ đến việc thế tục.

Sư nhân xem kinh Duy-ma phát minh được tâm địa. Gặp đệ tử của Lục Tổ là thiền sư Huyền Sách, hai bên nói chuyện nhau đều thích hợp chư Tổ. Huyền Sách hỏi:

- Nhân giả đặc pháp nơi thầy nào?

Sư đáp:

- Tôi nghe trong các kinh luận Phương Đẳng mỗi vị đều có thầy trò trao truyền. Sau xem kinh Duy-ma ngộ được Tâm tông, mà chưa có người chứng minh.

Huyền Sách bảo:

- Từ đức Phật Oai Âm Vương về trước, không có thầy chứng minh thì được. Từ đức Phật Oai Âm Vương về sau, không thầy tự ngộ đều là ngoại đạo thiên nhiên.

Sư nói:

- Xin nhân giả vì tôi chứng minh.

Huyền Sách bảo:

- Lời nói tôi nhẹ lắm. Ở Tào Khê có Lục Tổ đại sư bốn phương học giả tụ họp về thọ pháp, nếu nhân giả muốn đi thì tôi cùng đi với. Sư bèn theo Huyền Sách đi đến Tào Khê.

Đến nơi, Sư tay cầm tích trượng vai mang bình bát đi nhiễu Tổ ba vòng. Tổ hỏi:

- Phàm Sa-môn phải đủ ba ngàn oai nghi tám muôn tế hạnh, Đại đức là người phương nào đến, mà sanh đại ngã mạn như vậy?

Sư thưa: - Sanh tử là việc lớn, vô thường mau chóng.

Tổ bảo: - Sao không ngay nơi đó thể nhận lý vô sanh, thấu rõ cái không chóng?

Sư thưa: - Thế tức vô sanh, thấu vốn không mau.

Tổ khen: - Đúng thế! Đúng thế!

Lúc đó đại chúng nghe nói đều ngạc nhiên. Sư bèn đầy đủ oai nghi lễ tạ Tổ. Chốc lát sau Sư xin cáo từ.

Tổ bảo: - Về chóng thế sao!

Sư thưa: - Vốn tự không động, há có chóng sao?

Tổ bảo: - Cái gì biết không động?

Sư thưa: - Ngài tự phân biệt.

Tổ bảo: - Người được ý vô sanh rất sâu.

Sư thưa: - Vô sanh há có ý sao?

Tổ bảo: - Không ý, cái gì biết phân biệt?

Sư thưa: - Phân biệt cũng không phải ý.

Tổ khen: - Tốt lắm! Hãy nán lại một đêm.

Sư ở lại đây một đêm. Sáng hôm sau, Sư cùng Huyền Sách đồng xuống núi trở về Ôn Giang. Thời nhân gọi Sư là Nhất Túc Giác.

Từ đây về sau, học chúng bốn phương tìm đến tham vấn thật đông. Sư được tặng hiệu là Chơn Giác Đại sư.

Đời Đường niên hiệu Tiên Thiên thứ hai (713 TL) ngày 17 tháng 10, tại viện riêng ở chùa Hưng Long, Sư ngồi vui vẻ thị tịch, thọ bốn mươi chín tuổi. Vua sắc ban là Vô Tướng Đại sư, tháp hiệu Tịnh Quang.

Tập Chứng Đạo Ca và Thiên Tông Ngộ Tu Viên
Chỉ do Sư trước tác, sau này môn đồ là Ngụy Tĩnh
làm thích sử Khánh Châu, góp lại làm thành mười
thiên gọi là Vĩnh Gia Tập.

Đại cương câu chuyện như vậy, đọc qua thấy khó hiểu về sự đối đáp giữa Lục tổ Huệ Năng và thiền sư Huyền Giác, nên tôi sẽ thứ tự chỉ ra chỗ thâm sâu của các ngài.

Huyền Giác đi tới Lục Tổ không chào hỏi gì hết, đi quanh ba vòng chống tích trượng đứng. Lục Tổ quở: - *Phàm Sa-môn phải đủ ba ngàn oai nghi tám muôn tế hạnh, Đại đức là người phương nào đến, mà sanh đại ngã mạn như vậy?* Ngài đáp rằng: - *Sanh tử là việc lớn, vô thường mau chóng.* Đáp có lạc đề không? Chúng ta đi học đạo là vì giải thoát sanh tử, mà sanh tử đã chực sẵn bên mình, thì còn rảnh rỗi đâu mà oai nghi tế hạnh. Vì vậy cần phải nói cái gì thẳng đó để thấy để biết.

Tổ Huệ Năng nói: *Vậy sao chẳng thể nhận lý vô sanh, thấu rõ cái không chóng?* Như vậy thì ngay đó ông phải nhận ra lý vô sanh, thấu suốt được cái không chóng.

Ngài Huyền Giác đáp: *Thể tức vô sanh, thấu vốn không chóng.* Thể là bản thể vốn vô sanh, còn mình thấu hiểu thì không có gì là nhanh chậm. Tổ Huệ Năng đáp: *Đúng thể, đúng thể,* tức là thấy được rồi đó, chỗ ông hiểu là đúng.

Huyền Giác bèn đẩy đủ oai nghi lay tạ, giây lát xin cáo về. Chỉ hỏi một câu mà được thừa nhận là mãn nguyện rồi, không cần phải hỏi nhiều, nên ngài từ giã về. Lục Tổ e ngài chưa thấu tột, nên bảo: *Về chóng thế sao?* Huyền Giác đáp: *Vốn tự không động, há có chóng sao?* Cái đó không động không tịnh, nói gì chóng chầy.

Tổ hỏi: *Cái gì biết không động?* Cái đó là cái chẳng động thì cái gì biết đó là chẳng động? Những câu này nghe như khó hiểu nhưng đó là sự thật. Thí dụ tôi thấy cái đồng hồ, tôi biết đồng hồ trắng hay đen. Như vậy là có tôi và có đồng hồ. Bởi vậy Lục Tổ mới gạn: “Cái gì biết không động?” Nếu có người biết chẳng động là có hai rồi.

Huyền Giác đáp: *Ngài tự phân biệt.* Tại Tổ phân biệt chứ con chỉ nói vậy, không có cái hay biết, bị biết gì hết. Lục Tổ nói: *Người được ý vô sanh rất sâu.* Như vậy thì ông thấu suốt được ý vô sanh rồi. Huyền Giác hỏi: *Vô sanh há có ý sao?* Câu này rất là tinh tế, thường mình không biết. Lục Tổ bảo: *Không ý, cái gì biết phân biệt?* Huyền Giác đáp: *Phân biệt cũng chẳng phải ý.* Câu đó là câu thấu triệt.

Lâu nay chúng ta quen cho suy nghĩ tính toán hơn thua, phải quấy, tốt xấu là phân biệt, thì đó thuộc về ý. Còn cái phân biệt mà không phải ý là sao? Thí dụ, nhìn bình hoa, thấy hoa hồng đỏ, hoa khác thì trắng, xanh, vàng v.v... Có phân biệt rõ ràng mới biết đây là đỏ, kia là trắng... Nhưng phân biệt đó có phải là ý không? Mắt thấy thì tự biết đỏ biết trắng, tai nghe tiếng chuông

tiếng mõ, biết tiếng chuông tiếng mõ, đâu đợi suy nghĩ mới biết. Như vậy phân biệt mà không phải ý, đó là chỗ rất thâm sâu.

Cái thấy của ngài Huyền Giác rất tốt, cho nên Tổ nói: *Tốt lắm! Hãy nán lại một đêm*. Do vậy, người đời sau gọi ngài là *Nhất Túc Giác*. Như vậy coi như Lục Tổ đã ấn chứng cho ngài là người thấu triệt được lý thiền. Sau này ngài đã viết những quyển sách nói về thiền rất thấu triệt mặc dù chỉ ở chỗ Lục Tổ một đêm. Bài Chứng Đạo Ca này rất phổ biến trong nhà thiền, chỉ thiền sinh ở trong thiền viện mà không thuộc, đó là cái hổ thẹn của mình.



CHỨNG ĐẠO CA GIẢNG GIẢI

Chánh văn:

Quân bất kiến?

Tuyệt học vô vi nhàn đạo nhân,

Bất trừ vọng tưởng bất cầu chân.

Vô minh thật tánh tức Phật tánh,

Huyễn hóa không thân tức pháp thân.

Giảng:

Chứng Đạo Ca là bài ca chứng đạo.

Tuyệt học vô vi nhàn đạo nhân, tuyệt học là dứt học, vô vi là đối với hữu vi. Nhà Phật nói hữu vi là pháp có sanh trụ dị diệt, còn pháp nào không có sanh trụ dị diệt gọi là vô vi. Tuyệt học vô vi nhàn đạo nhân là đạo nhân nhàn, đã dứt sự học và không còn sanh diệt.

Đạo nhân là người thế nào? Thường thường ai tu cũng được gọi là đạo nhân, nhưng không phải. Kinh Tứ Thập Nhị Chương nói: “Cúng dường một trăm người ác không bằng cúng dường một người thiện, cúng dường một trăm người thiện không bằng cúng dường một người xuất gia giữ giới, cúng dường một ngàn người xuất gia giữ giới không bằng cúng dường một vị A-la-hán. Cúng dường một ngàn vị A-la-hán không bằng cúng dường một đạo nhân vô tâm.” Đạo nhân là chỉ cho người sống được cái chân thật của chính mình, không còn bị những gì bên ngoài che đậy, lừa bịp. Vô tâm là không có tâm sanh diệt, chứ không phải là không có tâm, không có cái biết. Không có tâm sanh diệt gọi là đạo nhân vô tâm. Vậy đạo nhân vô tâm là Phật, cho nên A-la-hán không bằng Phật.

Tuyệt học là không còn học, hai chữ cũng cần hiểu cho rõ. Trong nhà Phật nói người tu muốn có trí tuệ thì ban đầu phải học văn, tư, tu. Trước hết phải nghe là văn, là học. Kế đến suy gẫm điều đã học đúng hay sai là tư. Khi thấy đúng lẽ thật rồi ứng dụng là tu. Học ba phần văn, tư, tu này là trí tuệ hữu lậu tức trí tuệ còn trong sanh tử. Muốn được trí tuệ thoát khỏi sanh tử thì phải có giới, định, tuệ. Phải giữ giới cho trong sạch, giới trong sạch rồi tâm được tâm an định, tâm an định rồi trí tuệ phát sáng, đó là giải thoát sanh tử.

Như vậy, tuyệt học là không còn học trong cái sanh diệt mà chỉ sống với trí tuệ bất sanh bất diệt. Đó là đạo nhân nhân tuyệt học vô vi.

Bất trừ vọng tưởng bất cầu chân, đạo nhân đó thấy tu không cần trừ vọng tưởng, không cầu chân. Bởi trong tâm không còn niệm sanh diệt, không còn chân vọng đối đãi thì trừ cái gì, cầu cái gì.

Vô minh thật tánh tức Phật tánh, tánh thật của vô minh là tánh Phật. Chúng ta ai cũng có vô minh mà không tự biết trong vô minh sẵn có tánh Phật. Thí dụ như dưới biển sóng nổi dậy âm âm, tuy thấy nguy hiểm nhưng thật ra sóng đó không rời mặt biển. Khi gió dừng sóng lặng thì chỉ còn mặt biển. Cũng vậy, tâm lăng xăng dấy động gọi là vô minh, khi lặng hết không dấy động thì trở về Phật tánh. Muốn thấy Phật tánh, chịu khó buông hết tâm lăng xăng đó đi, đừng nghĩ hơn thua, phải quấy. Buông sạch hết là trở về tánh Phật. Thế nên ngồi thiền chỉ buông xả hết những tâm lăng xăng thì tánh Phật hiện tiền, chứ không phải cầu Phật cho mình thành Phật. Vì vậy nên nói tánh thật của vô minh là tánh Phật.

Huyễn hóa không thân tức pháp thân, thân chúng ta chỉ năm bảy chục năm là hoại, rất tạm bợ giả dối. Ngay thân tạm bợ giả dối này có sẵn pháp thân.

Trong kinh Phật thường nói ba thân: pháp thân, báo thân, hóa thân. Pháp thân chỉ cho thân không sanh không diệt. Báo thân là thân do phước báo mà được. Hóa thân là thân Phật ứng hóa để độ chúng sanh.

Như vậy pháp thân Phật chúng ta cũng có. Ngay thân huyền hóa của chúng ta đã có pháp thân rồi, không cần tìm kiếm ở đâu. Người tu sống trở về tánh Phật

là ngay đây tâm vô minh lạng thì tánh Phật hiện, ngay nơi thân huyền hóa thấy rõ có pháp thân bất sanh bất diệt. Chúng ta cũng có pháp thân nhưng vì mê lầm nên bám vào thân tạm bợ, say sưa với nó cho tới ngày nó bại hoại rồi khổ sở. Thấy thân thật thì làm sao biết có pháp thân! Khi biết thân này là tạm bợ, hư giả mới nhận được pháp thân trong đó, còn thấy nó thật thì cứ say sưa lo cho nó, cuối cùng rồi nó rã nát. Đó là cái nhìn của người mê, chỉ biết thân hiện có là thật, dưới mắt Phật, nó là tạm bợ không thật. Thấy không thật nên không lệ thuộc, không chiều theo những đòi hỏi của nó, được tự do, tự chủ. Từ tự do, tự chủ đó, chúng ta thấy được cái thân thật là pháp thân bất sanh bất diệt. Đây là cái nhìn của bậc đạo nhân.

Bậc đạo nhân không cần phải trừ vọng tưởng, phải cầu chân thật. Vì đối với các ngài không có vọng tưởng ngoài chân thật, cho nên rồi không có bỏ cái này tìm cái kia. Thấy rõ vô minh là tánh Phật. Ngay thân huyền hóa này có sẵn pháp thân. Người đạt đạo thấy rõ ngay nơi mình đủ Phật tánh đủ pháp thân, không phải tìm cầu đâu hết. Không phải tu mười năm, hai mươi năm mới có, mà đang sẵn đủ, rất tiếc là chúng ta quên.

Chánh văn:

**Pháp thân giác liễu vô nhất vật,
Bổn nguyên tự tánh thiên chân Phật.
Ngũ ấm phù vân không khứ lai,
Tam độc thủy bào hư xuất một.**

Giảng:

Pháp thân giác liễu vô nhất vật, giác ngộ pháp thân không một vật. Câu này có đúng với chỗ Lục Tổ ngộ không? Ngài đã trình trong bài kệ:

Bản lai vô nhất vật,

Hà xứ nhạ trên ai.

Cái đó xưa nay không một vật thì chỗ nào dính bụi bặm. Ngũ Tổ khi đọc tới câu “Bản lai vô nhất vật” liền biết người này đã rõ được điều gì. Thấu suốt được pháp thân rồi mới biết pháp thân không một vật.

Bổn nguyên tự tánh thiên chân Phật, bổn nguyên là nguồn gốc. Tự tánh là tánh mình, thiên chân Phật là đức Phật chân thật sẵn có. Chữ thiên này không phải là trời, mà là sẵn có. Như vậy, chúng ta sẵn có nguồn gốc chân thật, sẵn có tánh thanh tịnh chân thật, sẵn có ông Phật chân thật. Nhận được pháp thân rồi thì mới thấy mình có đủ tất cả.

Ngũ ấm phù vân không khứ lai, ngũ ấm là sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm và thức ấm. Thân chúng ta do năm món ngăn che này hợp thành gọi là thân năm ấm. Thân này giống như mây nổi. Có khi người ta đang ngồi trên xe, chợt xảy ra tai nạn thì thân năm ấm này còn không? Người đời cứ ngỡ thân mình như khối đá chắc thật, đập cũng không bể, đến khi tương giả hiện bày thì hoảng hốt lên. Trái lại, người giác ngộ thấy được bổn nguyên tự tánh thiên chân Phật thì thấy thân năm ấm này không thật, giống như mây nổi, hợp đó tan đó,

tụ rồi mất đó. Do thấy thân không thật nên không vương mắc, không tranh giành nhau cái ăn cái mặc, không so kè hơn thua...

Tam độc thủy bào hư xuất một, tam độc là tham sân si. Ba thứ này cũng như bọt nước, vừa nổi liền tan, không thật có. Chúng ta thấy tham sân si là thật, sợ tham sân si vì nó tạo ra bao nhiêu nghiệp ác cho mình. Nhưng dưới mắt người tỉnh ngộ, tham sân si không có thật, chỉ giống như bong bóng nước, nổi đó rồi mất đó.

Thí dụ như khi có người chọc tức, mình nổi giận đỏ mặt lên, định làm cái gì đó cho đã giận. Người kia vỗ tay cười bảo: “Huynh lầm rồi!” Lúc ấy liền mắc cỡ, biết mình lầm, biết người ta thử mình, cơn giận lặng mất. Như vậy cái sân đó có thật không? Nếu thật thì phải còn, nhưng vừa thấy mình lầm là nó mất tiêu. Cái tham cũng không thật, vì nó không có hình tướng cố định và thay đổi theo duyên. Thí dụ như thấy cái bóp của ai để mà không có chủ nhà, liền dấy niệm tham. Vừa mới mở coi thì chủ nhà bước vào kêu lên: “Cái bóp của tôi bỏ quên.” Tâm tham liền mất. Như vậy tham sân đều tạm bọt không thật. Nếu thật thì nó còn hoài, nhưng dấy lên mà gặp duyên khác thì nó mất, như bong bóng nước. Tham sân không thật thì si cũng không thật.

Người giác ngộ thấy thân năm ấm như mây nổi, không có gì cố định, cũng thấy ba cái xấu là tham sân si như bọt nước, không quan trọng gì, tự nhiên hết sợ, thì nó không hoành hành được. Chúng ta có khi còn hơi sợ, như sợ nóng quá kìm không nổi. Thật ra, do mình tưởng

nó thật nên tìm không nổi, nếu thấy nó hư giả thì đâu có vấn đề gì. Hiểu như vậy chúng ta mới thấy những câu này hết sức chí lý chứ không phải là những lời nói an ủi.

Trên đây là cái nhìn của đạo nhân, thấy rõ vọng tưởng và chân thật không hai, vô minh và Phật tánh không hai, thân huyễn hóa và pháp thân cũng không hai, nơi mình có sẵn tánh Phật.

Chánh văn:

**Chứng thật tướng, vô nhân pháp,
Sát-na diệt khước A-tỳ nghiệp.
Nhược tương vọng ngữ cuồng chúng sanh,
Tự chiêu bạt thiệt trần sa kiếp.**

Giảng:

Chứng thật tướng, vô nhân pháp, người chứng được tướng thật rồi, sống với tâm chân thật thì không còn phân biệt đây là người, kia là pháp. Pháp tức là cảnh, người và cảnh không hai.

Sát-na diệt khước A-tỳ nghiệp, trong một khoảnh khắc tay tiêu diệt hết nghiệp địa ngục. Người đạt được thật tướng không còn thấy mình là thật, sự vật là thật. Do không thấy thật nên bao nhiêu thứ nghiệp địa ngục liền được tiêu diệt nhẹ nhàng trong một khoảnh khắc tay. Lời nói đó có thật hay không? Thiên sư Huyền Giác quả quyết rằng:

*Nhược tương vọng ngữ cuồng chúng sanh,
Tự chiêu bạt thiệt trần sa kiếp.*

Nếu tôi đem lời dối trá để lừa gạt chúng sanh thì tôi tự chịu nghiệp đọa địa ngục, bị cày trên lưỡi trong số kiếp nhiều như cát bụi.

Chúng ta thường nghe bài kệ sám hối:

*Tội tánh bốn không do tâm tạo,
Tâm nhược diệt thời tội diệt vong.
Tội vong tâm diệt lương câu không,
Thị tắc danh vi chân sám hối.*

Tánh tội vốn là không, do tâm mê muội tạo thành tội lỗi. Nếu tâm hết mê muội thì tội lỗi không còn. Khi chúng được thật tướng, hết mê muội, thì không còn thấy người và cảnh là thật, nên bao nhiêu nghiệp từ vô số kiếp đều diệt. Thấy được tánh thật thì tội không còn. Lời nói đó e Phật tử chưa tin, ngài thề nếu dối trá thì xin chịu đọa địa ngục bạt thiết, bị kéo lưỡi ra cày về tội nói dối. Gan dạ như vậy, quyết định như vậy.

Chứng đạo rồi thì cái chân thật hiện tiền, mới biết vòng luân hồi là huyền hóa không thật. Khi mê thì tạo nghiệp, bị luân hồi khổ đau, đến lúc tỉnh rồi các nghiệp tan biến không còn. Tại sao vậy? Thí dụ ban ngày chúng ta làm việc nhọc mệt, tối ngủ say thấy mộng dữ, bị người rượt đánh, bị chửi bới v.v... không biết chạy đi đâu, không ai cứu. Sự khổ sở, sợ hãi đó chừng nào mới hết? Chỉ cần giật mình thức dậy thì tất cả cảnh khổ không còn. Hoặc như nằm mơ thấy bị ở tù năm năm, mười năm, khi giật mình thức dậy, mười năm tù đó còn không?

Như vậy, một phen tỉnh thì bao nhiêu cái khổ mê không còn. Chúng ta một phen giác ngộ thì nghiệp trầm luân ngang đó hết.

Chúng ta đang sống trong mộng mà không hay, cứ tưởng mình đang sống thật. Nếu được thức tỉnh như chư tổ thì tự nhiên các khổ theo đó tiêu tan. Bởi vậy, ngài khẳng định: người chứng thật tướng, không còn nhân, không còn pháp thì chỉ trong khoảng khảy móng tay hết nghiệp A-tỳ.

Như vậy, quý vị tu có muốn giác ngộ không? Hay chỉ muốn tu phước từ từ, năm này một ít năm kia một ít, dồn lại để trả nợ nghiệp cũ? Ví như có người ăn trăm ngàn con cá, lâu lâu đi mua ít con thả để trả bớt nghiệp, rồi lại bắt con khác ăn. Vậy chừng nào hết nghiệp? Chỉ khi nào thức tỉnh thì nghiệp mới hết. Cho nên Phật dạy, chỉ có giác ngộ mới hết cái khổ trong mê lầm. Khổ mê lầm này, nhà Phật dùng từ vô minh, nghĩa là không sáng. Do không sáng nên không thấy đúng lẽ thật, rồi cứ như vậy mà tạo nghiệp, lăn quẩn mấy mươi năm hết một đời, rồi lại tạo nữa. Có người nào gần chết mà nói tôi không thềm trở lại đây nữa đâu. Vì sợ mất thân nên vừa nhắm mắt liền kiếm thân khác, lại tiếp tục tạo nghiệp. Cứ như vậy đời đời tiếp nối khổ đau, cho nên đức Phật nói: “Nước mắt chúng sanh nhiều hơn bể cả.” Sanh đi tử lại hoài không chịu ra, làm sao hết khổ! Muốn hết khổ chỉ có chứng thật tướng, tức là giác ngộ, thấy được cái chân thật bất sanh bất diệt thì được giải thoát sanh tử.

Chánh văn:

**Đốn giác liễu Như Lai thiên,
 Lục độ vạn hạnh thể trung viên.
 Mộng lý minh minh hữu lục thú,
 Giác hậu không không vô đại thiên.**

Giảng:

Đốn giác liễu Như Lai thiên, là chóng giác ngộ được Như Lai thiên. Như Lai thiên là Tự tánh thanh tịnh thiên tức là Thiên tông, lối tu thẳng. Thông thường trong kinh dạy, người tu thiên nếu bệnh tham ái nhiều phải quán bất tịnh, quán đến lúc quá chán sợ cái thân này thì chuyển sang quán tịnh. Người nào nóng giận nhiều, Phật dạy tu hạnh nhẫn nhục. Người hay tham lam phải tu hạnh bố thí để trừ. Tu từng hạnh từng hạnh để dẹp các tật xấu của mình. Còn Thiên tông dạy niệm khởi dấy lên biết là hư giả không theo. Khi không có niệm thì đâu còn tham sân si, ngã mạn, các thứ xấu. Như vậy, chỉ cần xoay lại thấy niệm khởi là hư giả, ngay đó buông bỏ thì tất cả những cái khác không sanh. Đó là một phương thuốc ngừa tất cả bệnh hay trị tất cả bệnh một cách nhanh chóng. Nếu cứ để khởi nghĩ, sanh tâm tham lam rồi sau mới trừ thì lâu và xa quá. Cho nên đây là phương pháp đi thẳng, gọi là trực chỉ, tức chỉ thẳng để ứng dụng tu, cũng gọi là Như Lai thiên.

*Lục độ vạn hạnh thể trung viên.
 Mộng lý minh minh hữu lục thú.
 Giác hậu không không vô đại thiên.*

Khi giác ngộ được Như Lai thiên thì ngay trong thể tánh thanh tịnh có đầy đủ lục độ, vạn hạnh. Trong mộng thì rõ ràng thấy có sáu đường. Sau khi giác ngộ thì cả đại thiên sa giới cũng không còn.

Thí dụ như người tu thiên biết các niệm khởi là hư dối nên không theo. Do không có tâm nghĩ tưởng so đo, vừa thấy người đang đói, có ổ bánh mì liền cho ngay hoặc thấy người khổ liền an ủi họ. Lòng thương không đợi suy nghĩ mới có. Như vậy, đạo lý ở sẵn trong Như Lai thiên này. Khi tâm được an, được thanh tịnh thì mọi hành động đều là tốt, đều là trong sạch, vì vậy mà đủ cả lục độ, vạn hạnh. Lúc ấy mới thấy địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, người, a-tu-la và cõi trời, sáu đường chỉ là huyền mộng chứ không thật có. Trong kinh Phật nói các cõi ở trong bầu hư không này nhiều vô số, gọi là tam thiên đại thiên thế giới. Nhưng một khi được giác ngộ, rõ tất cả đều không thật thì cả đại thiên thế giới nhiều như cát bụi cũng không còn.

Chánh văn:

**Vô tội phước, vô tổn ích,
Tịch diệt tánh trung mạc vấn mịch.
Tỷ lai trần kính vị tăng ma,
Kim nhật phân minh tu phẫu tích.**

Giảng:

Vô tội phước, vô tổn ích, không có tội phước, không có tổn hại hay lợi ích. Tại sao? Đúng về thể tánh chân thật, không có sanh diệt thì làm sao có tội, có phước?

Trong vòng luân hồi sanh diệt thì có tội có phước, nhưng tánh chân thật thì không có tội, không có phước, cũng không tổn hại hay lợi ích, vì không còn sanh diệt.

Tịch diệt tánh trung mạc vấn mịch, trong thể tánh lặng lẽ không nên tìm hỏi điều gì. Nó là như nhiên, sẵn vậy chứ không do hình ảnh hay phương tiện nào mà có.

Tỷ lai trên kính vị tăng ma, từ xưa tới giờ, cái gương tâm sáng của mình bị bụi phủ, chúng ta chưa từng lau chùi.

Kim nhật phân minh tu phẩu tích, ngày nay rõ ràng phân biệt chia chẻ cho mình thấu hiểu được.

Cái gương của quý vị bụi phủ chừng bao nhiêu lớp? Chắc là dày cả tắc cho nên tối mò. Như những vị mới tập thiền thường ngồi không yên, vì bụi phủ lâu quá, mới chùi sơ làm sao sáng được. Cho nên phải chịu khó nỗ lực lau chùi, gương sạch rồi thì tự sáng, lúc đó khỏi cần tìm kiếm điều gì.

Chánh văn:

Thùy vô niệm? Thùy vô sanh?

Nhược thật vô sanh vô bất sanh.

Hoán thủ cơ quan mộc nhân vấn,

Cầu Phật thi công tảo vãn thành?

Giảng:

Thùy vô niệm? Thùy vô sanh?

Nhược thật vô sanh vô bất sanh.

Cái gì không niệm, cái gì không sanh? Nếu có thấy không sanh tức là còn có cái sanh đối đãi. Đây là vô niệm thì còn cái có niệm đối đãi.

Hoán thủ cơ quan một nhân vấn, gọi người gõ hỏi
thử việc này như thế nào.

Câu Phật thi công tạo vãn thành? Ra công cầu Phật sớm hay muộn được thành. Nói cách khác, tôi cố gắng tu cầu thành Phật chừng nào được thành? Chúng ta hỏi người gõ, chừng nào nó trả lời?

Chúng ta có cái nhìn hơi nông nổi, cạn cợt. Làm gì chúng ta cũng đòi được biết kết quả, tu thì hỏi chừng nào thành Phật. Nếu không dám hỏi thành Phật thì hỏi tu chừng nào được định? Nếu quý vị hỏi tu chừng nào được định, tôi sẽ trả lời là chừng nào hết vọng tưởng thì được định, chứ không thể xác định là lúc nào. Đó là việc của mình, mình làm mình biết, người ngoài làm sao trả lời được. Cho nên ở đây nói rằng nếu hỏi những chuyện đó thì chỉ hỏi người gõ, chứ hỏi người thật thì họ cũng không làm gì được, vì đó là việc của mình.

Vậy chúng ta tu là phải cố gắng buông bỏ vọng tưởng điên đảo. Tâm vọng tưởng điên đảo sạch thì tự chúng ta sáng suốt, khỏi cần cầu thành Phật mà Phật cũng đến. Nếu chúng ta không chịu cố gắng buông bỏ, không chịu dùng trí tuệ đánh thức mê lầm nơi mình thì dù có hỏi một trăm người cũng không ai đáp được.

Chánh văn:

**Phóng tứ đại, mạc bả tróc,
Tịch diệt tánh trung tùy ẩm trác.
Chư hành vô thường nhất thiết không,
Tức thị Như Lai đại viên giác.**

Giảng:

Phóng tứ đại, mạc bả tróc, buông xả thân tứ đại, chớ nắm bắt.

Tịch diệt tánh trung tùy ẩm trác, trong tánh tịch diệt của mình, tùy ăn tùy uống. Chỉ cần buông thân tứ đại đừng nắm giữ thì trong tánh tịch diệt tùy ứng dụng, không có gì lo sợ.

Chúng ta bây giờ tu cay đắng tại vì trọng thân quá. Ai cũng quý nó như vàng như ngọc, cho nên đụng chạm nhau thì tóe lửa. Tham giữ thân là cái nguy số một, mọi phiền não khác theo đó dấy động lên. Khi buông nó đi, không nắm giữ nữa, sống với tánh tịch diệt sẵn có, tùy đi đứng nằm ngồi ăn uống một cách tự nhiên, thì đó là chỗ quan yếu của sự tu.

Chư hành vô thường nhất thiết không, tất cả hành động chúng ta làm đều là vô thường. Nếu thấy ai đó tỏ vẻ mến thương mình, điều đó tốt, nhưng mai kia mình có cái gì xấu, hơi tệ tệ một chút thì người ta còn mến thương không? Hết liền. Như vậy, tất cả hạnh đó đều là vô thường, đã vô thường tức không thật, nên đều là không. Thương ghét buồn giận v.v... đều là vô thường, không thật.

Giả sử ai đó đang buồn mình, họ chửi vài ba câu. Mình biết những lời chửi là không thật, họ chửi vài ba câu rồi đi mất. Nếu người ta chửi mà mình nổi nóng cự lại thì chuyện thêm tăng chứ không giảm. Như vậy, từ cái mê thấy thật nên chúng ta cứ tạo nghiệp mãi.

Tức thị Như Lai đại viên giác, liên đó chính là đại viên giác của Như Lai.

Trên không chấp thân, nên sống với hạnh tịch diệt, dưới thấy các hạnh vô thường là không, như vậy là đang sống với đại viên giác, tánh Phật của mình. Vậy muốn thấy Phật, muốn gần Phật khó hay dễ? Như trở bàn tay, chỉ cần thấy tất cả các pháp là vô thường, không thật. Đòi cái thấy tốn đâu bao nhiêu công, vậy mà không chịu đổi.

Như vậy, thấy các pháp không thật, chúng ta mới thành người giác, người tỉnh, nếu thấy nó thật thì cứ ở trong mê. Cũng như trong giấc ngủ, chúng ta thấy cảnh mộng mà nhận cảnh mộng hoặc vui hoặc buồn là thật, thì lúc đó tỉnh chưa? Chỉ lúc nào nói “À cái này mộng, lúc đó mới là người tỉnh. Tỉnh rồi thì mộng tan. Đạo lý chân thật rất là khó hiểu, nhưng hiểu rồi thì thấy nó không phải là khó, chúng ta có thể làm được.

Chánh văn:

**Quyết định thuyết, biểu chân tăng,
Hữu nhân bất khảng nhiệm tình trưng.
Trực tiệt căn nguyên Phật sở ấn,
Trích điệp tâm chi ngã bất năng.**

Giảng:

Quyết định thuyết, biểu chân tăng, nói quyết định để biểu hiện một vị chân tăng.

Hữu nhân bất khẳng nhiệm tình trưng, có người không chấp nhận cứ mặc tình mà hỏi. Nói cách khác, tôi nói thật, tôi nói quyết định như vậy, các ông không tin thì cứ hỏi.

*Trực tiệt căn nguyên Phật sở ấn,
Trích diệp tâm chi ngã bất năng.*

Chỉ thẳng cội nguồn đức Phật đã ấn chứng, còn vạch lá tìm cành, việc đó tôi không thể làm được.

Ngài nói một cách thiết tha. Bởi vì tôi là người tu, tôi nói quyết định rằng điều đó như vậy là như vậy, chứ tôi không thể nào nói khác. Nếu quý vị không bằng lòng thì cứ hỏi. Ở đây tôi chỉ thẳng cội nguồn mà đức Phật đã ấn chứng cho các đồ đệ, chứ không nói những phần chi tiết, những cái nhỏ nhặt để mất thời gian quý báu. Đó là tinh thần của ngài.

Chánh văn:

**Ma-ni châu, nhân bất thức,
Như Lai tạng lý thân thâm đắc.
Lục ban thân dụng không bất không,
Nhất khóa viên quang sắc phi sắc.**

Giảng:

Ma-ni châu, nhân bất thức, mỗi người có hạt châu ma-ni mà không tự biết. Hạt châu đó ở đâu?

Như Lai tạng lý thân thâm đắc, hạt châu trong kho Như Lai của mình, tự mình nhận ra. Mỗi chúng ta đều có hạt châu ma-ni ở sẵn trong kho Như Lai của mình mà mình không biết nhận.

Lục ban thân dụng không bất không, sáu thứ thân dụng, không mà chẳng phải không.

Nhất khóa viên quang sắc phi sắc, một viên trong sáng tròn đầy, sắc mà không phải sắc.

Ngài bảo với chúng ta rằng mỗi người đều có hạt châu ma-ni trong kho Như Lai, cứ ngay đó mà lấy. Lấy được rồi thì sáu thứ thân dụng tức lục thông có diệu dụng không thể lường. Chỉ một viên ma-ni đó mà sáng ngời, sắc mà không phải là hình sắc.

Như vậy là ngài muốn chỉ thẳng cho chúng ta biết nơi mỗi người sẵn có viên ngọc quý mà chúng ta bỏ qua. Nay cần buông hết những cái lặt vặt tạm bợ bên ngoài cho hạt châu của mình hiển hiện, liền đầy đủ lục thông. Lục thông có đủ chẳng phải là không, nhưng cũng chẳng phải thật có. Viên minh châu sáng ngời, sắc mà phi sắc. Sắc là cái dụng chiếu soi bên ngoài, phi sắc là cái thể sẵn có nơi mình.

Chánh văn:

Tịnh ngũ nhãn, đắc ngũ lực,

Duy chứng nãi tri nan khả trác.

Kính lý khán hình kiến bất nan,

Thủy trung tróc nguyệt tranh niêm đắc.

Giảng:

Tịnh ngũ nhãn, đặc ngũ lực, được năm con mắt trong sạch thì cũng được năm lực, ngũ căn ngũ lực được đầy đủ.

Ngũ nhãn gồm có: nhục nhãn là mắt người, thiên nhãn là mắt trời, tuệ nhãn là mắt Thanh văn, pháp nhãn là mắt Bồ-tát, Phật nhãn là mắt Phật. Ngũ lực là tín, tấn, niệm, định, tuệ.

Duy chứng nữ tri nan khả trắc, chỉ người nào chứng được thì người đó tự biết, người khác khó mà lường nổi.

Kính lý khán hình kiến bất nan, nhìn hình trong gương thấy không khó.

Thủy trung tróc nguyệt tranh niêm đặc, nắm bắt mặt trăng trong nước thật là khó được.

Chúng ta ứng dụng phương tiện để tu hành, khi tu thấy được những vọng tưởng của mình, biết nó là bóng không thật, dấy lên rồi mất. Những cái đó dễ thấy dễ biết. Còn cảnh trần ở ngoài không thật giống như trăng đáy giếng mà cứ muốn nắm bắt thì chùng nào mới được.

Trái lại, thế gian thấy cảnh trần thật, tiền của thật, cái gì cũng thật hết, mà nói như trăng đáy nước thì không ai tin. Thân không thật thì những cái mình được cũng là không thật. Cái không thật mà cứ ngỡ là thật thì không bao giờ tỉnh nổi. Cái không thật biết rõ là không thật, đó là người tỉnh.

Người thấy cảnh trần không thật và người thấy cảnh trần thật, hai người đó mặt mũi có khác nhau không? Cũng như nhau, nên trong nhà Phật nói:

*Như nhau dọc mũi ngang mày,
Lòng phàm lòng thánh khác nhau muôn trùng.*

Mày ngang mũi dọc ai cũng như ai, nhưng tâm phàm thấy cảnh gì cũng cho là thật nên mê chấp, còn tâm thánh thì biết nó không thật nên không dính không nhiễm. Hai tâm đó khác xa muôn trùng.

Người tu chúng ta cũng vậy, không phải thành Phật là liền có hào quang sáng rỡ mà chỉ dứt được tâm mê lầm. Tâm mê lầm dứt được là thành bậc giác ngộ. Ai dứt cho mình? Chính là mình chuyển đổi tâm tánh mình. Chuyển được cao thì thành bậc hiền, cao nữa là bậc thánh. Đó là một lẽ thật. Vậy mà người tu ít chịu tìm kiếm lẽ thật, mà cứ tìm đâu đâu.

Chánh văn:

**Thường độc hành, thường độc bộ,
Đạt giả đồng du Niết-bàn lộ.
Điệu cổ thân thanh phong tự cao,
Mạo tụy cốt cương nhân bất cố.**

Giảng:

Đoạn này nói lên tư cách của người đạt đạo.

Thường độc hành, thường độc bộ, thường đi một mình, đứng một mình.

Muốn đi trên đường Niết-bàn phải đi một mình, vì chỗ lạng lẽ không còn vọng niệm đối đãi, không có hai thì làm sao có bạn? Người nào vượt qua đối đãi là đi trên đường Niết-bàn, là độc hành độc bộ.

Bàng Uẩn hỏi Mã Tổ: Chẳng cùng muôn pháp làm bạn là người nào?

Mã Tổ đáp: Đợi ông hợp một ngum cạn nước Tây Giang sẽ nói với ông.

Người không cùng muôn pháp làm bạn là người độc hành độc bộ, là người đi trên đường Niết-bàn.

Đạt giả đồng du Niết-bàn lộ, những người thấu suốt đồng đi trên con đường Niết-bàn. Cần hiểu kỹ chỗ này. Chúng ta tu là việc của mình chứ không phải việc của người khác. Mình bỏ phiền não là việc làm của mình, người khác bỏ phiền não của họ, không phải người khác bỏ phiền não cho mình. Đây là việc làm riêng của mỗi người. Mỗi người đều bỏ sạch phiền não, đi đứng nằm ngồi thanh thoi nhẹ nhàng, tâm không vướng bận, không dính mắc, đó là cùng đi trên con đường Niết-bàn.

Niết-bàn là gì? Niết-bàn là vô sanh, không còn sanh diệt. Khi chúng ta đi biết đi, đứng biết đứng, nằm biết nằm, ngồi biết ngồi mà không dính mắc, cái biết đó có sanh có diệt không? Ai cũng có sẵn cái biết này. Không phải khi ngồi thiền chúng ta mới tu, chính khi đi đứng nằm ngồi chúng ta không để cho tâm chạy theo trần cảnh, không để tâm vướng mắc trần cảnh,

đó là chúng ta đi con đường Niết-bàn. Quý vị đã đi bước nào trên đường Niết-bàn chưa? Bây giờ bắt đầu đi từng bước. Khi tu mọi người đều mong đạt đến Niết-bàn, nếu không chịu đi bước nào thì bao giờ đạt đến? Mỗi người đi, độc hành độc bộ, nhưng ai được như vậy thì cùng đi một con đường như nhau, đó là đường Niết-bàn.

Điều cổ thân thanh phong tự cao, dáng dấp rất thanh nhã, cao thượng.

Mạo tuy cốt cương nhân bất cố, xương cứng thân gầy, người không đoái.

Về mặt tinh thần, người tu nào đi được con đường Niết-bàn thì không điều gì có thể làm cho dính mắc, ô nhiễm. Tinh thần họ luôn khinh an, tư cách thái độ xử sự cao thượng. Tuy nhiên về hình thức, thân họ gầy ốm, chỉ là cái thân bày xương, nên nói xương cứng, thân gầy. Bởi vì người tu không trọng ở thân, mà quý nơi tinh thần cao thượng, sáng suốt, nên đối với sự ăn mặc v.v... không hề bận tâm. Người đời nhìn người qua hình dáng nhiều hơn là tư thái, tinh thần, thường chỉ quan tâm đến những ai có vẻ phương phi, còn thấy người thân thể gầy ốm thì coi thường, không thèm đoái tới.

Chánh văn:

**Cùng Thích tử khẩu xưng bản,
Thật thị thân bản, đạo bất bản.
Bản tác thân thường phi lũ hạt,
Đạo tác tâm tàng vô giá trân.**

Giảng:

Cùng Thích tử khẩu xưng bần, người con Phật miệng xưng nghèo, gọi là bần tăng. Nhưng thật có nghèo không?

Thật thị thân bần, đạo bất bần, thân thì nghèo thật, đơn giản tri túc, nhưng đạo không nghèo.

Bần tắc thân thường phi lữ hạt, nghèo vì thân thường mặc áo vá, áo nhuộm.

Đạo tắc tâm tàng vô giá trân, đạo thì trong tâm chứa hạt châu vô giá.

Như vậy, người tu bên ngoài thấy nghèo nhưng trong tâm họ chứa của báu vô giá. Ngày nay, hàng Thích tử miệng xưng bần tăng mà thân thì không bần, trái với người xưa một chút. Thân mà phú thì đạo làm sao? Đạo bần! Chỗ này tôi xin nhắc để quý vị thấy người thời nay hơi lẫn lộn như vậy. Cho nên đây là những lời của người xưa nhắc nhở dạy bảo người con Phật phải ráng gìn giữ.

Chánh văn:

Vô giá trân, dụng vô tận,

Lợi vật ứng cơ chung bất lận.

Tam thân, tứ trí thể trung viên,

Bát giải, lục thông tâm địa ấn.

Giảng:

Vô giá trân, dụng vô tận, trong kho tâm chứa đựng hạt châu vô giá, dùng hoài không hết.

Lợi vật ứng cơ chung bất lận, tùy duyên làm lợi ích cho người và vật, ứng hợp với căn cơ chúng sanh, không tiếc rẻ, bỏn sẻn.

Tam thân, tứ trí thể trung viên, trong thể tánh tròn đủ tam thân, tứ trí.

Bát giải, lục thông tâm địa ấn, ngay nơi tâm địa sẵn có bát giải thoát và lục thần thông.

Như vậy người tu tuy thấy nghèo, thân thể gầy ốm, nhưng đạo tâm sung mãn. Nhờ đạo sung mãn nên cần gì đều được như ý, không hề thiếu thốn.

Chánh văn:

**Thượng sĩ nhất quyết nhất thiết liễu,
Trung hạ đa văn đa bất tín.
Đản tự hoài trung giải cấu y,
Thùy năng hướng ngoại khoa tinh tiến?**

Giảng:

*Thượng sĩ nhất quyết nhất thiết liễu,
Trung hạ đa văn đa bất tín.*

Bậc thượng sĩ một khi quyết định là nhất định làm xong, còn hàng trung căn, hạ căn càng nghe nhiều lại càng nghi ngờ, lòng tin không vững. Tại sao vậy? Bởi vì người tâm trí sáng suốt nghe thấy lẽ thật thì nhận hiểu liền, còn bậc trung, bậc hạ không phân biệt được chánh tà, phải quấy, nên càng nghe càng không tin.

*Đản tự hoài trung giải cấu y,
Thùy năng hướng ngoại khoa tinh tiến?*

Chỉ ngay trong lòng mình tự cởi áo dơ, ai lại hướng ra ngoài khoe mình tinh tấn! Đây là câu quả người tu. Chúng ta tu là xoay lại, nhắm vào chính mình để sửa sai, gạn lọc những xấu dở, mê muội. Không phải tu để cho người ngoài thấy mình tu hay, rốt cuộc chỉ là cái dáng để khoe người chứ không phải thật tâm tu. Tu mà không lo cởi cái áo dơ trong lòng, chỉ hay hướng ra ngoài khoe tinh tấn, như vậy là tu để cho thiên hạ thấy chứ không phải tu để dẹp cái xấu dở nơi mình. Ngài Huyền Giác muốn nhắc chúng ta phải cởi bỏ, giặt giũ chiếc áo nhơ nơi tâm cho sạch, còn chuyện hình thức bên ngoài không quan trọng thì đừng quá quan tâm. Người thật tu nên tự xét lại mình.

Chánh văn:

**Tòng tha báng, nhậm tha phi,
Bả hỏa thiêu thiên đồ tự bì.
Ngã văn khắp tự ẩm cam lộ,
Tiêu dung đốn nhập bất tư nghi.**

Giảng:

Tòng tha báng, nhậm tha phi, mặc tình cho người chê bai, phỉ báng. Dù ai có chê bai, phỉ báng, mình cũng không bận lòng, phiền giận.

Bả hỏa thiêu thiên đồ tự bì, người phỉ báng cũng như kẻ cầm đuốc đốt trời, chỉ luống nhọc nhằn, dù đốt suốt đời cũng không cháy. Nếu tâm chúng ta thanh thản, không cố chấp, buồn giận thương ghét, tâm như hư không, thì mặc cho người chê bai gièm siểm, mình vẫn

thản nhiên tự tại. Kẻ chê bai kia chỉ như người cầm đuốc đốt trời.

Quý vị tu vậy được chưa? Tâm chúng ta không như hư không mà là đóng bồi, vừa châm lửa liền cháy rần rần. Do đó ngài khuyên chúng ta tu hành nên mặc người khen chê, gièm siểm, phần mình vẫn thản nhiên tự tại.

Ngã văn khắp tự ẩm cam lồ, ngài nghe người chê bai phỉ báng giống như được uống nước cam lồ. Bồ-tát Quán Thế Âm tay cầm tịnh bình, trong chứa nước cam lồ, vừa mát vừa ngọt. Khi chúng ta bị nóng bức mà được uống nước cam lồ thì mát mẻ ngọt ngào.

Đối với ngài Huyền Giác, dù ai có chê bai gièm siểm, tâm ngài không dấy động, giống như người đó đang đốt hư không vậy. Ngài nghe những lời chê bai của người tự như uống nước cam lồ, mát mẻ ngọt ngào. Tu hành là phải như vậy.

Tiêu dung đón nhập bát tư nghi, tất cả đều tan biến vào chỗ không thể nghĩ bàn.

Ngày nay, người tu ở trong chùa thỉnh thoảng nói qua nói lại, có khi giận bỏ ăn cơm, có khi xách gói đi v.v... vậy là giống như uống cam lồ hay uống nước muối? Chúng ta phải làm sao mà nghe lời khen chê phỉ báng như uống nước cam lồ, rồi sau đó thấy đều tiêu dung không còn dấu vết. Tu như vậy mới đáng là tu.

Lâu nay, khi bị ai chê bai, chúng ta chịu không nổi. Tại sao? Vì cho là họ làm nhục mình khinh bỉ mình... Nhưng thử đặt câu hỏi lại: Mình là cái gì? Cái gì là mình

mà bị nhục nhã, khinh bỉ? Có phải là thân này không? Tứ đại đâu biết nhục nhã. Như vậy tâm là mình phải không? Cái tâm so sánh hơn thua phải quấy đâu có thật. Thử tìm coi cái tâm đó đang ở đâu? Vừa kiếm thì nó mất tiêu. Khi gặp duyên nó liền dấy, hết duyên thì nó tan, vậy tâm này thật không?

Thí dụ như khi giọt nước mưa từ mái nhà rơi xuống, bong bóng nước nổi lên một chút rồi tan. Do giọt mưa rơi xuống chạm nền nước ở dưới mà nổi bong bóng, đó là đợi duyên mà có, có rồi mất. Những thương giận, buồn vui của mình có đợi duyên mà có không? Khi ai đó chọc ghẹo, nghĩ người đó nói hơn thua, hoặc nói xấu gì mình liền nổi giận, một lát sau thì hết. Như vậy, cái giận đó đợi duyên mới có, duyên qua rồi thì mất, vậy đâu có thật. Cái không thật mà mình cố giữ nên khổ.

Nhiều người khi nghe người khác rầy la, chê trách chịu không nổi, cho là phạm tới danh dự mình, phải tìm cách này cách nọ để hơn thua. Như vậy chúng ta là một đồng rác hay là hư không? Là đồng rác khô, chỉ một tàn lửa nhỏ xíu cũng bắt cháy. Nếu tâm chúng ta rỗng rang như hư không, không chấp nê, thì ai nói gì cứ nói, mình không hờn không giận. Như vậy sẽ được lợi ích lớn.

Có một chú nhỏ hỏi tôi: “Thưa Thầy, như có người nói nặng mình thì làm sao dần được tâm tức giận?” Tôi đáp: “Con áp dụng lý nhân quả thì hết giận ngay.” Nếu mình nghĩ người này chưa từng quen biết mà vừa gặp

mình liền mắng chửi, thật là đáng giận, nghĩ vậy thì cơn giận nơi mình sẽ khởi lên ngay và mình làm dữ lại họ, liền thành một cuộc ấu đả. Trái lại, nếu thử đặt câu hỏi, có bao giờ mình mắng chửi những người mà mình không giận tức? Nếu không có giận sẵn thì đâu có mắng chửi. Bây giờ người ta gặp mình liền mắng chửi, tức là mình đã làm điều gì đó khiến người ta ức trong lòng lắm. Vậy nên hỏi: “Thưa anh, thưa chị, không biết tôi có làm điều gì lầm lỗi mà anh chị chửi tôi?” Nếu họ kể ra thì mình xin lỗi, còn họ chửi lầm thì thôi bỏ qua, vậy là huê.

Như vậy lửa sân họ vừa đốt gặp mình liền nguội lạnh, cũng như đốt lửa nơi vũng nước thì không cháy được. Ngược lại, nếu họ vừa mắng, mình liền nổi nóng cự lại, thì lửa gặp lửa cháy rần rần, sân hận oán thù chừng nào mới hết? Chắc là liên tục nhiều đời.

Phật dạy không có cái quả nào mà chẳng có nhân, từ nhân rồi mới đến quả. Hôm nay người ta giận mình, biết là mình đã làm gì đó nên họ mới giận, người ta thương mình cũng bởi mình đã làm cho người ta mến thương. Vậy nên khi việc đến hãy xét lại mình, tạo điều kiện để người đó giải bày thì hai bên hết giận, rồi tất cả đều tiêu dung đến chỗ không thể nghĩ bàn. Đó là giá trị của sự tu. Quý vị có can đảm làm việc này không?

Ngài Huyền Giác không chỉ khuyên dạy bằng lời, chính ngài tự nhận khi gặp những trường hợp đó đã xử sự như vậy. Chúng ta nên học, bắt chước làm theo. Được vậy thì tu tiến không thể nào lường nổi.

Chánh văn:

**Quán ác ngôn, thị công đức,
Thử tác thành ngô thiện tri thức.
Bất nhân san bán khởi oan thân,
Hà biểu vô sanh từ nhĩ lực?**

Giảng:

Quán ác ngôn, thị công đức, ngài bảo mình phải quán chiếu thấy lời nói ác của người là công đức cho mình.

Thử tác thành ngô thiện tri thức, người chửi bới mắng nhiếc mình là thiện tri thức của mình.

Thí dụ như khi nghe người ta khen mình tu hay tu giỏi, nhưng thực tế có khi mình tu dở, thì chúng ta sẽ ngăn lại hay là hài lòng cười? Hoặc như người đời, nghe ai khen “anh là người trượng phu, anh là một bậc danh nhân” hoặc “cô thật có tâm đại từ đại bi, giúp đỡ tất cả mọi người” v.v... thì có từ chối lời khen không? Hay chỉ cười cười, trúng hay trật đều không từ chối. Chúng ta thường có cái bệnh này. Tất cả lời khen đó mình biết là không đúng sự thật, mình chưa xứng đáng, nhưng không can đảm cải chánh và có lẽ cũng thấy hài lòng.

Có khi người ta khen là để lợi dụng, khen ngợi vượt ve cho thỏa mãn cái tâm cầu danh của mình để rồi cầu cạnh nhờ vả. Lỡ nhận lời người khen rồi không lẽ trở lại eo hẹp không giúp đỡ. Trong đạo cũng vậy, người ta khen cũng để thử coi tâm ngã mạn của mình tới đâu. Nghe khen có đức hạnh, mà thật tình đức hạnh mình chưa xứng đáng, nếu chịu nhận tức là thích cầu cao.

Nghe khen mà từ chối, cho mình là người ít công đức, không dám so với các vị khác, thì có mấy ai!

Người khen để chúng ta tăng trưởng bản ngã, đó là thiện tri thức hay ác tri thức? Người làm mình tăng trưởng tâm danh lợi tâm ngã mạn, là người hại mình chứ đâu phải giúp đỡ mình, không phải là thiện tri thức. Trái lại, nếu có ai gặp mình nói, ông thầy này tu lơ mơ mà giả bộ đạo mạo, nghe liền khó chịu, thấy như là lời ác, nhưng nếu sau đó tự xét thấy mình tu còn dở thật, người ấy nói đúng, nhờ vậy mà cố gắng tu hơn. Vậy nên nói: “Quán ác ngôn thị công đức, thử tắc thành ngô thiện tri thức.” Người nói lời ác đó là thiện tri thức của mình.

Quý vị học câu này rồi, huynh đệ có nói câu gì nặng nhẹ thì vỗ vai bảo, anh chị là thiện tri thức của tôi. Vậy là người ta hết nói, mình cũng không có gì buồn phiền, mới thật tu hay. Tu hay là khi gặp người khinh chê, mình vẫn quý kính người đó chứ không nên oán thù. Nhờ họ dám chỉ chỗ xấu dở của mình mà mình biết chừa bỏ, chính là thiện tri thức. Còn những người nói đối gạt để tô điểm cho bản ngã tăng trưởng mới thật có hại cho mình. Tuy nhiên, trong chùa cũng như ở thế gian, có mấy ai bị người ta khinh khi, chê báng mà vui mừng, xem như được thiện tri thức nhắc nhở?

Bất nhân san báng khởi oan thân,

Hà biểu vô sanh từ nhân lực?

Chẳng vì bị chê bai mà khởi tâm oán hay thân. Nếu khởi tâm giận hờn oán ghét thì đâu thể nêu rõ sức từ nhân vô sanh, không đủ tư cách tiêu biểu cho người

có đủ sức nhẫn nhục lớn, có lòng từ bi lớn và có tâm vô sanh an lạc. Người tu hành nhẫn nhục, từ bi thì dù có khen chê vẫn tự tại, thản nhiên, không oán hờn thù hận. Nếu còn oán hờn, còn thấy có người thù thì chưa phải là người có lòng từ bi, có đức nhẫn nhục, vô sanh.

Vậy giới tăng ni chúng ta hiện tại có oán thù ai không? Đối với huynh đệ trong chùa không có oán thù, nhưng nếu ai đó ở ngoài làm những điều phiền nhiễu mình thì có oán thù họ không? Đừng bao giờ khởi niệm, đó là người thù của tôi. Còn gọi là người thù thì chưa phải từ bi. Có lòng từ bi thì không có oán thù, còn có oán thù thì không phải từ bi. Phật tử chúng ta tu cũng phải như vậy.

Đạo Phật là đạo trí tuệ, đạo từ bi, người tu học đạo Phật mà còn thù oán người này, hờn giận người kia thì còn từ bi không? Không từ bi thì xứng đáng là Phật tử chưa? Quý Phật tử tự đánh giá mình, nếu chúng ta xứng đáng đệ tử Phật thì ai làm điều gì khó khăn, nhục nhã đối với mình, chúng ta cũng không thù không oán. Bỏ qua và tha thứ, đó là đạo đức chân thật. Ai còn nói tôi thù người này quá, tôi hận người kia quá thì Phật tử đó hơi giả hiệu một chút, chỉ có cái tên, có lá phái mà chưa thấm trong tâm.

Vậy mà đôi khi ở trong chùa cũng có hơi rầy rà. Khi rầy rà thì nói tôi không ưa chị, không muốn thấy mặt chị... Chúng ta nên dè dặt từng lời nói, đạo đức không cho phép chúng ta nói những lời như vậy. Dù đối với mình, người đó có dễ ghét bao nhiêu cũng là người tốt,

ai cũng là huynh đệ với mình, đều là đồng đạo, nên không oán hờn ai hết, đó mới thật là người tu. Nếu họ làm sai, mình thương mà nhắc, chứ không phải giận mà rầy. Có người biện bạch, tại khó dạy quá nên tôi giận tôi la cho nó hết tật, vậy là giận mà la chứ không phải từ bi. Từ bi thì rầy bằng lòng thương chứ không bằng sân giận, như vậy mới xứng đáng là người tu.

Do vậy, ngài Huyền Giác khuyên chúng ta không nên vì những lời chê bai mà sanh oán hoặc thân. Nếu có oán, có thân thì không đủ tiêu biểu cho đức từ bi, nhẫn nhục.

Chánh văn:

**Tông diệc thông, thuyết diệc thông,
Định tuệ viên minh bất trệ không.
Phi đản ngã kim độc đạt liễu,
Hà sa chư Phật thể giai đồng.**

Giảng:

Đây ngài nói cho chúng ta biết chỗ thành tựu của ngài.

Tông diệc thông, thuyết diệc thông, tông cũng thông, thuyết cũng thông. Tông chỉ cho thiên, nên gọi Thiên tông; thuyết chỉ cho pháp nên gọi thuyết pháp. Người tu thông suốt cả thiên và giáo pháp nên gọi là tông thông, thuyết thông.

Định tuệ viên minh bất trệ không, được định và tuệ tròn sáng, không bị rơi vào Không hay kẹt ở chấp Không.

Như vậy người tu đạo Phật phải thấu suốt được hai mặt, một là thiên, hai là giáo. Thông suốt đường lối tu thiên và thông suốt giáo lý Phật dạy mới tròn đủ định và tuệ, mới không dính kẹt nơi chấp có chấp không.

*Phi đản ngã kim độc đạt liễu,
Hà sa chư Phật thể giai đồng.*

Chẳng phải chỉ riêng mình tôi xong được việc này, mà hà sa chư Phật cũng đồng một thể như vậy.

Nhìn lại người tu hiện nay, tông và thuyết có thông chưa? Đó là một câu hỏi để chúng ta tự xét lại, nếu thấy còn thiếu thì phải ráng cho đủ. Do đó tôi chủ trương “Thiên Giáo song hành”, nghĩa là cả hai đều phải thông suốt, thì định và tuệ mới được tròn sáng. Ngày nay, có người chỉ muốn chuyên tu, cho rằng không cần học giáo lý, lại có người chỉ chuyên học giáo lý mà không chịu tu. Đạo Phật không cho phép chỉ nghiêng về một bên, mà phải có đủ cả Thiên và Giáo, định lẫn tuệ. Định tuệ được tròn sáng mới xứng đáng là người tu theo Phật.

Như vậy, tông thông và thuyết thông không phải chỉ là việc riêng của ngài được, mà hàng sa chư Phật cũng đều như vậy.

Chánh văn:

**Sư tử hống, vô úy thuyết,
Bách thú văn chi giai nào liệt.
Hương tượng bốn ba thất khước uy,
Thiên long tịch thính sanh hân duyệt.**

Giảng:

*Sư tử hống, vô úy thuyết,
Bách thú văn chi giai nã liệt.*

Tiếng rống con sư tử là tiếng rống tự tại, không sợ sệt, không e dè. Khi trăm thú nghe tiếng rống sư tử, đầu nã muốn vỡ tung. Cũng vậy, những lời nói chân thật, những lời chỉ thẳng tâm tánh, người tầm thường nghe không hiểu nổi cho nên hoảng hốt, sợ sệt.

Như tất cả chúng ta hiện nay, ai cũng muốn nghe, muốn biết được lẽ thật. Thế nhưng khi nói lẽ thật, quý vị chịu nghe hay là hoảng sợ? Chỗ này tôi dùng một thí dụ nhỏ cho quý vị thấy. Như ngày đầu năm, có vị lại mừng tuổi mình: “Chúc thầy năm nay chết sớm.” Nghe câu đó quý vị bằng lòng hay là mắng ông thầy đó khùng, đuổi ra khỏi phòng? Nếu nghe xong bảo: “Huynh thật tốt, chúc vậy thì năm nay tôi tu rút.” Chết sớm nên phải lo tu rút chứ đâu thể tu lơ mơ, vậy là giúp cho mình! Còn người không biết tu, nghe chúc chết sớm thì hoảng sợ, ông này trừ rửa tôi, liền nổi sân hận.

Như vậy, cùng một câu nói, người hiểu biết thấy tốt lành, người không biết trở thành thù oán. Người thành thù oán nhiều hay ít? Có lẽ nhiều, trăm người như một, chứ ít ai nghe chúc chết sớm mà mừng, cảm ơn anh nhắc tôi, năm nay tôi ráng tu nhiều! Thật ra đó là lời nói chân thật, lợi ích. Phật nói mạng sống trong hơi thở, nghe hơi lạ tai, khó chịu, nhưng đó là lẽ thật. Có ai thở ra không hít vào mà sống đâu! Chỉ có hơi thở là định thời gian sống chết đúng như thật, còn tuổi tác không đúng.

Ai dám bảo đảm mình tới tuổi nào mới chết, chỉ thử khi ra không hít lại là chết. Nghe mỏng manh, tạm bợ làm sao, nhưng đó là một lẽ thật.

Người này chúc mình trong khoảng một năm mới chết, vậy cũng còn xa, tại sao nổi giận? Bởi vì lời thật thì khó nghe. Người ta thích được chúc bá niên trường thọ, nhưng có mấy người sống đến trăm năm? Vậy đó là chúc rỗng, không có lẽ thật mà người ta lại ưa.

Hương tượng bên ba thất khước uy, voi lớn nghe tiếng rống của sư tử cũng hoảng hốt mà chạy, mất cả oai phong.

Thiên long tịch tịnh sanh hân duyệt, hàng long thiên lắng nghe, sanh vui vẻ.

Khi tiếng rống không sợ hãi của sư tử cất lên, trăm thú nghe đều hoảng hốt. Những lời nói đúng lẽ thật của Phật tổ cũng vậy, người thường nghe không nhận hiểu sẽ thấy kinh hoàng, người yếu đuối nghe chịu không nổi. Hàng Thanh văn nếu nghe cũng còn e sợ không vui. Chỉ hàng căn khí Đại thừa lắng lẽ nghe lời Phật dạy tâm sanh vui vẻ. Đó là ngài Huyền Giác nói lên giá trị cao siêu của Phật pháp, người thường không dễ thấu hiểu.

Chánh văn:

**Du giang hải, thiệp sơn xuyên,
Tâm sư phỏng đạo vị tham thiên.
Tự tông nhận đắc Tào Khê lộ,
Liễu tri sanh tử bất tương quan.**

Giảng:

Du giang hải là đạo biển sông; *thIỆP sơn xuyên* là đi trong rừng, lội qua suối.

Tâm sư phỏng đạo vị tham thiên. Tìm thầy để hỏi đạo gọi đó là tham thiên. Tham là tham vấn, thiên là thiên định hay thiên tông. Ở đây ngài không phải nói chung, mà muốn nói riêng chuyện ngài đã từng đi chỗ này đến chỗ kia, qua sông qua biển, lội suối trèo non để tìm thầy học đạo, gọi là đi tham thiên.

*Tự tông nhận đắc Tào Khê lộ,
Liễu tri sanh tử bất tương quan.*

Từ khi nhận được con đường Tào Khê, tức nhận được con đường của Lục Tổ chỉ dạy, thì ngài biết rõ sanh tử không còn dính dáng gì tới mình nữa. Đây là lời ngài tán thán Lục Tổ.

Như vậy, người tu đạo không vướng mắc sanh tử. Thế thì ngài Huyền Giác có chết không? Nếu vẫn chết là còn vướng sanh tử. Bốn mươi tám tuổi ngài đã tịch, vậy còn sanh tử không? Đó là chỗ tôi muốn nói cho tất cả hiểu tường tận lý đạo.

Tôi kể lại từ đầu. Sau khi ngộ được tâm ấn của Ngũ Tổ trong đêm nghe giảng kinh Kim Cang, Lục tổ Huệ Năng được thầy đưa qua sông đi về phương Nam. Mấy hôm sau chúng trong chùa không thấy Ngũ Tổ mở cửa thất, thưa hỏi thì Tổ nói y bát đã về phương Nam rồi. Đối với Thiên tông, ai được truyền y bát là người đó lãnh trách nhiệm giáo hóa thay cho Tổ. Chúng hỏi:

“Ai là người được truyền?” Tổ bảo: “Người có khả năng thì được.” Chúng biết là ngài Huệ Năng, liền đuổi theo.

Có vị tăng hiệu Huệ Minh trước kia là tướng quân, cưỡi ngựa giỏi nên đuổi kịp ngài. Lục Tổ để y bát trên bàn đá rồi ẩn trong lùm cây. Ông tăng Huệ Minh thấy y bát mừng quá chạy đến ôm lên nhưng không nhắc nổi. Ông biết đây là vật phi thường không thể đem tâm phàm tục mà giành giật được, liền đổi tâm giành y bát thành tâm tôn kính học đạo, kêu lên: “Hành giả, hành giả, tôi vì pháp mà đến, chẳng phải vì y bát.” Tổ nghe vậy liền bước ra, nói: “Ông đã vì pháp mà đến thì nên dứt sạch các duyên, chớ sanh một niệm, tôi sẽ vì ông nói.” Huệ Minh yên lặng giây lâu, Lục Tổ nói: “Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, chính khi ấy cái gì là bản lai diện mục của thượng tọa Minh?” Ngay đó Huệ Minh đại ngộ.

Quý vị ngộ chưa? Tại sao ông tăng Huệ Minh nghe câu đó ngộ mà mình không ngộ? Đó là một vấn đề.

Khi quý vị ngồi thong thả một mình, không nghĩ phải, không nghĩ quấy, không nghĩ hơn, không nghĩ thua, lúc đó quý vị có biết không? Nếu không biết thì chim kêu sao nghe rõ, gió thổi sao biết mát, người đi sao mình thấy? Như vậy, mắt đang thấy, tai đang nghe, thân biết xúc chạm, tức đang biết rõ ràng. Nhưng chúng ta quên cái biết thường trực đó, gọi là bản lai diện mục, mà chỉ nhớ cái hơn thua, phải quấy, tốt xấu. Trong đầu chúng ta, hết chuyện phải qua việc quấy, lằng xằng lộn xộn tối ngày, còn cái thật của mình thì quên mất.

Lục Tổ bảo không nghĩ thiện, không nghĩ ác, tức là lúc đó không nghĩ hai bên, thì cái gì là bản lai diện mục? Thượng tọa Minh ngay đó nhận ra cái biết chân thật hiện tiền. Quý vị có cái biết này không, có người nào thiếu không? Mà sao không chịu nhớ cái đó, đi kiếm Phật ở đâu đâu! Cho nên nhà thiền gọi là “công Phật đi tìm Phật, cưới trâu đi tìm trâu”.

Chúng ta ngồi thiền để buông bỏ vọng tưởng lăng xăng. Khi vọng tưởng lặng hết thì cái chân thật hiện tiền. Nhưng thường chúng ta nghĩ hết cái này tới cái kia, lăng xăng lộn xộn, cho nên Phật gọi là điên đảo. Lẽ ra, khi cần làm việc gì mình nghĩ tính việc đó, xong rồi thì yên, sẽ khỏe cho cái đầu biết bao! Trái lại, người đời đi đứng gì cũng lăng xăng nghĩ ngợi, chuyện năm trên năm dưới cũng nhớ, cứ ôn tới ôn lui. Chuyện bên Tây, bên Tàu mình cũng muốn nghe, tìm nghe, rồi tối ngồi lại nhớ. Vậy nên cứ lộn xộn trong đầu hoài, có yên ổn lúc nào đâu!

Chúng ta thấy người nào đi đường mà nói làm xàm một mình, sẽ gọi là người điên. Nhưng hiện nay trong đầu mình có nói làm xàm không? Cho tới đi tiểu, đi đại cũng còn nghĩ ngợi, làm xàm ở trong đầu. Vậy mình có điên không?

Quý vị nên tập, khi đi chỉ biết đi, ăn cơm chỉ biết ăn cơm, làm việc chỉ biết làm việc, đó là thiền. Thiền là sống trở lại tâm thanh tịnh lặng lẽ của mình. Chữ thiền có nghĩa là tĩnh lự, tức dừng cái nghĩ suy. Tu không phải là chuyện trên trời trên mây, mà tu là giải quyết

cái điên hay nói làm xàm trong đầu mình, để cho mình được tự chủ. Khi cần nghĩ sẽ cho nghĩ, không cần thì yên lặng. Được vậy là tu giỏi, đi đứng nằm ngồi đều là thiền.

Người niệm Phật cũng dùng câu niệm Phật để bỏ hết những loạn tưởng, tâm yên định rồi thì thấy Phật, Cực lạc hiện tiền. Niệm Phật muốn được nhất tâm, tu thiền muốn định mà cứ nhớ chuyện nhảm nhí thế gian thì chùng nào nhất tâm, chùng nào được định?

Như vậy, không nghĩ thiện, không nghĩ ác, thì bản lai diện mục hiện tiền. Hết sức đơn giản, hết sức dễ dàng, thực tế mình đang có! Cái hiện tiền mình đang có mà lại quên, chạy theo những lăng xăng lộn xộn trong đầu rồi than khó tu. Ai làm mình khó? Hay tại mình nuôi dưỡng những thứ không ra gì? Bây giờ nên gạt lọc, cái gì cần nghĩ thì nghĩ, thí dụ như nghe kinh, nghe giảng, còn những chuyện bên ngoài bỏ qua. Đừng đem vô nhiều tự nhiên bỏ ra dễ dàng.

Hiểu rõ mới thấy sự tu hết sức đơn giản. Đức Phật đã thấy, ngài chỉ cho các tổ. Chư tổ nhận được điều đó, các ngài đã sống tự tại. Chúng ta bây giờ tu cũng vậy, Thiền hay Tịnh đều phải dừng tâm loạn tưởng. Niệm Phật nhất tâm thì Cực lạc hiện tiền. Ngồi thiền không nghĩ thiện, không nghĩ ác, lặng hết tâm suy nghĩ hai bên, tức là định. Như vậy, cái chân thật của mình vốn đầy đủ, không hề thiếu vắng.

Tu Phật không khó. Phật là ngay nơi hiện tại này, hết nghĩ lăng xăng thì Phật thật liền hiện ra, nên nói Phật tức Tâm, nghĩa là ngay nơi tâm mình chứ không

đâu xa. Nếu không dùng những suy nghĩ lăng xăng thì Phật không hiện, bởi lo nhớ cái lăng xăng thì đâu còn nhớ Phật. Dẹp hết lăng xăng tức là nhớ Phật.

Rất dễ mà chúng ta tu thấy thật khó, chỉ vì đã quá quen thói điên đảo, chạy theo hoài những suy nghĩ lăng xăng trong đầu nên quên cái biết hiện tại. Nay trở về cái biết hiện tại, bỏ hết lăng xăng. Biết hiện tại là biết Phật, nên nói Tâm tức Phật, Phật tức Tâm.

Khi nhận được con đường Tào Khê tức con đường Lục Tổ chỉ dạy “không nghĩ thiện, không nghĩ ác”, thì việc sanh tử nào có dính dáng với mình.

Chỗ này tôi nói thêm cho quý vị hiểu. Trong bài sám hối:

*Tánh tội vốn không, do tâm tạo,
Tâm nếu diệt rồi tội liền tiêu.
Tội tiêu tâm diệt, thấy đều không,
Thế ấy mới là chân sám hối.*

Tánh tội vốn không, nhưng nay có là do tâm tạo. Tâm mình nghĩ xấu ác rồi mới nói lời xấu ác, làm điều xấu ác, thì thành tội. Như vậy, tội tự nó không sẵn có, mà từ tâm ý mình ra. Muốn hết tội thì trước phải hết tâm xấu ác đó. Tâm là gốc, là đầu mối của tội, nếu Phật tử đi chùa lạy sám hối mà tâm ác không bỏ, không dẹp gốc chỉ trừ ngọn thì làm sao hết tội được.

Như vậy tội không có thật, gốc từ tâm mình. Nếu tâm dứt được niệm thiện, niệm ác thì tội cũng theo đó hết.

Cho nên nói tội hết tâm cũng không, đó mới thật là chân sám hối. Còn khởi niệm tốt xấu hơn thua là còn tạo nghiệp, tạo nghiệp thì thành tội. Nay dứt tâm nghĩ phải quấy hơn thua thì đâu còn tạo nghiệp, tội làm sao mà có, như vậy mới thật hết tội. Sám hối vậy mới thật hoàn toàn giải thoát.

Sự tu gốc ở mình chứ không phải ở ngoài. Chúng ta thường đổ thừa tại người này người kia làm mình khổ. Tại người ta hay tại mình? Mình nghĩ thế này thế nọ, khi người ta không nghĩ giống mình thì sanh chuyện. Nói tóm lại là ở thế gian này người ta không ai chịu nhận mình điên đảo, cứ đổ trút qua người khác, vậy đó mà cả ngày bất an.

Hiểu rõ ý nghĩa này mới thấy cái hay, cái quý của sự tu chân thật.

Chánh văn:

**Hành diệc thiên, tọa diệc thiên,
Ngữ mặc động tịnh thể an nhiên.
Túng ngộ phong dao thường thảo thảo,
Giả nhiều độc dược dã nhàn nhàn.
Ngã Sư đắc kiến Nhiên Đăng Phật,
Đa kiếp tăng vi nhĩn nhục tiên.**

Giảng:

*Đi cũng thiên, ngồi cũng thiên,
Nói nín động tịnh, tâm thể vẫn an nhiên.
Dù cho gặp đao bén nhọn cũng thường tự nhiên,*

*Giả như uống lầm thuốc độc vẫn tự tại thanh thoi,
không có gì sợ sệt.*

Khi đi chỉ biết đi, trong đầu không nghĩ lăng xăng lộn xộn, thì đi đó là thiền. Nhiều khi nói thiền hành mà đi chừng năm ba bước lại nghĩ chuyện hôm qua hôm kia, tức cũng không phải thiền. Khi ngồi tâm lặng lẽ, không nghĩ trước nghĩ sau v.v... đó là thiền. Ngồi trước bàn Phật cũng thiền, ngồi trên võng cũng thiền. Trọng yếu là tâm lặng lẽ không dấy động.

Thiền nói đủ là thiền-na theo âm tiếng Phạn (Dhyāna), Trung Hoa dịch là tịnh lự. Tịnh là lặng, lự là suy gẫm. Lặng những cái suy nghĩ thì gọi là thiền. Như vậy, đi đứng ngồi nằm mà không suy nghĩ lăng xăng đều là thiền. Nhưng tại vì mình quá lôi thôi, tôi có thể dùng một từ mà quý vị hơi khó chịu một chút là tại mình điên lậm quá. Chúng ta điên lậm quá nên cứ làm xàm hoai, không thể nào tìm được, buộc phải đến trước bàn Phật mặc áo tràng nghiêm chỉnh, ngồi kiết già điều tâm cho đỡ lộn xộn. Do bệnh nặng nên thuốc cũng phải hơi nặng, dù đau chân cũng phải cố gắng chịu đựng để làm chủ vọng tâm, từ từ mới lắng dịu. Nếu để thông thả rồi nghĩ ngợi lung tung thì chừng nào thành thiền!

Vì vậy mà bắt buộc phải ngồi nửa giờ, một giờ nghiêm chỉnh. Giả sử khi không ngồi, trong nửa giờ mình khởi niệm một trăm lần, còn khi ngồi có sự thúc liễm thì chỉ nghĩ tám chục lần. Rồi giảm từ từ còn năm chục, bốn chục, ba chục. Đó là giảm điên loạn của mình. Như vậy mới hiểu được ý nghĩa ngồi thiền, ý nghĩa tu thiền.

Ngữ mặc động tịnh thể an nhiên. Ngữ là nói, mặc là nín. Khi động, khi tịnh tâm mình cũng an nhiên tự tại. Thí dụ thợ may thì cứ nhắm thẳng đường may mà may, may là động nhưng tâm vẫn an. Thợ mộc đang bào, đang đục mà tâm không nghĩ gì hết, đó là an. Như vậy dù động hay tịnh vẫn an ổn, chứ không phải ngồi yên mới an.

*Túng ngộ phong đao thường thản thản,
Giả nhiều độc dược dã nhàn nhàn.*

Dù gặp đao bén vẫn thản nhiên không sợ. Giả sử bị thuốc độc vẫn thản nhiên hạ, không bực bội khổ đau. Như vậy bình thường tâm mình lặng, trong cảnh rất hiểm nguy tâm mình cũng lặng. Được như vậy mới là tự tại giải thoát.

Bước đầu, trong cảnh bình thường mà lặng là tốt lắm rồi. Cho nên giờ ngồi thiền phải ngồi yên, không được động dậy. Ngồi cho lặng để tập yên lần lần. Chừng nào giỏi rồi đi ra đường thiên hạ làm gì thì làm, nói gì thì nói, mình cũng không dính mắc, như vậy mới hay. Đến khi gặp tai họa dồn dập, mình vẫn tự tại. Đó là thành công viên mãn.

Bây giờ mình cho sanh tử là thật, sống là thật sống, chết là thật chết. Nhưng có thật không? Theo lý luân hồi của đạo Phật thì sanh rồi sẽ tử, mà tử là sẽ sanh, chứ đâu phải dứt. Như vậy sanh cũng không thật sanh, tử cũng không thật tử, chỉ là vòng lẩn quẩn không thật mà chúng ta lại sợ.

Ai không sợ chết, kể cả người tu, mà có khỏi chết đâu! Ai cũng chết hết. Cái không khỏi mà sợ thì sáng suốt chưa? Thôi thì mình sống vui sống, chết vui chết, tự tại thanh thoi, khỏe biết mấy, ra đi mà không hồi hộp, không lo âu gì hết. Đó là đạo lý thật. Nếu chúng ta hiểu thấu rồi thì sống an nhàn tự tại.

Ngã Sư đắc kiến Nhiên Đăng Phật, ngã sư là thầy của tôi, thầy tôi được thấy đức Phật Nhiên Đăng. Phật Thích-ca của chúng ta trước kia đã từng gặp Phật Nhiên Đăng giáo hóa.

Đa kiếp tăng vi nhân nhục tiên, nhiều đời nhiều kiếp ngài đã làm vị tiên nhân nhục. Tu thành Phật không phải một đời một kiếp, mà rất nhiều đời nhiều kiếp. Chúng ta bây giờ tu, quý vị nghĩ chừng bao lâu thành Phật? Hiện giờ nhìn trong hội chúng tăng ni và Phật tử này, người được đầu tròn áo vuông chắc rằng tu trước hơn người chưa được. Quý vị được đầu tròn áo vuông có tin rằng con đường đến thành Phật mình đã gần mục đích chưa? Chắc cũng còn xa. Trong kinh Phật kể lại rằng, trước kia ngài đã từng làm những vị tiên nhân nhục. Có khi bị người ta xin tay xin chân, có khi xin vợ xin con v.v... mà ngài kham chịu nhẫn nhục không buồn, không phiền, nhiều lần như vậy, sau mới thành Phật.

Vậy toàn thể tăng ni Phật tử chúng ta tu, nếu gặp khó khăn gặp buồn phiền chúng ta phải làm sao? Nên tập làm tiên nhân nhục hay là cũng ăn thua đủ với người ta? Đức Phật từng làm tiên nhân nhục mới đắc quả thành Phật! Chúng ta tu không nhịn ai hết,

mà đòi thành Phật thì thành được không? Phải dày công, phải có sức nhẫn nhục thì kết quả mới thành tựu. Muốn được thành Phật thì phải đủ những tư cách chịu đựng nhẫn nhục, bố thí v.v...

Chánh văn:

Kỷ hồi sanh! Kỷ hồi tử!

Sanh tử du du vô định chỉ!

Tự tông đốn ngộ liễu vô sanh,

Ư chư vinh nhục hà ưu hỷ?

Giảng:

Kỷ hồi sanh! Kỷ hồi tử! Bao nhiêu lần sanh, bao nhiêu lần tử!

Sanh tử du du vô định chỉ! Sanh và tử luôn luôn nối tiếp không dừng. Chúng ta nhìn một đời này thấy đời dài hay ngắn? Lúc còn trẻ mười lăm, mười bảy thấy nó dài. Nếu tới bảy tám chục thì thấy dài hay ngắn? Cái chết kê một bên. Vậy một đời người mới ra còn trẻ thì chúng ta thấy dài, nếu đi qua gần cuối đời rồi thì thấy rất là ngắn. Cứ đời này qua tới đời khác tiếp nối không ngừng.

Mới năm nào thấy mấy Phật tử đầu còn xanh, bây giờ nhìn lại người nào tóc cũng hoa râm. Cuộc đời chúng ta liên tục biến chuyển, từ trẻ sang già, rồi tới chết. Quý vị nghe chết có buồn không? Nghe chết ngán quá. Vậy thì chúng ta muốn không chết phải không? Nếu muốn không chết thì ráng tu như Phật chứng quả rồi hết chết. Còn chưa chứng quả thì liên tục chết, chết đời này,

chết đời nọ, chết mãi mãi. Cho tới cuối cùng được giác ngộ viên mãn, chúng được quả vô sanh rồi Niết-bàn thì chừng đó mới ngừng sanh tử, là giải thoát sanh tử.

Người tu chúng ta là người lữ hành đang từng bước, từng bước hướng về đích giải thoát, giải thoát tức là hết sanh tử. Còn Phật tử cũng từng bước từng bước gieo duyên lành, đời này được một ít, đời sau được một ít. Cứ gom góp từng chút ít, chừng nào đầy đủ thì cũng đến được đích giải thoát. Vì vậy, chúng ta phải đầy đủ lòng tin, có tu là có tiến. Tiến ít, tiến nhiều cũng là có tiến. Người hùng dũng thì tiến nhanh, người yếu ớt thì tiến chậm, nhưng có tu thì có tiến. Chỉ sợ không tu thì chịu, đời này được làm người, đời sau được làm cái gì không biết.

Hiểu vậy thì chúng ta yên lòng cố gắng tiến tu, đừng dừng một chỗ hay lui sụt, đó là người biết tu.

*Tự tòng đốn ngộ liễu vô sanh,
Ư chư vinh nhục hà ưu hỷ?*

Từ khi ngài chóng ngộ lý vô sanh, đối với vinh nhục không lo buồn, không vui thích. Chúng ta chưa thấy được lý vô sanh nên gặp vinh thì vui cười hỷ hả, gặp nhục thì tủi buồn khóc lù bù, chứ không yên.

Chánh văn:

**Nhập thâm sơn, trú lan nhã,
Sâm ngâm u thúy trường tùng hạ,
Ưu du tĩnh tọa dã tăng gia,
Khuych tịch an cư thật tiêu sái!**

Giảng:

*Nhập thâm sơn, trú lan nhã,
Sâm ngâm u thúy trường tùng hạ.*

Sâm ngâm là chỗ dày bít hay sâu kín. U thúy cũng là chỗ thâm sâu vắng vẻ.

Sau khi thấy được lý vô sanh rồi, thì thích vào núi sâu, ở chỗ vắng vẻ, nơi rừng rậm, ngồi dưới cội tùng yên tu.

*Ưu du tĩnh tọa dã tăng gia.
Khuých tịch an cư thật tiêu sái!*

Ưu du là thông thả, tĩnh tọa là ngồi yên. Khi chúng ta vào rừng sâu, chỗ vắng lặng, kinh hành, tọa thiền, yên ở chỗ vắng vẻ, thật là vui vô cùng. Đó là tư cách, là hạnh an lạc của người xuất gia.

Bây giờ, chúng ta vào rừng ở chỗ vắng một thời gian thì sao? Ở đó buồn quá, nghe tiếng cộp rỗng tiếng chim kêu, rồi nhớ nhà nhớ chùa. Còn ở đây khi thấy được lý vô sanh rồi, ở chỗ vắng vẻ yên tĩnh, núi sâu rừng rậm mà rất vui rất tự tại. Cái vui của người đạt đạo khác với cái vui của người thế gian. Một bên thì tìm cảnh ồn náo vui chơi cho đó là vui. Một bên thì vào núi sâu rừng rậm, ngồi một mình tĩnh tọa, cho đó là vui, vui tuyệt. Hai cái vui khác nhau chỗ nào? Một bên vui trong cái khổ, một bên vui trong lý vô sanh.

Vui trong cái khổ là gì? Thí dụ coi đá bóng, nếu người ta đá trái bóng vào lưới đội kia thì mình vỗ tay âm ì lên, trong khi có những người khác lại đau khổ.

Nghĩa là hai bên, một bên vỗ tay hoan hỷ mừng, còn bên thua thì rầu khổ. Như vậy vui trong cái khổ, chứ không có vui thật.

Hoặc như đi coi cải lương, đi chơi giải trí thấy vui, nhưng vào đó gặp mấy cô đào thường đóng vai buồn khóc thì khóc theo. Như vậy thật vui không, hay vui trong cái buồn, vui trong cái khổ? Vậy tất cả cái vui của thế gian là vui đối đãi, bên cạnh vui là khổ, chứ không vui trọn vẹn.

Người thấy đạo ở nơi vắng vẻ, vui không có cái khổ đi kèm. Bởi vì những niệm dấy lên tạo nghiệp sanh tử đã lặn hết. Niệm tạo nghiệp sanh tử không còn nữa thì hết buồn, hết vui, hết thương, hết ghét, chỉ còn thuần nhàn hạ, thanh thoi. Cái vui thanh nhàn, tự tại không có khổ. Vui đó mới là vui thật. Cho nên ngài dùng từ *thật tiêu sái* tức là vui tuyệt, không có cái gì bằng, không có đối đãi.

Chánh văn:

**Giác tức liễu, bất thi công,
Nhất thiết hữu vi pháp bất đồng.
Trụ tướng bố thí sanh thiên phước,
Do như ngưỡng tiền xạ hư không.**

Giảng:

Giác tức liễu, bất thi công, giác ngộ là xong không cần dụng công nữa. Như khi thấy thân này là thật, lúc đó giác hay mê? Mê. Tại sao? Vì không thật mà tưởng là thật.

Nếu thật thì nó phải còn hoài. Nhìn lại ông cha chúng ta, những người trước nay còn đủ không? Trước có bây giờ không, thì thật được không? Đó là nhìn ngược thời gian, thấy ông cha chúng ta từng người qua, qua rồi mất, qua rồi mất. Nhìn lại lớp ngang với mình, những người sống được năm sáu mươi tuổi, có mất người nào chưa? Mất khá nhiều. Đồng thời với mình, họ mất mình còn, họ mất coi như giả, mình còn thì thật được không? Hai món đồ kề nhau giá trị ngang nhau, cái kia giả thì cái này thật được không? Vậy mà tưởng thật. Xét thật kỹ chúng ta đang mê muội đáng thương. Khi còn thờ, còn đi lại thì nói thật, thật một trăm phần trăm, nên có ai động tới thì sân si ùng ùng.

Mê cái giả mà tưởng là thật nên tu hoài trần ai lai khổ, ai động tới thì phản ứng mạnh là tại chấp mình thật. Nhất là họ khinh bỉ, động tới danh dự của mình, có giận không? Khi chúng ta lầm mê thân, lầm mê danh dự, lầm mê bản ngã thì không biết bao nhiêu phiền hà. Nếu biết mình giả tạm, thì động tới mình cười thôi có gì đâu.

Phật nói mình si mê là vô minh thì có chạm danh dự mình không? Sao mình không giận Phật, mà người khác nói một chút liền nổi giận lên. Rõ ràng là chúng ta đang điên đảo, thiếu cái nhìn tường tận thấu đáo, gọi đó là mê. Tất cả những gì đến, chúng ta đều chấp chặt bám giữ nên hết sức khó tu. Bây giờ, mình giác ngộ thân này là giả, thân giả thì tất cả những gì quanh nó, bên cạnh nó cũng giả theo thì mọi việc khỏi cần tu cũng sạch hết. Ai chửi, mình nói tôi còn giả huống là lời chửi.

Như vậy thì có nhấn nhọc gì đâu. Cho nên giác tức liễu bất thi công, nghĩa là giác ngộ là xong, khỏi cần phải công phu gì hết.

Giá trị của người tu Phật là ở chỗ giác ngộ. Chúng ta giác ngộ thì mọi cái khó đều dễ như trở bàn tay. Đệ tử Phật là đệ tử bậc giác ngộ, nếu không giác được trăm phần trăm, tối thiểu cũng giác được vài chục phần trăm.

Chúng ta cứ tưởng dụng công nhiều, hoặc xử sự với mọi người bằng cách biết nhẫn, biết nhịn là tu khá. Nhưng nhẫn nhịn mà thấy thật thì trong lòng uất ức chưa yên. Còn biết mình là giả, thân này giả thì người có chê khen, không việc gì uất ức, bực bội trong lòng. Đó chỉ là trò đùa.

Nhất thiết hữu vi pháp bất đồng.

Trụ tướng bố thí sanh thiên phước,

Hai câu này để đánh thức chúng ta. Hữu vi là đối với vô vi. Trong nhà Phật, hữu vi là cái gì có đủ bốn tướng sanh trụ dị diệt. Như con người sanh già bệnh chết là pháp hữu vi, quả địa cầu có thành trụ hoại không là pháp hữu vi. Tất cả sự vật có hình tướng đều trải qua bốn tướng, có trong tạm bợ rồi mất gọi là pháp hữu vi.

Nhất thiết hữu vi pháp bất đồng, là tất cả pháp hữu vi không đồng. Không đồng là không giống nhau, có lớn có nhỏ có sanh có diệt, chuyển biến không dừng.

Trụ tướng bố thí sanh thiên phước, nếu người nào trụ tướng bố thí thì được phước sanh cõi trời.

Bố thí đời sau được sanh cõi trời, chắc mọi người đều thích. Đời này làm việc bố thí, đời sau sanh cõi trời tha hồ mà hưởng. Muốn ăn có ăn muốn mặc có mặc, muốn gì có nấy sẵn sàng hết, thỏa mãn không thiếu. Như vậy ai không thích, nhưng ở đây ngài nói đó là trụ tướng bố thí. Thí dụ đem một triệu đồng giúp người nghèo, người tàn tật... Mình thấy đồng tiền quý và cứu giúp người kia được một phần nào, cũng là quý. Trụ tướng bố thí thì kết quả ra sao? Mình được phước sanh lên cõi trời, muốn gì được nấy, thụ hưởng phước đã tạo.

Nhưng, *Do như gương tiền xạ hư không*, như mũi tên hay viên đạn khi bắn thì vọt tuốt lên hư không, nhưng khi sức đẩy hết thì rơi xuống không giữ được. Người ở thế gian địa vị cao, tiền của nhiều, sung sướng muốn gì được nấy, thì những người đó tu được không? Ở địa vị đó thụ hưởng, thụ hưởng hết rồi tuột xuống. Thế gian còn vậy huống là cõi trời còn sung sướng hơn nhiều, ăn ngon mặc đẹp, cái gì cũng đúng sở thích của mình. Rồi cả ngày nghe ca nhạc, vui chơi đủ thứ, người ta nói nhạc trời hay hơn nhạc thế gian. Như vậy thì say mê tí mù, hưởng hoài còn thời giờ đâu mà tu. Chừng hết phước thì tuột xuống trở lại nhân gian.

Như vậy một thời gian mười ngàn năm, hai chục ngàn năm được sanh cõi trời là thời gian hưởng, hưởng hết rồi tuột xuống, chứ không có tiến được nữa. Như viên đạn hay mũi tên bắn lên cao, còn sức thì nó còn lên, hết sức rồi nó rơi xuống. Đức Phật khuyên chúng ta không nên nguyện sanh lên cõi trời là vậy. Có người tưởng

được hưởng như vậy là hạnh phúc. Phật dạy hưởng đó là tạm bợ, cho thể xác tạm bợ, không lâu dài, hưởng hết phước tuột xuống, như vậy mất mấy ngàn năm không làm gì hết, ăn ngủ không.

Chi bằng ở cõi trần gian này có khi khổ, có khi vui. Gặp vui thì mình hơi say sưa quên, gặp lúc khổ thức tỉnh, “À đời này khổ quá ráng tu.” Vì mình có chứng kiến, có nhận ra được cái đau khổ đó rồi, nên không quyến luyến cõi đời nữa, mà cố gắng kham nhẫn để tu. Thời gian ở đây ngắn ngủi nhưng chúng ta còn tìm cách vươn lên được, còn thời gian cõi trời rất dài mà thụ hưởng hết phước rồi tuột xuống, mất hết công phu của mình, quá uổng.

Vì vậy, Phật không muốn chúng ta tu cầu sanh cõi trời, mà muốn chúng ta tu cầu giác ngộ, giải thoát sanh tử. Đó mới quan trọng.

Chánh văn:

**Thế lực tận, tiền hoàn trụ,
Chiêu đặc lai sanh bất như ý.
Tranh tự vô vi thật tướng môn,
Nhất siêu trực nhập Như Lai địa.**

Giảng:

Thế lực tận, tiền hoàn trụ, thế lực hết thì mũi tên rơi xuống lại.

Chiêu đặc lai sanh bất như ý, chước lấy đời sau không như ý.

Ở cõi trời sung sướng quá, xuống lại đây làm người phạm tục cũng buồn thương giận ghét, đói thiếu... đủ thứ khổ không như ý nữa. Tất cả phước hữu lậu là phước được rồi sẽ mất, cho nên nhà Phật dùng từ bố thí “Tam luân không tịch”. Tam luân là người bố thí, người nhận thí và vật thí, ba cái này không thật, như huyễn hóa, không chấp. Làm tất cả mà không chấp, không thấy thật thì gọi là bố thí ba-la-mật. Bố thí mà thấy đồng tiền thật, người bệnh mình giúp hết bệnh thật, rồi vui mừng thì đó là bố thí hữu lậu, còn sanh diệt. Một bên kết quả của sanh diệt, còn một bên kết quả của vô sanh, hai việc khác nhau chỗ đó.

*Tranh tự vô vi thật tướng môn,
Nhất siêu trực nhập Như Lai địa.*

Tu vô vi là không chấp tướng, không trụ nơi pháp. Thật tướng môn là cửa thật tướng. Đâu bằng môn thật tướng vô vi, một phen thẳng lên rồi nhập được vào đất Như Lai, là đất Phật bất sanh bất diệt.

Khi đi thẳng vào chỗ vô sanh không còn trở lại, không bị sanh tử lôi kéo nữa, gọi là thật tướng môn. Cửa chân thật là cửa vô vi không sanh không diệt, không thành trụ hoại không, không sanh già bệnh chết v.v...

Chúng ta đừng hiểu lầm, người tu hạnh vô vi hay hạnh giải thoát không làm việc bố thí, việc phước đức. Vẫn làm tất cả nhưng làm mà không mong hưởng. Có hậu ý được hưởng thì khi thấy ai nghèo đói mình giúp đỡ, lúc họ khá giả rồi thấy mình không chào thì có giận không? Giận. Làm mà muốn được hưởng, muốn người khác biết

là hữu lậu. Người Phật tử chân chánh làm tất cả mà không cần ai biết tới. Sẵn sàng cứu giúp người, cứu giúp rồi thôi không nhớ, là làm với tâm giác ngộ. Tâm thần nhiên tự tại, đó là phước vô vi không sanh diệt. Cũng việc bố thí mà một bên hữu vi, một bên vô vi, một bên nằm trong sanh diệt, một bên thoát ra sanh diệt, tăng trưởng công đức giải thoát sanh tử.

Tăng trưởng là sao? Vì làm tất cả điều lành, tất cả điều thiện mà tâm không nghĩ tới người đền ơn, người khen thưởng thì tâm thênh thang rộng rãi. Tâm thênh thang rộng rãi thì phước cũng thênh thang, còn người hẹp hòi thì phước cũng hạn chế theo tâm hẹp hòi.

Bởi vậy, người có phước làm việc lành mà không quan tâm để ý, nhưng trên đường tu của họ mọi việc đều trôi chảy. Vì phước đó là sức mạnh, là trợ lực cho họ tiến trên con đường đạo viên mãn. Người ít phước làm gì cũng trục trặc, muốn làm mà không được, vì làm mà tâm không rộng rãi, nên phước lớn không có.

Hiểu như vậy mới thấy phước không mất, đừng lo mình không nghĩ không nhớ thì phước không có. Không nghĩ không nhớ là tâm thênh thang, phước cũng mênh mông không giới hạn.

Chánh văn:

**Đản đặc bốn, mạc sâu mật,
Như tịnh lưu ly hàm bảo nguyệt.
Kỷ năng giải thử như ý châu,
Tự lợi lợi tha chung bất kiệt.**

Giảng:

Đản đắc bốn, mạc sâu mật, chỉ được gốc, chớ buồn về ngọn.

Cái gì là gốc, cái gì là ngọn? Chúng ta tu cốt được giác ngộ, được giải thoát sanh tử là gốc. Nếu tu mà chỉ mong có phước, đó là ngọn ngành. Khi đạt được gốc giác ngộ giải thoát rồi, không lo buồn là không được ngọn. Ai còn than thở về ngọn thì người đó chưa biết được gốc.

Chúng ta xuất gia để cầu giải thoát sanh tử. Đắp y là mặc áo giải thoát, nhớ câu “Thiện tai giải thoát phục”. Muốn giải thoát phải giác ngộ, giác ngộ thì mới giải thoát sanh tử được. Đó là nhắc nhở chúng ta nhớ mục đích xuất gia cao cả, đừng để thời gian trôi qua, lo chuyện này chuyện kia, quên tuốt cái gốc của mình, bám vào cái ngọn rồi khổ sở.

Như tịnh lưu ly hàm bảo nguyệt, như ngọc lưu ly trong sáng để ngoài trời, khi có trăng chúng ta thấy mặt trăng nằm trong viên ngọc. Nếu chúng ta được cái gốc tức tâm thanh tịnh rồi thì tánh giác tròn đầy, trí tuệ hiện đủ. Vì vậy, ở đây dùng thí dụ viên ngọc lưu ly và mặt trăng.

Ký năng giải thử như ý châu,

Tự lợi lợi tha chung bất kiệt.

Ai khéo hay mở được hạt châu như ý trong ché áo thì lúc đó lợi mình lợi người muôn đời không hết.

Trong kinh Pháp Hoa có thí dụ một người nghèo khổ gặp bạn giàu sang mời về nhà đãi đằng. Sau đó,

người bạn giàu có việc gặp phải đi, thương người bạn nghèo đang say ngủ, lấy hạt châu như ý cột trong ché áo bạn. Sau năm, bảy năm gặp lại thấy bạn vẫn nghèo như xưa. Ngạc nhiên, anh bạn giàu hỏi. “Tôi đã cho hạt châu để trong áo, sao không lấy ra xài?” Anh bạn nghèo nghe vậy mở ché áo lấy hạt châu, từ đó không còn nghèo nữa.

Qua thí dụ này, Phật muốn nói chúng ta ai cũng có sẵn tánh giác, đó là gốc của mình. Nếu nhận được thì hết khổ, còn bỏ quên tánh giác, không biết không nhớ thì chúng ta khổ mãi không cùng. Người nghèo kia khi tỉnh giấc, nếu biết mở ché áo lấy hạt châu thì đâu còn nghèo khổ để bị chê rầy. Chỉ vì quên nên khổ sở trôi nổi. Quên là gì? Là mê. Chúng ta cũng vậy, có viên ngọc quý mà quên không nhận biết, phải đợi Phật nhắc mới thức tỉnh.

Phật nói: “Ta là Phật đã thành, các ngươi là Phật sẽ thành.” Sẽ thành tức là khả năng mình cũng sẽ được như đức Phật. Đó là Phật thầm bảo rằng các ngươi sẵn có tánh giác như ta. Ta sẵn tánh giác mà biết khơi dậy, giác ngộ thành Phật. Các ngươi có tánh giác mà bỏ quên thì là chúng sanh.

Chúng ta có tánh giác mà cứ quên, chỉ nhớ hai thứ thân và tâm. Thân này là thân thú, mà luôn cho là mình. Tâm lăng xăng lộn xộn, thương ghét buồn giận mà cho là tâm mình. Một thân thú và một cái tâm thay đổi như chong chóng không dừng mà cho là mình, bám vào rồi quên cái chân thật, nên lăn lộn muôn kiếp không ra khỏi.

Nếu biết rõ hai cái này thì chúng ta còn chấp, còn khổ không? Không chấp thân thật, không chấp tâm thật thì cái chân thật hiện ra. Còn chấp thì muôn đời không thấy được cái chân thật.

Phật khéo phương tiện mà mình không biết. Phật dạy rắng niệm Phật. Niệm Phật để làm chi? Để nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn thì tâm hết lăng xăng, đi tới chỗ cứu cánh là nhắm mắt thấy Phật hiện tiền. Còn người tu thiền, ngồi yên tĩnh giác buông xả vọng tưởng cũng đi tới cuối cùng là tâm hết lăng xăng. Tâm lặng là định, định thì trí sáng. Hai cách tu khác nhau nhưng mục đích không khác. Bởi vì, bên này mượn câu niệm Phật đập chết tâm vọng tưởng, bên kia dùng sức tĩnh giác nhìn thấy từng đợt vọng tưởng dấy lên, buông xả rồi nó cũng mất. Như vậy cốt đừng chấp nhận tâm sanh diệt là mình thì sẽ đừng được nhân tạo nghiệp, ra khỏi vòng sanh tử. Đạt được chỗ rốt ráo rồi, tự thân được lợi ích và hướng dẫn mọi người cùng trở về tánh giác, lợi lạc không cùng tận.

Chánh văn:

**Giang nguyệt chiếu, tùng phong xuy,
Vĩnh dạ thanh tiêu hà sở vi?
Phật tánh giới châu tâm địa ấn,
Vụ lộ vân hà thể thượng y.**

Giảng:

Giang nguyệt chiếu, tùng phong xuy, trăng sáng trên sông chiếu soi, gió thổi qua rừng tùng.

Vĩnh dạ thanh tiêu hà sở vi? Đêm dài thanh vắng làm gì đây?

Người nhận được hạt châu như ý, đối trước mọi cảnh, tâm thấy như như, chạm mắt tới đâu cũng là giác ngộ. Thấy trăng rọi dưới nước, thấy gió lay cây tùng, trong đêm khuya thanh vắng yên tĩnh, hỏi làm việc gì? Có gì đâu phải làm! Đây là chỗ an nhàn tự tại của người đạt đạo. Tâm trong sạch, tánh giác hiện tiền, đâu cần tìm kiếm.

Tu Phật có nhiều pháp môn, đều để hiển lộ tâm thanh tịnh. Người niệm Phật tới nhất tâm bất loạn thì đức Phật Di-đà hiện ra, người tu thiền tới an định thì tánh giác bày hiện. Di-đà và tánh giác là một hay là hai? Đức Phật Di-đà là cụ thể hóa như một con người, còn tánh giác là một thực trạng của tâm. Cụ thể hóa thì niệm danh hiệu Di-đà, thấy như có Phật Di-đà đến. Còn buông xả cho tâm trong sáng thì tánh Phật hiện ra. Cho nên dùng hình ảnh dòng sông, khi nước lắng trong liền thấy mặt trăng hiện. Không cần tìm kiếm, sông không đòi trăng xuống mà trăng tự tới. Chúng ta không đòi thành Phật mà Phật trong ta hiện ra. Như vậy, những phương tiện Phật dạy tu cuối cùng đều gặp nhau chứ không khác.

Phật tánh giới châu tâm địa ấn, Phật tánh, hạt châu giới đức in rõ nơi tâm. Phật tánh bày hiện thì giới đức muôn trùng đầy đủ trong một tâm, không cần tìm cầu.

Vụ lộ vân hà thể thượng y, người đạt đạo lấy mù sương, mây ráng làm áo mặc trên thân. Thân đó là

thân nào, thân của ai? Của người không cùng muôn pháp làm bạn, nói cách khác là pháp thân.

Bốn câu này diễn tả cho thấy người đạt được cái gốc của sự tu hành, cũng như mở được hạt châu như ý trong chéo áo, thì nơi nơi chốn chốn đều hiển bày pháp thân chân thật, không phải tìm ở đâu xa. Thấy cảnh thấy người đều là pháp thân hiển lộ. Đây là bốn câu kệ rất khó hiểu, người ta thấy như tả cảnh, nhưng ý nói khi hằng sống với chân tâm rồi thì cái gì chạm đến cũng là Bồ-đề, không có gì chướng ngại, tự tại vô ngại.

Chánh văn:

**Hàng long bát, giải hổ tích,
Lưỡng cổ kim hoàn minh lịch lịch.
Bát thị tiêu hình hư sự trì,
Như Lai bảo trượng thân tung tích.**

Giảng:

Hàng long bát là bát hàng phục rồng. Lục tổ Huệ Năng khi ở Tào Khê, một hôm có con rồng dữ hoành hành. Tổ bèn xuống cạnh hồ đưa bình bát nói: “Nếu người giỏi thì dám hóa nhỏ chun vào bình bát ta không?” Rồng lớn biến thành nhỏ chun vô bát, Tổ đập nắp lại, rồng chịu hàng phục. Bát này gọi là Hàng long bát.

Giải hổ tích là cây tích trượng giải hòa cọp. Xưa có hai con cọp cắn lộn gằm hét trên núi, có một thiền sư thấy vậy muốn giải hòa, ngài lấy cây gậy để ngang giữa hai con cọp, mỗi con đi mỗi ngã không dám cắn lộn nữa.

Khi chúng ta tu tâm thanh tịnh, trí tuệ sáng suốt rồi tất cả giông tố không làm lay chuyển, khi đó không cần làm gì mà diệu dụng vô cùng. Bát hàng phục được rồng, gậy giải hòa được cọp, đó là diệu dụng.

Lưỡng cổ kim hoàn minh lịch lịch, hai vòng khoen vàng khua leng keng.

Thường trên cây gậy, cây tích trượng của các nhà sư có hai vòng khoen vàng, nên nói *lưỡng cổ kim hoàn* là hai khoen vàng, *minh lịch lịch* là khi đi nó khua nghe leng keng, leng keng.

Bát thị tiêu hình hư sự trì, không phải bày ra hình tướng rồng, mà đây có giá trị rất phi thường.

Như Lai bảo trượng thân tung tích là hiện bày hình ảnh dấu vết gậy báu của Phật.

Bốn câu này cho chúng ta thấy ý nghĩa người tu, khi đến chỗ chân thật viên mãn rồi, không làm gì hết mà diệu dụng phi thường. Cho nên nói chân không mà diệu hữu. Người tu tiên tập thân thông, biết bay biết biến hóa. Người tu thiền tập ngồi để tâm yên lặng, thấy thân giả dối, ai làm gì cũng không buồn không giận, thấy dường như không có gì đặc biệt. Nhưng không ngờ đó là diệu dụng phi thường của người tu.

Bên tiên luyện tập là hữu vi, nhà thiền buông sạch hết tâm điên đảo và không chấp thân thật, đó là vô vi. Tài năng do luyện tập mà được có khi cũng mất, còn tâm thanh tịnh là cái thật của mình không thay đổi, không có được mất. Ngày xưa truyện kể cũng có

mấy ông tiên thi thố tài năng với các thiên sư đều bị chinh phục. Chúng ta tu Phật hiểu cho sâu, nắm cho vững, sẽ thấy giá trị của đạo Phật siêu thoát phi thường. Khi tu tiến thấy được lẽ thật rõ ràng, cuộc sống thanh thoi nhàn hạ, không cần phô trương tranh giành khoe hình tướng.

Chánh văn:

**Bất cầu chân, bất đoạn vọng,
Liễu tri nhị pháp không vô tướng.
Vô tướng, vô không, vô bất không,
Tức thị Như Lai chân thật tướng.**

Giảng:

Bất cầu chân, bất đoạn vọng, không cầu chân, cũng chẳng đoạn vọng. Tại sao? Vì người tu đến chỗ cứu cánh chân thật thì không mắc kẹt đối đãi hai bên. Nếu còn chân là đối với vọng, hoặc còn vọng là đối với chân. Lâu nay chúng ta cứ ngỡ rằng bao nhiêu thứ phiền não, bao nhiêu thứ vọng tưởng làm rối, làm khổ mình, cần phải dứt trừ. Nhưng biết tường tận thì vọng tưởng phiền não là cái hư dối không thật. Hư dối không thật nên khi nó lặn đi thì chân thật thành hình, không cần dứt vọng cầu chân.

Tôi nói một thí dụ rất nhỏ. Như chúng ta bị mất món đồ, nghi ngờ người này người kia lấy mất nên phiền não bực bội. Bất thần có người đưa món đồ đó ra, nói tôi giấu chơi thôi. Lúc đó cái giận cái buồn còn không? Nếu phiền não thật thì nó còn hoài không mất,

vì không thật nên lúc có lúc không. Chúng ta bị những thứ thương ghét, giận buồn làm quấy nhiễu nên nói tôi phiền não. Bây giờ biết nó không thật, giận vừa dấy lên biết không thật, thương dấy lên biết không thật. Biết rõ bản chất phiền não không thật thì tâm hết quay cuồng rối loạn không cần tìm lẽ thật ở đâu xa. Chúng ta tu dùng trí tuệ Bát-nhã quán chiếu thấu suốt các pháp duyên hợp không thật, thì không còn cầu chân, không cần dứt vọng, vì tất cả đều là đối đãi.

Liễu tri nhị pháp không vô tướng, rõ biết hai pháp chân và vọng là không, không có tướng thật.

Vô tướng, vô không, vô bất không, không tướng này không phải không, cũng không phải chẳng không. Câu này dùng ba chữ vô: vô tướng, vô không, vô bất không. Các pháp duyên hợp tạm có, không phải không nên nói là vô không, lại vì không có tướng thật nên không phải có (bất không) gọi là vô bất không. Như khi chúng ta đứng bên hồ nước trong đêm rằm, trên hư không có mặt trăng sáng chiếu xuống, nhìn xuống mặt hồ chúng ta thấy bóng trăng nên nói vô không. Bóng mặt trăng ở dưới hồ, mắt nhìn thấy rõ chẳng phải là không nhưng đưa tay vớt thì vớt không được, là vô bất không. Các pháp vốn không, không có tướng thật, không thuộc có không đối đãi. Chúng ta thường đứng hai bên, cái gì có là có thật, không là không thật. Nếu biết có là giả tướng tạm có, không là đối với có, có chẳng thật thì không cũng chẳng thật. Các pháp đều như thế, người không chấp vào tướng có tướng không là thấu suốt được lẽ thật.

Tức thị Như Lai chân thật tướng, biết các tướng không tướng, chẳng phải có chẳng phải không, là tướng chân thật của Phật. Như vậy tất cả chúng ta phải làm sao thấu suốt được lẽ này: tướng chân thật của Như Lai không phải thật, không phải hư. Nếu nói là thật thì không được, nói không hư cũng không được.

Ý đoạn này nhấn mạnh chỗ tu phải vượt qua cả hai bên đối đãi chân vọng, có tướng và không tướng, rốt ráo thấy được thật tướng là thấy Phật.

Tôi chỉ ra lẽ thật ở đây. Khi chúng ta suy nghĩ thì cho rằng cái suy nghĩ là tâm mình, nếu khi ngồi thiền nhiên tự tại không suy nghĩ thì có tâm không? Vẫn thấy nghe rõ ràng, tâm vẫn hiện tiền, mình vẫn có mặt. Phật thấy chúng sanh lầm mê nhận vọng tâm là mình nên tạo nghiệp đi trong sanh tử, ngài chỉ dạy chân tâm hiện tiền không phải cái suy nghĩ có hình tướng sanh diệt, buông hết vọng tưởng sanh diệt thì giải thoát không chạy theo nghiệp. Tánh giác chân thật có sẵn nơi mỗi người, không phải là giả tướng có không mà lúc nào cũng trọn vẹn đầy đủ.

Chánh văn:

**Tâm kính minh giám vô ngại,
Khuếch nhiên oánh triệt châu sa giới.
Vạn tượng sum la ảnh hiện trung,
Nhất khóa viên quang phi nội ngoại.**

Giảng:

Tâm kính minh giám vô ngại, gương tâm trong sáng soi tỏ không ngăn ngại.

Khuếch nhiên oánh triệt châu sa giới, rỗng rang chiếu suốt hằng sa thế giới.

Đây là diễn đạt chỗ cứu cánh của người tu. Khi chúng ta được tâm trong sáng, giống mặt gương trong chiếu soi không có gì trở ngại. Một cái gương chùng tác vuông, trong trẻo không tỳ vết mà để ngoài trời thì phản chiếu tận mây xanh. Gương tâm của chúng ta nếu không còn những niệm khởi che đậy thì lúc đó chiếu soi không ngại, thông suốt khắp các thế giới nhiều như cát bụi. Nghĩa là vô lượng vô biên thế giới mình đều chiếu soi khắp hết.

Đức Phật khi ngồi tu dưới cội bồ-đề, từ canh một đến canh ba chứng được Thiên nhãn minh, nhìn thấy vô lượng vô số thế giới. Với con mắt Phật lúc đó tâm hoàn toàn trong sáng rồi, nên rỗng rang chiếu suốt cả thế giới nhiều vô số kể, như số cát sông Hằng. Điều đó là một lẽ thật. Chúng ta ngày nay chiếu soi không xa là vì gương bụi phủ dày kín. Tâm vốn trong sáng mà phiền não dấy lên hoài, nên gương sáng bị che khuất. Muốn có gương sáng hiện bày thì phải dùng bụi lắng lắng, phải lau chùi cho sạch, đừng để gương tối mờ.

Vạn tượng sum la ảnh hiện trung, muôn vật tượng ở chung quanh đều hiện bóng trong gương. Khi tâm trong sáng thấy suốt muôn vật tượng không lầm

một mảy may, lúc đó nhìn ra các pháp, các thứ hình tướng, biết hết thấy đều do tâm hiện.

Nhất khóa viên quang phi nội ngoại, một vầng tròn sáng chẳng trong ngoài. Ánh sáng đó là tự tâm của mình, là tự tánh thanh tịnh, không có gì ở trong hay ở ngoài. Tâm trùm khắp pháp giới, không hạn cuộc chỗ nơi. Người tu khi đạt được tâm trong sáng không còn những niệm lăng xăng che đậy, thân tâm rộng suốt không ngăn ngại như gương trong sáng, mọi hình bóng đều hiện rõ mà không phân biệt trong ngoài.

Chánh văn:

**Khoát đạt không, bát nhân quả,
Mãng mãng dăng dăng chiêu ương họa.
Khí hữu trước không bệnh diệc nhiên,
Hoàn như tỵ nịch nhi đầu hỏa.**

Giảng:

Khoát đạt không, bát nhân quả, hoàn toàn không, bác không có nhân quả. Ở đời có người không tin nhân quả, cho rằng tất cả đều rỗng không, không có đời này đời sau. Tất cả việc làm chỉ có ngay hiện tại, không có quả báo nên không e sợ. Nếu người chấp chặt như vậy, bác lý nhân quả triệt để như vậy thì:

Mãng mãng dăng dăng chiêu ương họa, lỗ mãng phóng túng chuốc họa ương. Nếu người tin lý nhân quả, đời này làm xấu làm ác sợ quả báo đời sau bị khổ, nên ráng tu chữa ác làm lành. Người không tin nhân quả,

bác lý nhân quả thì họ không biết sợ tội ác. Vì thô lỗ không hiểu biết nên tha hồ làm càn, tạo tội kể không hết. Khi đó chuốc khổ không thể nào tính lường. Câu này để răn người bác không.

Khí hữu trước không bệnh diệc nhiên, bả có mà chấp không bệnh cũng giống như bác không nhân quả.

Hoàn như ty nịch nhi đầu hỏa, như sợ chết chìm mà nhào vô lửa.

Thế gian có hai bệnh: chấp có và chấp không. Có người nói đời này chết đời sau sẽ trở lại để chịu quả báo tội phước. Việc làm đã gây đời trước nhất định không sai chạy, đó là chấp có. Có người nói chết rồi là hết, không còn gì hết, đó là chấp không.

Chúng ta cũng còn lầm lẫn. Như khi tụng kinh Bát-nhã, có câu: “Không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý...” rồi cho rằng Phật nói trong kinh cái gì cũng không. Tất cả pháp không có gì, không mình không người, không lành dữ tội phước, tha hồ muốn làm gì làm. Chấp như vậy chẳng khác người sợ chết chìm lại chui vô đóng lửa, cả hai đều nguy hiểm. Nên biết, Phật nói thân này không là không có thật tướng, nhưng về giả tướng duyên hợp thì vẫn có. Vì thế, Phật không cho chúng ta chấp một bên, hoặc có, hoặc không, vì tất cả pháp ở giữa thế gian này đều như huyễn, có cũng không thật có, không cũng không thật không.

Chúng ta phải có trí tuệ thấy đúng như thật. Cái giả biết là giả, cái thật biết là thật, đó là giác ngộ

không chấp trước. Không chấp trước không khẳng định hoàn toàn có hay hoàn toàn không. Lời nhắc nhở ở đoạn này là phương thuốc trị bệnh cho chúng ta.

Chánh văn:

**Xả vọng tâm, thủ chân lý,
Thủ xả chi tâm, thành xảo ngộ.
Học nhân bất liễu dụng tu hành,
Thâm thành nhận tặc tương vi tử.**

Giảng:

*Xả vọng tâm, thủ chân lý,
Thủ xả chi tâm, thành xảo ngộ.*

Bỏ vọng tâm, giữ chân lý, tâm giữ bỏ ấy cũng thành tâm xảo ngộ. Có những vị mới tu nói rằng tâm hư vọng là tâm dối, tâm điên đảo tạo nghiệp. Vậy nên bỏ hết vọng tâm để được chân lý là được chân tâm, bỏ bên này để được bên kia. Bỏ là xả, được là thủ; cả tâm thủ xả ấy đều là xảo ngộ giả dối không thật. Chúng ta chỉ cần thấy rõ tâm hư dối không thật, không lệ thuộc nó. Khi không lệ thuộc hư dối thì chân thật hiện tiền. Hiện tiền chỉ là tâm mình, nếu khởi niệm giữ tâm mình thì lúc ấy thành có hai: tâm tự giữ và tâm bị giữ. Có hai thì không phải là mình.

Cho nên đối với vọng, biết vọng không theo là đủ, hết vọng thì tự chân, không cần bỏ cái này giữ cái kia. Còn có tâm lấy bỏ cũng là bệnh, gọi là xảo ngộ.

*Học nhân bất liễu dụng tu hành,
Thâm thành nhận tặc tương vi tử.*

Người học đạo không rõ, dùng tâm lấy bỏ mà tu hành, trở thành nhận giặc làm con.

Chỗ này tôi nói rộng hơn. Như chúng ta dùng câu niệm Phật để trừ hết vọng tưởng. Niệm mãi câu đó cho đến khi tất cả vọng tưởng đều lặng hết thì câu niệm Phật cũng phải lặng. Thí dụ chân chúng ta đạp gai, muốn lấy gai đó ra thì phải mượn gai khác lể. Gai cũ lấy ra rồi, gai kia cũng quăng luôn, nếu để nguyên trong chân thì không hết đau. Câu niệm Phật là phương tiện để trừ muôn niệm, khi muôn niệm hết rồi thì câu niệm Phật cũng phải buông.

Như con mắt đang trong sáng, có người lấy một chút mặt vàng hay mặt ngọc để vô con mắt cho tốt. Dù là ngọc mà bỏ vô mắt thì nó có sáng hơn không, hay là nó bệnh? Cũng thế, chỗ chân thật không còn niệm, nên nói niệm Phật đến vô niệm gọi là nhất tâm. Người niệm Phật phải đến chỗ niệm mà vô niệm, nếu còn niệm thì đó là nhất niệm chứ không phải nhất tâm. Còn nhất niệm là còn động, còn sanh diệt. Muốn đến vô sanh thì phải vô niệm.

Ngồi thiền cũng vậy, tập ngồi để yên định. Có nhiều cách định tâm, quán sổ tức thì mượn hơi thở để điều phục, khi tâm yên rồi thì không theo hơi thở nữa. Nếu dùng phương tiện quán thân bất tịnh hay quán tứ niệm xứ... thì khi tâm mình được yên rồi, các pháp quán cũng bỏ.

Đến chỗ hoàn toàn an định mới giải thoát sanh tử, mới gọi là nhập Niết-bàn.

Tinh thần và trình độ của người học Phật khác nhau nên Phật chỉ dạy nhiều pháp môn. Người thích sau khi chết được sanh về chỗ an vui thì Phật dạy pháp môn niệm Phật để về Cực lạc. Phải niệm đến nhất tâm bất loạn mới được kết quả. Người tự thấy mình có khả năng quán chiếu thì dùng phương pháp Thiền, người muốn được linh nghiệm thì dùng pháp môn trì chú. Thí dụ trì câu “Án ma-ni bát-di hồng”, không biết ý nghĩa gì nhưng cứ đọc mãi câu chú đó vì tin sự linh nghiệm, đến khi tâm định được thì câu chú cũng lặng luôn.

Như vậy phương tiện thì có nhiều, nhưng cứu cánh không hai. Ai tu cách nào cũng tốt. Chúng ta phải tu đến nơi, không nên tu lơ mơ rồi cãi nhau vô ích. Đó là chỗ hiểu thấu đáo, hành thấu đáo.

Chánh văn:

Tổn pháp tài, diệt công đức,

Mạc bất do tư tâm ý thức.

Thị dĩ thiên môn liễu khước tâm,

Đốn nhập vô sanh tri kiến lực.

Giảng:

Tổn pháp tài, diệt công đức, tổn hao tài sản chánh pháp mà lại diệt mất các công đức.

Mạc bất do tư tâm ý thức. Tư là đây. Đều do tâm ý thức đây. Tâm ý thức là gốc tội lỗi, làm tổn pháp tài,

diệt công đức. Bởi sao? Vì nó lằng xằng, lộn xộn nên làm chúng ta thương tổn tài sản chánh pháp, thương tổn đức hạnh của mình. Chúng ta làm sai, làm bậy từ ý thức. Từ ý thức nghĩ bậy, nghĩ sai rồi làm bậy làm sai, đó là tổn hao pháp tài.

Thị dĩ thiên môn liễu khước tâm, thế nên nhà thiên khi liễu ngộ được tâm mình rồi.

Đốn nhập vô sanh tri kiến lực, nhanh chóng có sức tri kiến vô sanh, thể nhập vô sanh.

Ở đây ngài Huyền Giác nhắc chúng ta, người tu thiên phải liễu ngộ bản tâm chân thật, chóng nhận được sức tri kiến vô sanh. Mỗi người đều có tâm chân thật nhưng vì quên, cứ chạy theo ý thức lằng xằng tạo nghiệp. Tâm là gì? Tâm là biết, biết bằng suy nghĩ sanh diệt và biết bằng hiện tiền không suy nghĩ. Khi chúng ta ngồi chơi thản nhiên, tất cả đều thấy biết, tiếng chim kêu chó sủa, người đi qua đi lại... hiện diện rõ ràng, đó là cái biết chân thật. Chúng ta thường bỏ quên tánh thấy biết này, chỉ nhớ những cái biết lằng xằng trong đầu.

Thiền sư Ngưỡng Sơn Huệ Tịch một hôm hỏi thiền sư Trung Ấp Hồng Ân: “Làm sao được thấy tánh?” Ngài Trung Ấp đáp: “Thí dụ một căn nhà có sáu cửa sổ, bên trong có con khỉ, bên ngoài cũng có một con khỉ. Mỗi khi con khỉ bên ngoài đến cửa này kêu chéo chéo! Con khỉ bên trong cũng đáp ứng kêu chéo chéo! Như vậy sáu cửa đều có tiếng kêu.” Ngưỡng Sơn hỏi: “Nếu con khỉ bên trong ngủ thì sao?” Ngài Trung Ấp bước xuống giường thiền, nắm tay Ngưỡng Sơn nói: “Ta với ông thấy nhau rồi.”

Bên trong là ý thức, bên ngoài là sáu trần. Khi sáu căn tiếp xúc sáu trần, nếu ý thức ứng đáp thì khởi niệm tạo nghiệp. Khi sáu căn tiếp xúc sáu trần, thấy cũng thấy, nghe cũng nghe mà không dính mắc, đó là con khỉ bên trong đã ngủ. Tu chỉ có nghĩa là để cho con khỉ ý thức ngủ yên, lúc đó tánh biết hiện tiền, cái chân thật hiển lộ, nhận được viên ngọc như ý sẵn có của mình. Cùng một ý này, Sơ tổ Trúc Lâm nói: “Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên”, tức là đối với sáu trần tâm không vướng mắc, lúc đó không cần tìm thiên ở đâu cả. Nếu ngồi trong thiên đường mà nghĩ lung tung, đó chưa phải là thiên. Chúng ta thử tiếp xúc mà không vướng mắc, thấy người thì thấy đừng phân biệt đẹp xấu, ăn cứ ăn, đừng nói món này vừa ý món kia không vừa ý. Vừa ý mới ăn là ý thức ăn, không phải miệng ăn. Trong tất cả trường hợp không suy tính khen chê phân biệt, đó là thiên.

Tu để trở lại với chính mình, nhận được cái thật của chính mình là việc làm tối quan trọng của kiếp người. Nhận được cái chân thật của mình thì muôn đời không còn sanh tử, đó là sức tri kiến vô sanh, đến đó mới thật rốt ráo.

Chánh văn:

**Đại trượng phu bình tuệ kiếm,
Bát-nhã phong hệ kim cương diệm.
Phi đàn năng tối ngoại đạo tâm,
Tảo tăng lạc khước thiên ma đảm.**

Giảng:

Đại trượng phu bình tuệ kiếm, đại trượng phu cầm kiếm trí tuệ. Đại trượng phu là chỉ cho Bồ-tát. Bồ-tát cầm kiếm trí tuệ là kiếm giác ngộ.

Bát-nhã phong hệ kim cương diệm, phong là mũi nhọn, Bát-nhã phong là kiếm Bát-nhã bén nhọn. Kim cương diệm là lửa kim cương. Trí tuệ Bát-nhã vô cùng sắc bén, chặt đứt phá tan phiền não ràng buộc. Cộng thêm lửa kim cương sáng rực chiếu dẹp vô minh. Đây là nói sức mạnh của người tu. Kinh Kim Cang là bộ kinh dẹp phá hết những cái chấp mê lầm. Trong kinh nói rằng nếu ai không nhớ nhiều, chỉ cần trì một câu kệ cũng có phước vô lượng vô biên, như bài kệ:

*Nhất thiết hữu vi pháp,
Như mộng huyễn bào ảnh,
Như lộ diệc như điện,
Ứng tác như thị quán.*

Hữu vi tức là pháp có sanh có diệt. Nên quán sát tất cả pháp hữu vi như giấc mộng, như ảo thuật, bọt nước, bóng hình, như điện chớp sương mù.

Nếu chúng ta thấy đúng như vậy, thấy tất cả pháp hữu vi đều như mộng huyễn, như bọt như bóng v.v... thì không còn đắm mê. Bởi không đắm mê nên thẳng vượt tất cả. Như kiếm bén chặt đứt những sợi dây trói buộc, như ngọn lửa mạnh đốt cháy tất cả gai góc chướng ngại. Như vậy trí tuệ Bát-nhã, lửa kim cương phá dẹp tất cả mê lầm sai quấy mà lâu nay chúng ta chứa chấp.

Dùng trí tuệ Bát-nhã soi thấu thân này, biết rõ nó giả dối thì tu hết sức dễ. Dù tu bất cứ pháp môn nào cũng phải có trí tuệ thấy rõ thân này không thật. Khi thấy rõ thân không thật thì tất cả pháp tu đều thành công. Nếu thấy thân này thật thì pháp tu nào cũng không thành công. Cho nên tu là phải giác ngộ, giác ngộ ít hoặc giác ngộ nhiều thôi.

Chúng ta được vinh hạnh, phước đức lớn nên làm thân người. Được thân người lại được nghe Phật pháp là đạo giác ngộ. Tại sao nói rằng Phật pháp khó nghe? Vì thiên hạ sống trong mê cho thân này là thật, Phật lại dạy thân là giả thì dễ nghe không? Khó nghe mà mình nghe thấu, hiểu được, chuyện đó cũng rất khó. Được thân người, được gặp Phật pháp, lại làm người xuất gia, phải tận lực tu hành không nên lười thôi. Xuất gia là bậc đại trượng phu chứ không phải thường. Bậc đại trượng phu ở ngoài đời cầm quân đánh giặc, người xuất gia cầm kiếm trí tuệ có mũi nhọn Bát-nhã, có ngọn lửa mạnh kim cương, tiêu diệt hết những mê lầm của thế gian.

Phi dân năng tồ ngoại đạo tâm,

Tảo tăng lạc khước thiên ma đảm,

Chẳng những có thể xô dẹp ngoại đạo tà tâm, cũng từng làm cho thiên ma bị khiếp vía, vỡ mặt. Đại trượng phu là người xuất gia, phải làm sao dẹp hết tâm ngoại đạo, phải ra sức hay biểu hiện cho loài thiên ma vỡ mặt, kinh hồn. Ngoại đạo thiên ma là những thứ tâm lý yếu ớt, tin nhảm nhí, nương tựa bên ngoài, không tự tin nơi chính mình.

Mong tất cả chư tăng ni, Phật tử biết rõ bổn phận của mình. Nhất là người xuất gia đừng nên đi lệch con đường Phật dạy. Nếu lệch con đường Phật dạy là chúng ta lạc về đạo tà. Vì vậy nên ráng tu. Càng thấm nhuần kinh Bát-nhã, càng thấu triệt kinh Kim Cang thì trí tuệ của chúng ta thêm sáng tỏ, nhờ đó dẹp được những thói tà, dẹp được sự điên đảo của thiên ma để cho mọi người được an vui. Tuy sống trong cuộc đời tạm bợ mà đầy lòng thương, cùng giúp đỡ, ủng hộ, dìu dắt nhau đi trên con đường giác ngộ. Đó là mục tiêu, là chủ trương Phật đã dạy con cháu phải làm theo.

Chánh văn:

Chấn pháp lôi, kích pháp cổ,

Bố từ vân hề sái cam lộ.

Long tượng xúc đạp nhuần vô biên,

Tam thừa ngũ tánh giai tỉnh ngộ.

Giảng:

Chấn pháp lôi, kích pháp cổ, nổi sấm pháp, đánh trống pháp.

Bố từ vân hề sái cam lộ, bủa mây từ bi và rưới nước cam lộ.

Người chứng đạo đánh trống pháp, phát ra lời pháp, bủa mây từ bi và rưới nước cam lộ. Khi chúng ta thấy được đạo lý chân thật, lúc đó nói lên lời gì cũng là lời đạo lý, làm Phật sự nào cũng là Phật sự đúng đạo lý. Tất cả chúng sanh đang lầm mê, nghe được lời pháp

như tiếng sấm chấn động, sẽ bỏ tà về chánh, chúng sanh nào còn đau khổ nghe đạo lý như được uống nước cam lồ.

Ở đời nếu người hung dữ thì mở ra lời nói nào cũng là lời hung dữ, còn người hiền lành thì lời nói nào cũng là lời hiền lành. Cũng vậy người đến với đạo, thấu suốt lẽ đạo rồi thì mọi hành động đều là hành động từ bi, mọi ngôn ngữ đều là ngôn ngữ làm cho mọi người bớt đau khổ. Vì vậy mà nói bủa mây từ và rưới nước cam lồ.

Long tượng xúc đạp nhuần vô biên, hàng long tượng chạm đến thì được thấm nhuần vô biên.

Long tượng là từ ngữ chuyên môn trong nhà thiền chỉ cho người có khả năng mạnh mẽ gánh vác Phật sự lớn lao, cũng như rồng như voi. Chẳng những chúng sanh phàm phu mà hàng long tượng khi gặp được mưa pháp, nghe trống pháp thì càng tăng trưởng đạo lý, càng làm lợi ích không tính kể.

Tam thừa ngũ tánh giai tỉnh ngộ, năm tánh, ba thừa đều tỉnh ngộ.

Ba thừa là Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ-tát thừa. Năm tánh là tánh thiện, tánh ác, tánh định, tánh bất định và tánh nhất-xiển-đề. Tất cả hàng ba thừa và năm tánh đó gặp Phật pháp đều tỉnh ngộ, không ai thiếu sót. Vì vậy tất cả chúng ta tu khi thấy đạo, biết đạo rồi, ai ai cũng đều được vào nhà Phật, không đi đâu khác, không bị cái gì lôi dẫn.

Đó là ý nghĩa ngài Huyền Giác diễn đạt cho chúng ta thấy, bậc đạo đức chân chánh khi đã thấu suốt

lý đạo rồi, người nào gặp được cũng đều có lợi ích, vị ấy đến đâu cũng đem lại an lạc, làm cho mọi người thức tỉnh.

Chánh văn:

**Tuyết sơn phì nhị cánh vô tạp,
Thuần xuất đề hồ ngã thường nạp.
Nhất tánh viên thông nhất thiết tánh,
Nhất pháp biến hàm nhất thiết pháp,
Nhất nguyệt phổ hiện nhất thiết thủy,
Nhất thiết thủy nguyệt nhất nguyệt nhiếp,
Chư Phật pháp thân nhập ngã tánh,
Ngã tánh đồng cộng Như Lai hiệp.**

Giảng:

Tuyết sơn phì nhị cánh vô tạp, núi Tuyết có cỏ ngon tốt không gì lẫn tạp.

Thuần xuất đề hồ ngã thường nạp, cho ra thuần một chất đề hồ ta thường thọ dụng.

Trong kinh Phật nói trên núi Tuyết có một thứ cỏ tên là phì nhị, không có loại cỏ khác lẫn tạp trong đó, chỉ có một thứ cỏ kỳ đặc quý báu thôi. Bạch ngưu vương trên núi Tuyết ăn thứ cỏ này tiêu hóa thành đề hồ. Nghĩa là người nào đã thấm nhuần lý đạo cao tuyệt thì lời nói việc làm đều đầy đủ phẩm chất quý giá như đề hồ. Ngài Vĩnh Gia nói mình thường uống được chất đề hồ của con trâu trắng trên núi Tuyết ăn cỏ phì nhị tiêu hóa ra.

Ý nói ngài thường nhận được, hưởng được tinh thần giác ngộ hay đạo đức giác ngộ xuất phát từ pháp thân.

Nhất tánh viên thông nhất thiết tánh, một tánh viên thông tất cả tánh.

Nhất pháp biến hàm nhất thiết pháp, một pháp bao gồm tất cả pháp.

Nhất nguyệt phổ hiện nhất thiết thủy, một trăng hiện khắp tất cả nước.

Nhất thiết thủy nguyệt nhất nguyệt nhiếp, tất cả trăng nước đều nhiếp trong một mặt trăng.

Đây là vừa pháp, vừa dụ để cho chúng ta hiểu. Tôi nói về thí dụ trước. Như một mặt trăng hiện trong tất cả nước, mặt trăng trong tất cả nước đều nhiếp thuộc về một mặt trăng. Đêm rằm trăng sáng, chúng ta nhìn xuống sông hồ, hay tất cả chỗ có nước đều thấy mặt trăng hiện. Mặt trăng hiện ở trăm ngàn đáy nước nhiều vô kể. Nhưng thật sự chỉ có một mặt trăng thôi. Thí dụ này nói lên một pháp gồm thấu tất cả pháp. Tại sao? Ai cũng có sẵn tánh Phật, tánh Phật của trăm người, triệu ức người đều giống nhau. Chúng ta nói người này khôn, người kia dại... Người khéo suy nghĩ học hỏi nhiều gọi là khôn, người suy nghĩ vụng về học hỏi ít, gọi là dại. Khôn dại là căn cứ trên suy nghĩ, thu thập được từ bên ngoài.

Nhưng cái thấy, nghe, ngửi, nếm, biết xúc chạm... của người khôn, người dại có giống nhau không? Mình thấy hoa hồng vàng, người khác nhìn cũng thấy hoa hồng vàng, mình thấy bầu trời trong, người khác cũng thấy

bầu trời trong, dù ngu hay khôn đều thấy giống hệt nhau. Như vậy tánh giác có sẵn bình đẳng, không sai biệt. Với con mắt nhà Phật nhìn tất cả chúng sanh đều bình đẳng, không khen người khôn không chê người dại. Có tánh giác nếu biết khai thác thì sáng suốt mau, còn chôn vùi thì tối tăm hoài. Tánh giác đó ví như một mặt trăng, nhưng cả trăm hồ ao, giếng, sông, rạch, biển... mỗi nơi hiện bóng khác nhau. Bóng trăng khác nhau tùy vật chứa, không phải mặt trăng có khác. Tánh giác ở mỗi người đồng nhất nhưng tùy căn cơ hoàn cảnh mà biểu hiện không đồng.

Một tánh viên thông tất cả tánh. Đây là hợp pháp, tánh giác mỗi người bao trùm hết, hợp nhất với tất cả tánh giác không sai biệt. Một pháp bao gồm tất cả pháp, toàn bộ các pháp dung thông nhau. Trong một pháp có đầy đủ các pháp, không tách rời nhau, vì thế chúng ta không nên phân chia đây là Thiên, kia là Tịnh...

Bởi vậy nên câu kết thúc:

*Chư Phật pháp thân nhập ngã tánh, pháp thân
chư Phật vào trong tánh của ta.*

*Ngã tánh đồng cộng Như Lai hiệp, tánh ta cùng
với tánh chư Phật hiệp.*

Đúng như câu Phật nói: “Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh.” Đúng về mặt thể tánh, không có tăng giảm như sạch, nếu sử dụng tánh Phật thì chúng sanh là Phật, nếu sử dụng tánh chúng sanh thì Phật là chúng sanh. Hiểu chỗ này chúng ta không dám khinh ai.

Mình có Phật tánh người cũng có, mình không hơn không khác người. Chúng ta sẵn đủ niềm tin để tu tập, luôn luôn khơi dậy Phật tánh nơi mình nơi người. Cũng như mỗi người đi học, người nào có học mà không thông minh lắm thì học rồi cũng biết, hiểu biết tương tự thì tất cả như nhau.

Chánh văn:

**Nhất địa cụ túc nhất thiết địa,
Phi sắc phi tâm phi hạnh nghiệp.
Đàn chỉ viên thành bát vạn môn,
Sát-na diệt khước tam kỳ kiếp.
Nhất thiết số cú phi số cú,
Dữ ngô linh giác hà giao thiệp?**

Giảng:

Nhất địa cụ túc nhất thiết địa, một địa đầy đủ tất cả địa. Tại sao? Trong nhà Phật nói có thập địa Bồ-tát, từ Bồ-tát Sơ địa, Bồ-tát Nhị địa... đến Thập địa, nhưng tâm thanh tịnh hằng giác ai cũng có, nên khi bước chân vào một địa thì đủ cả. Tôi có tánh giác, tăng ni Phật tử cũng có. Tánh giác đó trùm khắp nơi mỗi người đều giống nhau, không đọi thứ bậc, không phân chia nhận một phần tánh giác hay nhận hai phần... mười phần.

Phi sắc phi tâm phi hạnh nghiệp, chẳng phải sắc, chẳng phải tâm, chẳng phải hạnh nghiệp.

Đàn chỉ viên thành bát vạn môn, chốc lát thành tựu trọn vẹn tám vạn pháp môn.

Tánh giác không phải hình sắc, không phải tâm suy nghĩ, cũng không phải là những hành động tạo nghiệp. Chúng ta là người mê muội đáng thương, không nhận được tánh giác ngay nơi mình, lại nhận lầm thân vật chất và tâm suy nghĩ cho là mình. Thân vật chất là thân bại hoại, không giữ được lâu. Khi chúng ta còn sống, còn hơi thở, còn ấm thì thân này tương đối dễ coi. Nhưng khi tắt thở hơi ấm mất rồi thì nó ra cái gì? Giả sử người được quý thương rất nhiều, mà khi tắt thở chừng vài tiếng đồng hồ thì lúc đó không ai dám đến gần, dám nằm chung. Nếu là quý là thật thì trước sau cũng quý cũng thật. Tại sao phút giây này nó là quý, mà phút giây khác nó lại là tiện, là không ra gì? Nếu thấy lẽ thật của thân không có gì đáng quý thì chúng ta không còn hơn thua chấp chặt.

Rồi đến tâm suy nghĩ này cũng không đúng trăm phần trăm là chân lý. Nó không phải là lẽ thật. Nếu là thật chúng ta phải thấy biết chỗ ở của nó. Khi đang suy nghĩ chuyện tốt xấu gì, thử tìm lại xem cái suy nghĩ đó ở đâu. Tìm được không? Khi nhìn lại thì nó mất tiêu, vì đó chỉ là cái bóng. Cái bóng mà mình tưởng là thật. Như vậy cả ngày, chúng ta sống đuổi theo vật chất để nuôi dưỡng thân tạm bợ không thật. Chúng ta tranh nhau khoe khôn chê đại v.v... cho đó là tâm mình, mà nó chỉ là cái bóng. Chúng ta sống trong mê lầm thật đáng thương.

Tánh giác chân thật không phải sắc tức không có hình tướng, không phải tâm suy nghĩ, cũng không phải

là cái tạo hạnh nghiệp. Khi nhận được tánh giác này thì chỉ trong khoảnh khắc tay được thành tựu đầy đủ tám vạn pháp môn. Một phen ngộ là xong tất cả. Tánh giác không ở đâu xa, ngay nơi tất cả mọi người.

Hiện tại chúng ta đang thấy nghe rõ ràng. Cái thấy nghe đó không có hình dáng tức không phải sắc. Khi thấy nghe mà không suy nghĩ nên không phải tâm. Thấy nghe không tạo nghiệp, như thấy người đẹp người xấu đều thấy rõ ràng, nhưng không khởi nghĩ dễ thương hay dễ ghét. Có suy nghĩ thương ghét mới tạo nghiệp, nếu không khởi nghĩ thì tánh thấy biết mọi người như nhau. Tánh thấy đồng, nhưng khi khởi nghĩ ghét thương liền sai khác. Chúng ta sai khác là do hạnh nghiệp đã tạo.

Như vậy tất cả chúng ta đều có cái biết thấy không phải sắc, không phải tâm, không tạo nghiệp. Nhận được chỗ này chỉ trong khoảnh khắc tay có đầy đủ tất cả phương tiện để cứu giúp mọi người. Rất dễ dàng!

Sát-na diệt khước tam kỳ kiếp, trong khoảng sát-na diệt hết ba a-tăng-kỳ kiếp.

Ba a-tăng-kỳ kiếp, tức ba vô số kiếp. Nghiệp tạo trong ba vô số kiếp chỉ trong khoảng thời gian rất ngắn được sạch hết, thanh thoi làm sao! Bởi vì nghiệp có là từ tâm phân biệt tốt xấu hơn thua. Tánh giác chân thật không phải sắc, không phải tâm, không phải hạnh nghiệp, không vướng mắc theo nghiệp nên nếu ai sống được với tánh giác thì tất cả nghiệp đều tan biến trong phút giây.

Trên hội Linh Sơn, đức Phật đưa cành hoa sen lên, tất cả đại chúng đều ngơ ngác, chỉ có ngài Ca-diếp nhận được mỉm cười. Đó là vì ngài nhận ra được cái hiện tiền đang thấy. Chính cái đó mới thật là mình, còn cái suy nghĩ không phải thật mình. Chúng ta ngược lại thường bỏ quên cái thật, chạy theo cái không thật. Chỗ này ngài Thần Hội thí dụ như khi chúng ta nhìn vào gương, chỉ thấy nhớ hình dáng đẹp xấu, trắng đen v.v... không bao giờ nhớ mặt gương. Gương lúc nào cũng trong sáng nhưng vì chúng ta chấp nhận hình bóng, chú tâm vào hình bóng nên quên thể trong sáng hiện tiền.

Đức Phật dạy, nếu biết phản quan nhìn lại đừng chạy theo vọng tưởng, vọng tưởng lặn hết thì tâm thể hiện tiền. Lúc đó tất cả nghiệp cảnh lăng xăng đều tan biến nhanh chóng. Người tu biết bóng nghiệp không thật, không si mê chạy theo bóng giả dối, ngay đó thấy được Phật.

Sở dĩ chúng ta mê muội vì chấp thân hư giả tạm bợ này là thân mình thật, chấp tâm bóng dáng cho là tâm mình thật. Cứ bao nhiêu đó mà bám cả đời, chạy ngược chạy xuôi theo nó. Bây giờ nhận biết thân này duyên hợp hư giả không thật, tâm lăng xăng cũng biết là hư vọng, giả dối không theo. Chúng ta buông, không theo hai cái mê lầm đó để thấy được cái chân thật. Thấy đúng như thật đó là giác ngộ, giác ngộ thì hết khổ, còn si mê là còn khổ. Tỉnh giác với si mê cách nhau bao xa? Từ cái này đổi qua cái kia chừng bao nhiêu cây số? Rất dễ, đang thấy thân thật, đổi sang thấy

thân này giả là xong. Cho suy nghĩ là tâm mình là chân lý, tìm lại thấy vọng tưởng mất không còn gì, nó chỉ là cái bóng. Trong chớp mắt là chúng ta chuyển được liền, không khó.

Chỗ tu này ngay trong khoảng khảy móng tay chuyển mê thành giác. Mê là chúng sanh, giác là Phật, Phật với chúng sanh không cách bao xa. Chỉ đổi cái nhìn không có gì ngăn trở, không nói thời gian, không nói cái này chướng cái kia chướng, không có gì hết. Chỉ cần thay đổi cái nhìn thì từ mê trở thành giác. Đó là chỗ siêu thoát của người đốn ngộ.

Nhất thiết số cú phi số cú, tất cả câu số chẳng phải câu số.

Dữ ngô linh giác hà giao thiệp, cùng linh giác của ta nào có liên hệ.

Tất cả những câu nói, những lời, những số đều không phải là thật. Chúng ta cứ nghĩ phải thuộc lòng câu này thuộc lòng đoạn kinh kia, nhưng tất cả những văn tự, những câu số đó đều không thật, vì nó không phải là linh giác của mình. Linh giác của chúng ta luôn sẵn có, không ngôn ngữ không câu lời.

Chánh văn:

Bất khả hủy, bất khả tán,

Thể nhược hư không vật nhai nạn.

Bất ly dương xứ thường trạm nhiên,

Mịch tức tri quân bất khả kiến.

Giảng:

Bất khả hủy, bất khả tán, không thể chê, không thể khen.

Thể nhược hư không vật nhai ngạn, thể như hư không chẳng bờ mé.

Ở đây nói cái chân thật hay linh giác của mình không thể hủy báng được, cũng không cần tán thán. Tại sao? Vì thể ấy như hư không, không có bờ mé. Như tánh thấy nghe nơi tất cả mọi người, tánh ấy tướng mạo ra sao? Con mắt lỗ tai thì có tướng mạo, nhưng cái hay thấy hay nghe đó không có tướng mạo, nên nói thể giống hư không.

Chỗ này tôi nhắc lại chủ trương của Lục tổ Huệ Năng: Vô niệm vi tông, Vô tướng vi thể, Vô trụ vi bản. Vô niệm tức là tâm không dấy khởi nghĩ suy, lấy đây làm tông. Tâm không nghĩ suy ấy không có tướng nên gọi là vô tướng, không tướng mà thể trùm khắp nên gọi là vô tướng vi thể. Vô trụ là không vướng mắc sáu trần, lấy tâm rộng rang không ngăn ngại làm gốc để tu. Lục Tổ giác ngộ chỗ này, ngài chỉ cho chúng ta. Thiền sư Huyền Giác cũng ngộ được chỗ này nên ngài nói cái đó không thể khen, không thể chê. Có chê bai hay ngợi khen là dựa trên hình tướng, tâm tánh như hư không, chẳng dính một vật, chẳng có tướng mạo gì nên vượt trên tất cả.

Khi chúng ta nghĩ suy, phăng tìm lại thì nó mất. Khi không nghĩ suy gì hết mà hằng biết hằng thấy

rõ ràng nơi mắt nơi tai. Cái thấy biết không nghĩ suy đó không có giới hạn, như hư không không bờ mé. Nhận được chỗ này rất là quý giá, là thành tổ thành Phật.

Bất ly đương xứ thường trạm nhiên, không rời ngay chỗ này mà thường lặng lẽ. Chúng ta ai cũng có một cái hiện tiền đầy đủ, không cần tìm kiếm ở đâu xa. Tánh giác này lặng lẽ mà luôn có mặt, chúng ta sử dụng hằng ngày mà không biết. Phật thương chúng sanh si mê khờ dại, chỉ hoài chỗ đó mà không nhận ra. Người nào nhận ra, sống được thì giác ngộ giải thoát sanh tử. Bởi vì thể chân thật này không hình tướng, nên không có chết sống. Tất cả chúng sanh đều có khả năng giải thoát nhưng không chịu nhận, cứ bám vào thân tạm bợ, bám vào vọng tưởng hư dối thì đến khi nào mới giác ngộ giải thoát? Bởi vậy nên ngài nhắc: *Bất ly đương xứ thường trạm nhiên*, nó hiện tiền đây, nó không có thiếu vắng lúc nào hết.

Mịch tức tri quân bất khả kiến, tìm kiếm tức là biết anh không thể thấy. Thể lặng lẽ trùm khắp này không tướng mạo, chỉ lặng hết vọng tưởng thì nó hiện ra. Càng ra công tìm tánh giác thì càng tìm càng mất. Sao vậy? Vì tánh giác chính là mình, mình khởi niệm tìm thì tánh giác trở thành vật ở bên ngoài rồi, cho nên tìm thì không thể được.

Những lời này rất là chân thành, tốt chỗ cứu cánh, chúng ta nghe và nhận cho sâu.

Chánh văn:

**Thủ bất đắc, xả bất đắc,
Bất khả đắc trung chỉ ma đắc.
Mặc thời thuyết, thuyết thời mặc,
Đại thí môn khai vô ủng tắc.**

Giảng:

Thủ bất đắc, xả bất đắc, lấy chẳng được, bỏ chẳng được.

Tánh chân thật đó giữ không được, bỏ cũng không được. Cái sẵn có của mình thường hằng như vậy nên bỏ không được, cũng không phải là vật bên ngoài, khởi tâm nắm giữ hay tìm kiếm là đã cách xa nên nói giữ cũng không được.

Bất khả đắc trung chỉ ma đắc, trong chỗ không thể được đó chỉ thế mà được.

Chỉ thế mà được là sao? Buông hết vọng tưởng, đừng chạy theo vọng tưởng thì nó hiện ra chứ không gì lạ.

Ngài chỉ tột cùng cái chân thật ai cũng có. Muốn thấy được chân thật thì buông vọng tưởng lặn xả, chân thật liền hiện tiền. Chúng ta thử đi đoạn đường một cây số, trong đoạn đường này không cho nghĩ gì hết, có biết đường đi không? Biết. Ai dẫn đường mình đi? Không suy nghĩ như không có tâm rồi, nhưng thật ra lúc đó thấy biết rõ ràng, đi đều đặn. Đó là chân thật hiện tiền, không phải đợi suy nghĩ mới biết đường đi.

Điều đáng buồn là chúng ta luôn chấp nhận suy nghĩ chứ không chấp nhận cái chân thật lặng lẽ kia.

Mặc thời thuyết, thuyết thời mặc, im lặng là nói, nói là im lặng. Như tôi nói rất nhiều trong buổi giảng là nói cái gì? Nói về cái thể lặng lẽ của mọi người đó. Đôi khi chúng ta nói tìm chân lý, nói đủ thứ lằng xằng mà không có chân lý chút nào.

Đại thí môn khai vô ứng tác, cửa bố thí lớn mở rộng không đóng. Trong các cách bố thí, bố thí pháp là rộng lớn. Thiền sư bố thí pháp bằng cách hoặc làm thinh, hoặc nói mà như không nói. Như hỏi: Thế nào là Phật pháp? Đáp: Ba cân gai. Đó là nói mà không động môi lưỡi. Người học thiền khi nghe chư tổ nói một hơi, nói rất nhiều mà không tìm ra nghĩa lý gì, đó là những câu nói mà nín. Còn có những câu hỏi mà các ngài lặng thinh, đó là nín mà nói. Như thế các ngài đã bố thí rất nhiều, không che giấu gì cả.

Chánh văn:

**Hữu nhân vấn ngã giải hà tông,
Báo đạo Ma-ha Bát-nhã lực.
Hoặc thị hoặc phi nhân bất thức,
Nghịch hạnh thuận hạnh thiên mạc trắc.
Ngô tảo tăng kinh đa kiếp tu,
Bất thị đẳng nhân tương cống hoặc.**

Giảng:

Hữu nhân vấn ngã giải hà tông, có người hỏi ta hiểu tông nào.

Báo đạo Ma-ha Bát-nhã lục, trả lời rằng sức Ma-ha Bát-nhã.

Sức của Ma-ha Bát-nhã, tức là sức của trí tuệ rộng lớn. Kinh Bát-nhã mở đầu là soi thấy năm uẩn đều không. Năm uẩn này không thật nên Phật nói là không. Ngài Huyền Giác thì nói tôi hiểu được tông Bát-nhã, do sức Bát-nhã, sức trí tuệ rộng lớn mà thấy đúng như thật.

Hoặc thị hoặc phi nhân bất thức, hoặc phải hoặc quấy người chẳng biết.

Nghịch hạnh thuận hạnh thiên mạc trắc, hành động nghịch hành động thuận trời không lường.

Người nhận được trí tuệ Bát-nhã tốt cùng rồi thì hoặc là phải hoặc là quấy, người đời không thể nào biết nổi. Có khi làm hạnh nghịch có khi làm hạnh thuận, chư thiên cũng không lường được. Khi các vị tổ sư thấu triệt lý này rồi, đôi lúc các ngài nói những lời rất hiền từ, có lúc lại nói những lời rất thô bạo, nghịch thuận đủ hết.

Ngài Đức Sơn khi có người hỏi liền đập cho một gậy. Dễ chịu không? Như vậy là thương mình hay ghét mình? Có những thiền sư khi được hỏi thế nào là Phật thì im lặng không nói câu nào. Thấy như là các ngài không có thuật truyền đạo gì. Phật là tánh giác hay thấy, hay nghe của chính mình, vừa hỏi thế nào là Phật mà giải nghĩa Phật thế này, thế kia là đã đi xa, cho nên đánh một cái để giật mình thức tỉnh. Chính là cái mình biết hỏi, cái mình biết thấy đó. Vì mở miệng nói là trật rồi, chỗ này không cho ngôn thuyết suy nghĩ. Các ngài chỉ trở ngược lại nhưng chúng ta không nhận ra.

Như vậy các ngài làm hành động này, hành động khác, tuy đủ thứ thuận nghịch nhưng không ngoài vận dụng trí tuệ để chỉ chỗ chân thật cho chúng ta.

Ngô tảo tăng kinh đa kiếp tu, tôi đã sớm từng có nhiều kiếp tu.

Bất thị đẳng nhàn tương cuống hoạc, chẳng phải rảnh rang đối gạt nhau.

Bởi đã trải qua nhiều kiếp tu nên bây giờ nghe liền nhận được. Cái nhận hiểu của tôi là lẽ thật, không phải là rảnh rang mà lường gạt nhau. Nên nhớ người hiện đời thấy đạo là đã từng tu tập nhiều đời. Do nhân duyên tu được thấy lẽ thật nên đem ra chỉ dạy mọi người. Ngài muốn chúng ta có niềm tin vững chắc, thấy rõ sự quan trọng của việc này. Đây không phải lời nói chơi.

Chánh văn:

Kiến pháp tràng, lập tông chỉ,

Minh minh Phật sắc Tào Khê thị.

Đệ nhất Ca-diếp thủ truyền đăng,

Nhi thập bát đại Tây Thiên ký.

Giảng:

Kiến pháp tràng, lập tông chỉ, lập pháp tràng, lập đường lối tu.

Minh minh Phật sắc Tào Khê thị, rõ ràng đức Phật ra lệnh cho ngài Tào Khê tức Lục tổ Huệ Năng.

Đường lối tu thiền của ngài Huyền Giác là đường lối của Lục tổ Huệ Năng, đi đúng như hướng của Phật chỉ dạy.

Đệ nhất Ca-diếp thủ truyền đăng, Ca-diếp là người thứ nhất được truyền đăng.

Nhị thập bát đại Tây Thiên ký, đất Ấn Độ ghi hai mươi tám đời tổ sư.

Đoạn này nói về lịch sử truyền bá Thiền tông. Người thứ nhất là tổ Ca-diếp trong thời đức Phật còn tại thế ngộ đạo nơi hội Linh Sơn, ngài là người đầu tiên tiếp giữ ngọn đèn thiền từ đức Phật. Sau đó là hai mươi tám vị tổ ở Ấn Độ còn ghi rõ.

Chánh văn:

**Pháp Đông lưu, nhập thủ thổ,
Bồ-đề-đạt-ma vi Sơ tổ.
Lục đại truyền y thiên hạ văn,
Hậu nhân đắc đạo hà cùng số.**

Giảng:

Pháp Đông lưu, nhập thủ thổ, pháp sang Đông vào đất này.

Bồ-đề-đạt-ma vi Sơ tổ, ngài Bồ-đề-đạt-ma là Sơ tổ.

Lục đại truyền y thiên hạ văn, sáu đời truyền y thiên hạ đều nghe.

Hậu nhân đắc đạo hà cùng số, người sau đắc đạo số không kể hết.

Khi pháp thiên truyền qua Đông độ tức Trung Hoa, ngài Bồ-đề-đạt-ma là người Ấn sang Trung Hoa truyền thiên ban đầu. Tiếp theo đó sáu đời tổ sư truyền y ai cũng đều biết hết. Về sau người ngộ được đạo lý này số không thể tính kể.

Chánh văn:

**Chân bất lập, vọng bản không,
Hữu vô câu khiến bất không không,
Nhị thập không môn nguyên bất trước,
Nhất tánh Như Lai thể tự đồng.**

Giảng:

Chân bất lập, vọng bản không, chân chẳng lập vọng vốn không.

Hữu vô câu khiến bất không không, hữu vô đều dẹp chẳng không không.

Nhị thập không môn nguyên bất trước, hai mươi cửa không vốn chẳng chấp trước.

Nhất tánh Như Lai thể tự đồng, một tánh Như Lai thể tự đồng.

Đạo lý này không lập chân hay vọng. Tại sao? Ở thế gian khi chúng ta nói hay làm đều nằm trong đối đãi, phải quấy, tốt xấu, v.v... Tất cả đối đãi đều không thật. Nói về đạo lý chân thật vượt ngoài đối đãi nên chân cũng không lập mà vọng cũng vốn không. Có và không đều dẹp hết, đến chỗ không không cũng không còn.

Nghĩa là khi dẹp hết chân vọng có không, nếu còn lại cái chấp không cũng trật, phải dẹp bỏ luôn. Trong hai mươi hai môn không đều không vướng mắc. Chỉ còn một tánh Phật, thể đồng nhất như vậy. Hai mươi cái không trong kinh Bát-nhã có nói rõ, chúng ta không kể ra ở đây.

Như vậy, thể chân thật này không nói là chân, không nói là vọng, không nói là có, không nói là không. Tất cả những cái đó đều dẹp hết. Vì sao? Vì tánh Như Lai thể tự đồng, không có gì khác ngoài thể tánh này, không phải là bên này bên kia.

Tôi nhắc lại chỗ đặc biệt khi tổ Huệ Năng truyền pháp đầu tiên. Tổ Huệ Năng khi được y bát nơi Ngũ Tổ, trốn về phương Nam. Một đoàn tăng đuổi theo ngài, đi đầu là thượng tọa Minh. Khi mọi người đuổi kịp, Tổ bèn để y bát trên phiến đá rồi ẩn mình trong bụi rậm. Huệ Minh đến nhắc y bát lên không được, biết rằng đây là việc mầu nhiệm, người không có duyên không thể cướp đoạt. Huệ Minh bèn kêu lớn, tôi vì pháp mà đến, không phải vì y bát. Tổ xuất hiện và bảo, nếu ông thật tâm cầu pháp thì yên lặng giây lâu tôi sẽ nói cho. Huệ Minh đứng yên lặng, Tổ bảo: “Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, cái gì là bản lai diện mục của thượng tọa Minh?” Ngay câu đó Huệ Minh ngộ đạo.

Còn nghĩ thiện, còn nghĩ ác là hai bên, buông tất cả hai bên thì bộ mặt thật hiện ra. Cái chân thật muôn đời của mình luôn sẵn có, chỉ vì chúng ta luôn chạy theo hai bên hay dở, phải quấy, tốt xấu... tâm luôn phân biệt

suy tính nên không thấy được. Tu như lời Tổ dạy rất nhanh rất dễ, không phải bảo trèo non lội suối hay gánh cả ngàn khối đá mà cho là nặng nhọc khó làm. Ở đời, tu không phải là việc khó, chỉ vì tập quán và nếp sống chúng ta quen suy nghĩ theo chọn lựa hai bên. Ai cũng như vậy nên nếu mình làm khác hơn thì mọi người cười chê. Bởi thế chư tổ đến chỗ này, thái độ như ngây như ngô, nhưng bên trong là tâm chân thật sáng ngời, rỗng rang không chấp trước.

Chánh văn:

**Tâm thị căn, pháp thị trần,
Lưỡng chủng do như kính thượng ngân.
Ngân cấu tận trừ quang thủy hiện,
Tâm pháp song vong tánh tức chân.**

Giảng:

Tâm thị căn, pháp thị trần, tâm là căn, pháp là trần.

Lưỡng chủng do như kính thượng ngân, hai cái này như bụi bám trên mặt gương.

Ngân cấu tận trừ quang thủy hiện, vết bụi trừ sạch ánh sáng mới hiện.

Tâm pháp song vong tánh tức chân, tâm pháp cùng quên tánh tức chân.

Sáu căn đều có tri giác nên nói tâm là căn. Sáu trần bên ngoài là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Sáu căn

sáu trần này tánh nó vốn không như không nhiễm, nhưng khi chúng tiếp xúc nhau, vọng tưởng dấy nên khởi niệm tốt xấu khen chê. Vì thế nên nói như vết bụi phủ trên mặt gương. Tánh của gương vốn trong sáng nhưng vì bụi phủ nên có dấu vết mờ. Lớp bụi này chỉ là vọng tưởng không thật, nó chợt có chợt không, khi có bụi thì tạm nói gương bị mờ. Chúng ta tu bị vướng mắc vào lớp bụi giả dối này nên không thấy được tâm chân thật. Nếu khi thấy chỉ thấy, nghe chỉ nghe thì đâu đó rõ ràng.

Lục tổ Huệ Năng khi nghe kinh Kim Cang đến câu: “Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, ngay đó liền tỏ ngộ tánh mình vốn xưa nay thanh tịnh.

Vì vậy ở đây nói:

Ngân câu tận trừ quang thị hiện,

Tâm pháp song vong tánh tức chân.

Khi biết vết như trên mặt gương là không thật, lúc đó ánh sáng tự tâm hiện rõ. Tâm phân biệt hơn thua và các pháp trần không dính nhau, cả hai đều tiêu mất thì tánh chân hiện ra rõ ràng.

Chúng ta tu không phải chỉ trong giờ ngồi thiền mà tất cả mọi lúc đều có thể tu được. Như đi chợ thấy người qua lại, thấy buôn bán đủ thứ, thấy thì thấy không chú tâm vào cái gì, đi giáp một vòng chợ trở về, hỏi đi chợ thấy cái gì thì trả lời sao? Tôi không thấy gì hết. Đâu phải không thấy, thấy mà không chú tâm,

không chú tâm thì không vướng không mắc, không vướng mắc thì thấy như không thấy. Thấy như không thấy, lúc về nhà không suy gẫm gì về chuyện đi chợ. Nếu mình thấy mà không vướng mắc thì không có bụi, gương tâm vẫn trong sáng. Như vậy, khi không chấp vào tâm ý, không chấp pháp trần thì Phật tánh sẵn có của chúng ta hiện tiền, tám gương trí tuệ tròn đầy luôn sáng rõ.

Chánh văn:

**Ta mạt pháp! Ác thời thế!
 Chúng sanh phước bạc nan điều chế.
 Khứ thánh viễn hệ tà kiến thâm,
 Ma cường pháp nhược đa oan hại,
 Văn thuyết Như Lai đốn giáo môn,
 Hận bất diệt trừ linh ngã toái.**

Giảng:

Ta mạt pháp! Ác thời thế! Than ôi! Đời mạt pháp, thời ác.

Chúng sanh phước bạc nan điều chế, chúng sanh phước mỏng khó điều phục.

Khứ thánh viễn hệ tà kiến thâm, cách Phật xa vời nên tà kiến sâu đậm.

Ma cường pháp nhược đa oan hại, ma mạnh, pháp yếu nhiều oán hại.

Văn thuyết Như Lai đốn giáo môn, nghe nói môn đốn giáo của Như Lai.

Hận bất diệt trừ linh ngõa toái, hận không diệt trừ, đập nát như ngói gạch.

Vào thời mạt pháp, chúng sanh phần nhiều không có phước, đã không gặp chánh pháp lại khó nhiếp phục tâm ý. Những người như vậy không dễ hóa độ. Đây là ngài than tiếc cho thời đại chúng ta, cũng nói về pháp môn đốn giáo rất khó hoằng truyền. Chúng sanh càng cường khi nghe đến đạo lý chân thật, đều muốn phá dẹp dứt trừ cho tiêu tan. Vì thế trong thời này đôi khi chúng ta giảng dạy cũng không phải đều được như ý, phải kiên nhẫn vượt qua hoàn cảnh.

Chánh văn:

Tác tại tâm, ương tại thân,

Bất tu oán tố cánh vưu nhân.

Dục đắc bất chiêu vô gián nghiệp,

Mạc báng Như Lai chánh pháp luân.

Giảng:

Tác tại tâm, ương tại thân, khởi tại tâm mắc họa tại thân. Nghiệp ác khởi lên từ tâm, khi làm rồi thì thân chịu tai họa.

Bất tu oán tố cánh vưu nhân, không nên kêu oan hay đổ thừa cho người. Việc mình làm mình chịu, chẳng phải trời hay người đem đến cho mình.

Dục đắc bất chiêu vô gián nghiệp, nếu muốn không chuốc nghiệp vô gián. Nghiệp vô gián là nghiệp phải đọa địa ngục vô gián, chịu khổ không lúc nào dừng nghỉ.

Mạc báng Như Lai chánh pháp luân, chớ nên chê bai chánh pháp của đức Như Lai.

Có một số người trong thời mạt pháp không tin được pháp môn đốn giáo, cho nên chống đối muốn tiêu diệt, đó là chuốc họa địa ngục vô gián. Ngài Huyền Giác nhắc nhở tất cả chúng ta nên cẩn thận khi tạo nghiệp. Khi tâm khởi lên việc lành dữ, thiện ác thì thân luôn chịu quả báo, khi chịu quả khổ không nên đem lòng oán hận, phải nhận trách nhiệm về mình. Đối với chánh pháp của Như Lai càng phải cẩn trọng hơn, đừng đại dột mà mang họa địa ngục.

Chánh văn:

Chiên-đàn lâm vô tạp thụ,

Uất mật sâm trầm sư tử trú.

Cảnh tịnh lâm nhàn độc tự du,

Tẩu thú phi cầm giai viễn khứ.

Giảng:

Chiên-đàn lâm vô tạp thụ, trong rừng chiên-đàn không lẫn lộn cây khác.

Uất mật sâm trầm sư tử trú, rậm rạp sâu kín, các loài sư tử ẩn trong đó.

Cảnh tịnh lâm nhàn độc tự du, cảnh lặng lẽ rừng yên ổn, riêng tự dạo đi.

Tẩu thú phi cầm giai viễn khứ, loài chim bay thú chạy đều lánh xa.

Pháp đốn giáo này như rừng chiên-đàn, không có các cây khác lẫn lộn. Nơi đó sâu xa kín đáo chỉ có sư tử thích ở, nó dạo chơi một mình tự tại, những loài chim chóc hay thú khác đều chạy đi mất không dám gần. Người lãnh hội pháp môn đốn giáo này, thật là như sư tử ở trong rừng chiên-đàn. Người căn cơ không thích hợp không đến được, không thấu hiểu được chỗ này.

Chánh văn:

**Sư tử nhi, chúng tùy hậu,
Tam tuế tiện năng đại hao hống.
Nhược thị dã can trực Pháp vương,
Bách niên yêu quái hư khai khẩu.**

Giảng:

Sư tử nhi, chúng tùy hậu, sư tử con, mọi loài đều đi theo sau.

Tam tuế tiện năng đại hao hống, mới ba tuổi liền rống lớn.

Nhược thị dã can trực Pháp vương, nếu là dã can theo Pháp vương.

Bách niên yêu quái hư khai khẩu, trăm năm yêu quái há mồm suông.

Sư tử con dù còn nhỏ vẫn có oai phong, tất cả loài thú đều khiếp sợ, đều không dám lảng vảng trước nó. Tuy mới ba tuổi, nó rống cũng là rống tiếng sư tử, không rống tiếng gì khác. Nếu là loài dã can dù có theo sư tử,

cho đến trăm năm học tiếng rống này thì cũng chỉ uống công mở miệng, không thể bắt chước được.

Người có chủng tử sâu về tinh thần đốn giáo hay Thiên tông, dù thời gian ngắn cũng có thể nhận ra tâm chân thật theo lời dạy Phật tổ. Người lạc trong tà đạo, dù nói hay làm giống như người chân chánh nhưng chỉ là bắt chước gượng gạo, không đi đến đâu.

Chánh văn:

**Viên đốn giáo vật nhân tình,
Hữu nghi bất quyết trực tu tranh.
Bất thị sơn tăng sinh nhân ngã,
Tu hành khủng lạc đoạn thường khanh.**

Giảng:

Viên đốn giáo vật nhân tình, pháp viên đốn không theo tình thường.

Hữu nghi bất quyết trực tu tranh, có nghi không hiểu rõ cần bàn cãi.

Giáo lý viên đốn này không thích ứng với nhân tình. Đạo lý chân thật vượt ngoài đối đãi, cũng không cần thiết chiều uốn theo tâm lý người thường. Đối với chỗ thật tu thật chứng, nếu còn vướng mắc nghi ngờ thì cùng nhau bàn bạc, nói thẳng chỉ thẳng cho mọi người thấy.

Bất thị sơn tăng sinh nhân ngã, không phải sơn tăng thích nhân ngã. Sơn tăng là ông thầy ở núi, ý nói ngài là thiên sư ở chốn núi rừng không phải thích

chuyện tranh hơn thua với mọi người, chỉ muốn làm sao để ai cũng hiểu được giá trị của đạo, cũng thấy được chân lý thâm sâu.

Tu hành khủng lạc đoạn thường khanh, sợ e những người tu hành rơi vào hầm đoạn và thường. Đoạn là chấp tất cả đều dứt sạch không còn. Thường là chấp tất cả đều còn. Hai lối chấp này nếu không khéo dễ làm chúng ta lầm lạc.

Chánh văn:

**Phi bất phi, thị bất thị,
Sai chi hào ly thất thiên lý.
Thị tắc Long nữ đốn thành Phật,
Phi tắc Thiện Tinh sanh hãm trụ.**

Giảng:

Phi bất phi, thị bất thị, quấy chẳng quấy, phải chẳng phải.

Sai chi hào ly thất thiên lý, sai lạc mảy may mất ngàn dặm.

Thị tắc Long nữ đốn thành Phật, phải thì Long nữ chóng thành Phật.

Phi tắc Thiện Tinh sanh hãm trụ, quấy thì Thiện Tinh rơi vào địa ngục.

Chỗ này quấy cũng chẳng quấy, phải cũng chẳng phải. Chỉ sai trong một hào ly, tơ tóc thì cách xa ngàn dặm. Tại sao? Bởi vì đây là chỗ rất chí lý, thiết yếu,

chúng ta nhìn theo đối đãi thì sai một chút đã lầm rất xa. Dù căn cơ ít phước như Long nữ trong kinh Pháp Hoa, khi ngộ được tánh Phật chỉ trong một phút giây thị hiện thành Phật. Tỳ-kheo Thiện Tinh dù học thông kinh luận, tu chứng được tứ thiên, sanh lên cõi trời Sắc giới. Sau hết phước đọa xuống trần gian, lúc ấy phỉ báng giáo lý Phật, nói rằng được lên cõi trời Sắc giới tưởng chứng Niết-bàn, ai ngờ đâu còn rớt trở lại. Vì phỉ báng như vậy nên ông phải đọa địa ngục. Trong kinh Niết-bàn phẩm Ca-diếp nói rõ chuyện này. Hai thí dụ trên cho thấy đối với giáo lý tối thượng, chỉ cần thấy đúng thấy sai một chút đã đưa đến kết quả khác nhau.

Chánh văn:

**Ngô tảo niên lai tích học vấn,
 Diệt tăng thảo số tâm kinh luận,
 Phân biệt danh tướng bất tri hựu,
 Nhập hải toán sa đồ tự khốn.
 Khước bị Như Lai khổ ha trách,
 Số tha trần bảo hữu hà ích?
 Tòng lai tắng đấng giác hư hành,
 Đa niên uống tác phong trần khách!**

Giảng:

Ngô tảo niên lai tích học vấn, tôi sớm đã nhiều năm tích lũy học vấn.

Diệt tăng thảo số tâm kinh luận, cũng từng thảo số tìm kinh luận.

Phân biệt danh tướng bất tri hư, phân biệt danh tướng mãi không thôi.

Nhập hải toán sa đồ tự khôn, vào biển đếm cát lống tự mệt nhọc.

Đoạn này nhắc lại lối học đạo của ngài Huyền Giác ngày xưa. Khi còn nhỏ đã nhiều năm chắt chũa học vấn, thu thập kiến thức, ngài cũng từng bao phen giải thích kinh luận, phân tích danh số rất say mê. Đây là lời thống thiết nhắc nhở người sau đừng làm như ngài, chạy theo văn tự phải lao khổ nhiều kiếp mà không được giải thoát.

Khước bị Như Lai khổ ha trách, lại bị Phật quả trách thống thiết.

Sở tha trân bảo hữu hà ích? Đếm của báu cho người có ích gì? Học nhiều kinh luận, số giải danh từ Phật pháp, làm mãi như thế thử hỏi được cái gì? Chỉ là đếm của báu cho người, không có lợi ích. Tự bản thân mình không sống được như lời Phật dạy, rốt cuộc không giải thoát. Vì thế Như Lai quả trách nặng.

Tòng lai tắng đấng giác hư hành, từ trước đến giờ nhọc nhằn, mới thức tỉnh được hành động vô ích.

Đa niên uống tác phong trần khách, nhiều năm lống làm khách phong trần.

Hai câu này rất đáng nhớ. Ngài đã khổ nhọc từ bao nhiêu năm, bây giờ thức tỉnh mới biết rằng việc làm của mình từ trước chỉ là rỗng suông, lống làm khách phong trần. Trải qua thời gian dài nghiên tầm giảng giải

kinh luận, như người khách lang thang, gương tâm bị bụi vẩn tự phủ đầy. Cửa báu nhà mình có sẵn mà không nhận ra, chạy đi tìm cầu bên ngoài thật là luống uổng.

Chánh văn:

**Chủng tánh tà, thác tri giải,
Bất đạt Như Lai viên đốn chế.
Nhị thừa tinh tấn một đạo tâm,
Ngoại đạo thông minh vô trí tuệ.**

Giảng:

Chủng tánh tà, thác tri giải, người có chủng tánh tà hiểu biết lầm.

Bất đạt Như Lai viên đốn chế, không thấu đạt lời dạy viên đốn của Như Lai.

Nhị thừa tinh tấn một đạo tâm, Nhị thừa tinh tấn không đạo tâm.

Ngoại đạo thông minh vô trí tuệ, ngoại đạo dù thông minh nhưng không có trí tuệ.

Nói về những người có chủng tánh tà, hiểu biết sai lầm không thấu suốt được giáo lý viên đốn của đức Phật. Hàng Nhị thừa tuy là tinh tấn nhưng không có đạo tâm. Vì tuy tinh tấn mà không giác ngộ, chưa nhận ra tánh Phật vẫn gọi là không có đạo tâm.

Ngoại đạo suy xét thông minh, nhận định giỏi khéo, nhưng không nhận được lẽ thật, chân lý sẵn có nơi mình. Nhận được lẽ thật, thấy được chân lý mới gọi

là trí tuệ. Nếu chỉ so sánh đối chiếu hay dở với nhau, chỉ gọi là người thông minh, không phải bậc đạo nhân chân chánh.

Chánh văn:

**Diệt ngu si, diệt tiểu ngã,
Không quyền chỉ thượng sanh thật giải,
Chấp chỉ vi nguyệt uống thi công,
Căn cảnh pháp trung hư niết quái!**

Giảng:

Diệt ngu si, diệt tiểu ngã, cũng ngu si cũng trẻ dại. Những người như trên cũng là ngu si và ngây thơ. Tiểu ngã là trẻ dại ngây thơ.

*Không quyền chỉ thượng sanh thật giải,
Chấp chỉ vi nguyệt uống thi công,*

Trên ngón tay không tướng là thật. Những phương tiện kinh điển đức Phật giảng dạy, rốt cuộc như ngón tay chỉ mặt trăng. Chúng ta không nên lầm chấp vào kinh điển, cho kinh văn chính là Phật tánh. Chấp ngón tay làm mặt trăng rất uống công. Như có người lấy ngón tay chỉ mặt trăng, ngón tay là phương tiện hướng dẫn để thấy mặt trăng, nếu cho ngón tay là mặt trăng thì không bao giờ thấy mặt trăng thật. Bao nhiêu kinh điển Phật dạy chúng ta như ngón tay chỉ mặt trăng, nương theo đó nhận được tánh giác của mình mới là thấy mặt trăng thật. Chúng ta phải hiểu thấu chỗ này để không uống công thực hành. Nếu chỉ đọc tụng kinh điển suông,

dù đọc suốt đời không nhận ra ý Phật, đó cũng là theo ngón tay quên mặt trăng, không bao giờ thành tựu.

Căn cảnh pháp trung hư niết quái, trong pháp căn cảnh đối tác quái.

Căn là mất tai mũi lưỡi thân ý của mình, cảnh là sáu trần bên ngoài. Trong hai pháp hư giả đó mà mình luống tạo nghiệp điên đảo khổ sở. Hiện tại chúng ta lầm mê trên căn trần, nghe một câu nói xúc phạm đến mình liền nổi giận. Câu nói là trần, nghe là căn tai, ý khởi phân biệt cho là khen chê, từ đó tạo nghiệp. Bao nhiêu nghiệp tạo ra cũng chỉ là giả dối không thật, nhưng với người lầm mê thì nó dẫn đi trôi nổi sanh tử. Tu theo Phật phải giác tỉnh đừng mê. Biết căn trần hư giả không theo, đừng ý vọng động phân biệt, đó là đừng nghiệp. Đừng dứt những rối ren náo loạn thì tâm tỉnh sáng hiện tiền. Có giác mới ra khỏi sanh tử, còn mê thì muôn đời không ra khỏi sanh tử.

Chánh văn:

**Bất kiến nhất pháp tức Như Lai,
 Phương đặc danh vi Quán Tự Tại.
 Liễu tức nghiệp chướng bản lai không,
 Vị liễu ứng tu hoàn tức trái.**

Giảng:

Bất kiến nhất pháp tức Như Lai, không thấy có một pháp thật tức là Phật. Vì nếu còn thấy các pháp có hình tướng là thật thì dưới mắt Phật, đó là cái thấy sai.

Có hình tướng là có sanh diệt, chưa phải chân lý. Do đó, nếu thấy tất cả pháp có hình tướng là không thật, tức là thấy được chân lý, là cái thấy của Phật.

Phương đặc danh vi Quán Tự Tại, được như vậy mới gọi là Bồ-tát Quán Tự Tại. Quán Tự Tại là nhìn thấy tất cả các pháp không một chút chướng ngại, ngăn trở. Đối với mắt Phật, tất cả các pháp có hình tướng đều là vô thường sanh diệt, không phải chỗ cứu cánh chân thật. Người nào thấy rõ tất cả các pháp đều không thật, người ấy thấy được lẽ thật. Đây là cái nhìn thấu suốt, không bị trở ngại, nên gọi là Quán Tự Tại.

*Liễu tức nghiệp chướng bản lai không,
Vị liễu ứng tu hoàn tức trái.*

Liễu là liễu ngộ. Liễu ngộ thì nghiệp chướng xưa nay là không. Còn người không liễu ngộ thì phải đền trả nợ trước. Liễu ngộ là thế nào? Không liễu ngộ là thế nào? Người học Phật nếu không thấu đáo, đôi khi thấy trong kinh Phật dạy có hơi mâu thuẫn. Thí dụ như trong các kinh A-hàm, Phật dạy rõ ràng làm lành thì được quả lành, làm dữ phải chịu quả dữ. Mọi nhân quả không sai chạy, làm nghiệp lành hay nghiệp dữ đều phải đền trả. Đó là tinh thần kinh A-hàm. Nhưng đến hệ thống Bát-nhã thì lại khác. Theo hệ thống Bát-nhã, nếu thấy các pháp không thật thì nghiệp chướng cũng không thật. Thấy nghiệp chướng không thật tức liễu ngộ, rõ nghiệp chướng xưa nay là không.

Thí dụ như chúng ta đang còn mê, nói ra một lời lành thì người ta vui, dữ thì người ta giận. Thấy ai nói

hiền lành cho là dễ thương, ai nói hung dữ bảo là dễ ghét. Lời lành là tốt, lời dữ là xấu. Quen phân biệt như vậy nên khi chúng ta vừa có một lời không tốt liền bị người phản ứng, chống trả lại, còn nói lời lành thì người nghe vui vẻ. Đó là chúng ta đang cùng trong tâm trạng mê lầm.

Trái lại, nếu chúng ta nói lời lành, lời dữ mà người nghe là các vị Bồ-tát thì sao? Nghe lời dữ Bồ-tát không phân uất giận hờn, nghe lời lành Bồ-tát cũng không mừng vui. Như vậy, trong tâm trạng của người liễu ngộ thì không thấy lời nói là thật, nên nói tốt hay nói xấu cũng đều như nhau. Người liễu ngộ nghe rồi là qua hết, không có chướng ngại, vì biết rằng các pháp không thật nên không cố chấp. Nếu chúng ta nghe người khác nói lời lành lời dữ, mà mình không để ý thì đâu có dính gì. Họ nói gì mặc họ, như gió thổi qua tai, không có gì thương ghét. Nhưng chúng ta thường quá nhạy, vừa nghe là dính sâu trong tim, nên lời nói qua rồi vẫn còn vui buồn.

Như vậy, người liễu ngộ biết ngôn ngữ không thật, nên khen chê cũng không thật, chẳng có gì vui buồn. Khi bị mắng bị khinh, họ cũng coi như không có gì, nên nói liễu tức nghiệp chướng bản lai không.

Vị liễu ứng tu hoàn tức trái, chưa liễu ngộ thì phải trả nợ cũ. Thí dụ như chúng ta nói ra lời gì thì sẽ có phản ứng trả lại. Mình nói người ta con mèo, người ta mắng lại mình con chó, nghĩa là đền trả liền. Người chưa liễu ngộ thường cố chấp, nghe thấy điều gì liền khởi yêu ghét,

vì vậy mà nghiệp chướng có đủ, phải đền trả nợ trước. Nếu trước gây tạo lành thì nay hưởng quả lành, trước gieo điều dữ nay phải đền quả dữ.

Nghĩa lý hai câu này rất sâu xa, nếu không thấu lý sẽ dễ hiểu lầm. Sau này ngài Hạo Nguyệt đem hỏi thiền sư Trường Sa Cảnh Sâm: “Cổ đức nói: Liễu tức nghiệp chướng bản lai không, vị liễu ứng tu hoàn tức trái. Như tổ Sư Tử và tổ Huệ Khả vì sao phải đền nợ trước?”

Liễu ngộ rồi thấy nghiệp chướng xưa nay vốn không, dù có trả nghiệp cũng thấy nó không thật, như câu chuyện vua Kế-tân và tổ Sư Tử. Trong nước Kế-tân có hai người ngoại đạo giỏi pháp huyền thuật, mưu đồ ám sát nhà vua, sợ cơ mưu bại lộ nên giả dạng Tỳ-kheo đi làm việc gian ác ấy, nhưng bị quan quân bắt được. Vua hay việc này nổi cơn phẫn nộ, ra lệnh triệt hạ chùa chiền, bắt nốt tăng chúng. Bởi sự tức giận ấy, nhà vua đích thân cầm gươm đến chỗ tổ Sư Tử hỏi:

- Thầy được không tương chưa?

Ngài đáp:

- Đã được.

- Đã được thì còn sợ sống chết chăng?

- Đã lìa sống chết thì đâu có sợ.

- Chẳng sợ có thể cho ta cái đầu chăng?

- Thân chẳng phải của ta huống nữa là đầu.

Vua liền chặt đầu ngài rơi xuống đất.

Đối với tổ Sư Tử, việc chặt đầu là đền nợ trước hay không đền nợ trước? Chúng ta thấy đền, còn Tổ thì không thấy đền. Chúng ta thấy thân này thật, nghe vua chặt đầu ngài, sợ rợn người nên thấy ngài còn trả nợ. Trái lại, ngài thấy đầu là không thật, nên cần thì cứ cho không tiếc, đã cho thì đâu phải trả nợ. Đó là do liễu ngộ nên thấy nghiệp chướng vốn không.

Tổ Huệ Khả cũng vậy, sau khi truyền pháp cho ngài Tăng Xán, Tổ đổi đạo phục giả dạng thế gian, có khi vào quán chợ hoặc ở giữa đám đông nói pháp. Sau Tổ bị quan ấp tể bắt đem gia hình đến chết, ngài không hề đối kháng. Vậy, Tổ thấy thân huyễn hóa ở trong cảnh huyễn hóa, việc gì cần thì làm. Chúng ta thấy cái gì cũng thật, cho nên thấy có nợ thật.

Chánh văn:

Cơ phùng ngọc thiện bất năng xan.

Bệnh ngộ Y vương tranh đắc sái?

Tại dục hành thiên tri kiến lực,

Hỏa trung sanh liên chung bất hoại.

Dống Thí phạm trọng ngộ vô sanh,

Tảo thời thành Phật ư kim tại.

Giảng:

Cơ phùng ngọc thiện bất năng xan, đôi gặp cơ rất ngon nhưng không thể ăn.

Bệnh ngộ Y vương tranh đắc sái, bệnh gặp ông vua thầy thuốc mà tránh không chịu chữa trị, làm sao lành được bệnh?

Do mê lầm nên đói gặt cơm ngon mà không chịu ăn, bệnh gặp thầy thuốc hay mà không chịu chữa. Lời Phật nói là lời vàng ngọc, ngài chỉ ra chân lý bất sanh bất diệt, nhưng chúng ta nghe rồi dường như không dính gì với mình. Nếu nói ngày mai mua bán món gì đó lời năm ba chục ngàn là dính liền. Phật nói thân này giả, đây là chân lý, cũng như cơm ngon lại không chịu ăn, chỉ ăn cơm hẩm, tức ưa muốn những thứ giả tạm thế gian. Người ở thế gian này còn mê lầm gọi là còn bệnh. Phật chỉ thẳng chỗ giác ngộ thoát khỏi mê lầm, người đời lại không chịu nghe, chỉ thích nghe những chuyện lợi lộc tiền tài. Cho nên nói bệnh gặp thầy thuốc hay mà không chịu chữa trị.

*Tại dục hành thiên tri kiến lực,
Hỏa trung sanh liên chung bất hoại.*

Theo quan điểm nhà Phật, thế giới bao gồm Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Dục giới là cõi chúng ta đang sống, con người và loài vật trong cõi này đều do ái dục mà sanh. Cõi Sắc và cõi Vô sắc do thiên định mà được. Hiện nay trên thế gian, những gì các nhà khoa học tìm kiếm đều ở trong cõi Dục, còn cõi Sắc và Vô sắc họ chưa biết tới.

Tại cõi Dục hành thiên cũng như trong lò lửa mọc lên hoa sen. Ở thế gian, tiền của, sắc đẹp, danh vị, ăn uống, ngủ nghỉ, trong nhà Phật gọi là ngũ dục, không ai mà chẳng ưa thích, mê đắm. Tâm tham thiêu đốt người, nên ngũ dục được ví như lò lửa. Trong cõi tham đắm ngũ dục đó chúng ta buông bỏ hết mà tu, cũng giống như

trong lò lửa lại có hoa sen nở. Hoa sen dụ cho người ở trong cõi ngũ dục mà tâm trong sáng thanh tịnh. Điều này thật không dễ. Tu mà chứng được đạo trong cõi dục này là một chuyện đáng cay. Đáng cay mà làm được mới thật là quý.

Bốn câu này chỉ ra cho chúng ta thấy, người thế gian vì mê đắm dục lạc, nên gặp những bậc thầy hay mà không chịu học hỏi, như được thức ăn ngon mà không chịu dùng. Nếu biết thức tỉnh tu hành, được tri kiến Phật, cũng giống như trong lò lửa mà nở hoa sen, thật vô cùng quý!

*Dồng Thí phạm trọng ngộ vô sanh,
Tảo thời thành Phật ư kim tại.*

Đây dẫn từ “Phật thuyết Tịnh Nghiệp Chương Kinh” trong Đại tạng. Tỳ-kheo Dồng Thí phạm hai tội dâm và sát. Là một Tỳ-kheo mà phạm hai tội đó coi như bỏ đi, ông hối hận đau khổ tìm đến vị Bồ-tát Tỳ-nhu-đa-la khóc lóc xin sám hối. Bồ-tát nói tội tánh vốn không, Dồng Thí vừa nghe liền chứng được vô sanh.

Người tu phạm trọng giới sao lại chứng được vô sanh? Như vậy có ẩn ý gì trong đó không? Khi sám hối chúng ta thường đọc bốn câu:

*Tội tánh bản không do tâm tạo,
Tâm nhược diệt thời tội diệt vong.
Tội vong tâm diệt lưỡng câu không,
Thị tắc danh vi chân sám hối.*

Tánh tội vốn không, chỉ do tâm tạo. Chúng ta thử xem tội từ đâu ra? Nói lời ác có tội, hành động ác có tội. Nhưng lời nói và hành động, cái gì là chủ? Do lòng giận ghét mà nói ra lời ác, có hành động ác. Tâm nóng giận ác độc đó có thật không? Nếu nó thật thì trọn đời không bao giờ bỏ được. Nhưng có những người hồi xưa nóng nảy, sau hiểu đạo rồi buông bỏ hết nóng. Có người hồi xưa ác độc, nay biết tu rồi bỏ lòng ác độc. Như vậy, nóng giận, ác độc không thật có.

Thử tìm lại cái nổi nóng của mình trước đây xem nó ở chỗ nào. Tìm không có thì biết nó không thật. Tâm nóng giận ác độc đó không thật thì tội cũng không thật. Vì tâm là chủ tạo tội, chủ không thật, tội làm sao thật được. Tánh của tội, tức chỗ ban sơ của tội vốn không có, chỉ do lời nói ác độc của mình mà thành. Lời nói ác độc đó từ tâm phát khởi, mà tâm cũng không thật. Người biết rõ tâm không thật, tội không thật liền chứng vô sanh.

Chỗ khác nói nếu Tỳ-kheo mà phạm trọng giới thì đọa địa ngục, chỗ này phạm tội lại chứng vô sanh, vậy có mâu thuẫn không? Nếu phạm tội mà thấy mình thật, hành động thật, thì phải đọa địa ngục. Trái lại, phạm tội mà giác ngộ thấy mình không thật, tâm không thật, tội cũng không thật thì chứng vô sanh, vì không thật thì đâu còn có cái gì để đền trả. Chúng ta còn một niệm nghĩ phải quấy, tốt xấu, hơn thua, thì mọi tội lỗi đều phải đền trả. Tâm phải quấy hơn thua là tâm tạo nghiệp, liền bị nghiệp dẫn. Khi không còn niệm phải quấy, tâm hoàn toàn thanh tịnh, tức không bị nghiệp dẫn nữa thì mọi tội lỗi theo đó hết.

Bây giờ nếu muốn chuyển nghiệp nhanh như trở bàn tay thì phải làm sao? Buông hết các niệm nghĩ suy. Phải cũng bỏ, quấy cũng bỏ, hay dở, tốt xấu đều bỏ. Cả ngày không một niệm dính mắc, thì tội lỗi bao nhiêu cũng đều hết sạch. Chỉ một ngày thôi, tu một ngày hết mọi tội lỗi, quý vị chịu làm không? Dễ quá! Đâu có nói mười ngày, hai chục ngày. Cũng như niệm Phật, Phật dạy chỉ niệm Phật nhất tâm bất loạn trong một ngày, hai ngày tới bảy ngày thì Phật A-di-đà hiện tiền. Đơn giản có bảy ngày được gặp Phật mà không chịu niệm.

Những câu trên cho chúng ta thấy những gì ngày xưa Phật dạy mới nghe tưởng như khó hiểu, nhưng biết rõ thì không khó nữa. Câu chuyện chứng minh rằng thời đức Phật có những vị Tỳ-kheo phạm giới mà ngộ được tội không thật, tâm không thật thì ngay đó chứng được vô sanh. Trong sự tu hành, nếu mê tức bao nhiêu tội nghiệp đều phải trả đủ, lúc ngộ rồi tội chướng theo đó liền tan.

Chánh văn:

**Sư tử hống vô úy thuyết,
Thâm ta mêng đồng ngoan bì đát.
Chỉ tri phạm trọng chướng Bồ-đề.
Bất kiến Như Lai khai bí quyết.
Hữu nhị Tỳ-kheo phạm dâm sát.
Ba-ly huỳnh quang tăng tội kết.
Duy-ma đại sĩ đốn trừ nghi,
Do như hách nhật tiêu sương tuyết.**

Giảng:

*Sư tử hồng vô úy thuyết,
Thâm ta mông đồng ngoan bì đất.*

Tiếng sư tử rống là tiếng không sợ sệt, nhưng thương thay, chúng ta là kẻ mê muội, mờ mịt không biết.

*Chỉ tri phạm trọng chương Bồ-đề,
Bất kiến Như Lai khai bí quyết.*

Chỉ biết rằng người phạm trọng tội là chương ngại Bồ-đề, không tu được, không thấy được cái bí quyết mà đức Phật đã chỉ.

Tôi tin trăm phần trăm rằng, ai phạm tội gì đi nữa mà một ngày, hai ngày, ba ngày tới bảy ngày, nếu tu Tịnh độ thì niệm Phật tới nhất tâm bất loạn, được thấy Phật tội liền tiêu hết. Còn người tu Thiên thì từ một ngày, hai ngày, ba ngày tới bảy ngày, tâm không một niệm, thanh tịnh an nhiên thì người đó giải thoát sanh tử, cũng hết tội. Cái phải đền trả bao nhiêu kiếp, nay chỉ trong bảy ngày tu là xong, gọi là tu tắt. Quý vị chịu tu vậy không? Bí quyết đó hết sức đơn giản mà không ai chịu làm, còn chuyện hơn thua phải quấy, giành giật với nhau qua năm này tháng nọ lại cứ làm hoài, để rồi trầm luân trong sanh tử.

Hữu nhị Tỳ-kheo phạm dâm sát. Có hai vị Tỳ-kheo ở trên núi, cùng tu với nhau. Một hôm, một thầy đi khất thực còn một thầy bị bệnh ở lại nghỉ tại am. Bất chợt có một cô gái đi hái củi thấy thầy Tỳ-kheo đang nằm ngủ một mình, bèn vào phá thầy, rồi thầy phạm phải tội dâm.

Thầy ăn năn hối hận, bạn về thuật lại cho bạn nghe. Thầy Tỳ-kheo kia tức giận rượt đuổi cô gái, cô chạy và sẩy chân ngã xuống giếng khô chết. Hai thầy ôm lòng lo sợ, một người phạm tội dâm và một người phạm tội sát, nghĩ rằng mình không thể tu được.

*Ba-ly huỳnh quang tăng tội kết,
Duy-ma đại sĩ đốn trừ nghi,
Do như hách nhật tiêu sương tuyết.*

Hai thầy đến thưa rõ tội phạm của mình với ngài Ưu-ba-ly, là vị đứng đầu về giới luật trong thời Phật. Ngài Ưu-ba-ly nói: “Tội như thế hết cứu rồi, cũng như cây ta-la đã chặt ngọn không thể sống được nữa.” Hai thầy khổ sở quá đến thưa với ngài Duy-ma-cật. Ngài biết hai thầy Tỳ-kheo chủng tánh Đại thừa nên nói: “Tội này vô tâm phạm vẫn tiến tu được. Hai vị tinh tiến tu hành thì đắc quả.”

Ngài Ba-ly ánh sáng như đom đóm, kết tội người nặng thêm. Đại sĩ Duy-ma-cật chóng giải nghi, giống như mặt trời lên cao thì sương tuyết đều tan hết.

Tánh tội vốn không, chỉ là do tâm. Nếu được tâm không thì tội cũng không. Người ngộ đạo chủ yếu là thấy được đạo, còn những giới tướng thì phải hiểu rõ phạm giới do vô tâm hay cố ý. Nhiều khi chấp giới làm cho người ta thối tâm tu không được. Trường hợp thầy Tỳ-kheo phạm tội dâm là do người ta phá, còn thầy Tỳ-kheo rượt đuổi cô gái cũng không có ý giết, chỉ rượt cho cô sợ, nhưng vô tình làm cô ấy té chết. Đó là vô tâm phạm.

Ở đây ý nói rằng không phải phạm tội là tu không được, mà phải biết bí quyết Như Lai đã mở bày cho, phải thấy lý đạo cho tới nơi tới chốn, mới có thể tiến tới chỗ giải thoát.

Chúng ta xét tội lỗi có hai mặt. Một mặt là tạo tội gì thì phải đền nghiệp ấy, không sai chạy. Vì mình đang trong mê, thấy thân thật, cảnh thật, các pháp đều thật, nên phải đền trả công bằng. Cho nên lý nhân quả nghiệp báo là cái lý đền trả trong mê.

Một mặt khác là từ con người mê chúng ta chuyển thành giác, thì không còn bị những nghiệp chướng lôi kéo. Tại sao? Vì bấy giờ tâm hoàn toàn thanh tịnh, như niệm Phật bảy ngày mà không một niệm khác, hoặc tu thiền bảy ngày mà tâm không một niệm khác. Tâm thanh tịnh thì không còn nghiệp gì dẫn đi được nữa. Nghiệp là do tâm mê dẫn đi luân hồi, nếu tâm giác ngộ thanh tịnh rồi thì nghiệp không dẫn được. Như vậy, trong kinh nói tạo nghiệp phải trả nghiệp, đó là nói theo lúc mê. Chúng ta trong mê thì nhân quả không thể sai chạy được.

Nhiều người không hiểu tại sao các vị A-la-hán tu chứng rồi mà còn trả nghiệp. Đó là do thân hữu lậu còn mắc nợ trước. Trong nhà Phật dùng từ “thân hữu lậu” để chỉ cho cái thân còn rơi rớt trong vòng sanh tử. Người tu khi tâm được thanh tịnh rồi mà thân hữu lậu còn thì cái thân đó phải trả nghiệp. Như trường hợp ngài Mục-kiền-liên chứng A-la-hán rồi, nhưng do nghiệp đời trước ngài đốt tổ ong, sau bị bọn côn đồ vây đánh.

Tuy ngài có thần thông mà lúc đó dùng thần thông không được. Thân hữu lậu là thân do những tâm niệm trước mà có, không phải do tâm vô lậu giải thoát mà có, nên thân đó phải trả nợ cũ. Cho nên các vị A-la-hán sẵn sàng trả chứ không trốn nợ. Thân hữu lậu hết thì chứng nhập Niết-bàn. Nếu muốn trở lại thế gian độ sanh thì có thân là do nguyện, không còn nợ nần gì nữa.

Chánh văn:

**Bát tư nghị giải thoát lực,
 Diệu dụng hằng sa dã vô cực.
 Tứ sự cúng dường cảm từ lao,
 Vạn lượng hoàng kim diệt tiêu đắc.
 Phấn cốt toái thân vị túc thù,
 Nhất cú liễu nhiên siêu bách ức.**

Giảng:

Bát tư nghị giải thoát lực, sức giải thoát không thể nghĩ bàn.

Diệu dụng hằng sa dã vô cực, diệu dụng như hằng sa không thể nào nói cùng tột được.

Tứ sự cúng dường cảm từ lao, đem tứ sự, là tất cả những vật dụng cần thiết cúng dường không dám nghĩ tới mệt nhọc.

Vạn lượng hoàng kim diệt tiêu đắc, dù cho những vị này nhận vạn lượng vàng cũng có thể tiêu được, không phải mắc nợ.

Người thấy được chỗ tột cùng thì sức giải thoát phi thường, có diệu dụng không gì lường được. Có ai đem bốn thứ cúng dường: quần áo, thức ăn uống, đồ nằm, thuốc men mà cúng dường không biết mệt nhọc, dù vị đó có nhận cả vạn lượng vàng tiêu dùng cũng không có lỗi lầm gì.

Phấn cốt toái thân vị túc thù, dù cho tan xương nát thịt cũng chưa đủ đền đáp ơn người truyền dạy pháp môn cứu cánh.

Nhất cú liễu nhiên siêu bách ức, nghe một câu ngộ được thì vượt hơn muôn ngàn ức kiếp.

Một câu mà rõ được, thông suốt được liền đưa người ta từ chỗ tầm thường xấu dở thành một người giác ngộ, nên những lời chỉ dạy rốt ráo cùng tột đó quý giá không gì bì được. Vậy nên nghe được những lời này, thấu được những câu nói này thì dù cho thân này có xương tan thịt nát cũng không đủ đền đáp.

Chánh văn:

**Pháp trung vương tối cao thắng,
Hằng sa Như Lai đồng cộng chứng.
Ngã kim giải tử như ý châu,
Tín thọ chi giả giai tương ứng.**

Giảng:

*Pháp trung vương tối cao thắng,
Hằng sa Như Lai đồng cộng chứng.*

Thế chân thật là vua trong giáo pháp, rất cao siêu và thù thắng. Tất cả chư Phật nhiều như cát sông Hằng đồng chứng pháp này.

*Ngã kim giải thử như ý châu,
Tín thọ chi giả giai tương ứng.*

Nay tôi mở được hạt châu như ý này, người tin nhận sẽ tương ứng như thế. Nghĩa là nay tôi nói pháp đốn giáo, ai tin được sẽ giác ngộ như Phật vậy.

Chánh văn:

**Liễu liễu kiến vô nhất vật,
Diệc vô nhân, diệc vô Phật.
Đại thiên sa giới hải trung âu,
Nhất thiết thánh hiền như điện phát.
Giả sử thiết luân đỉnh thượng toàn,
Định tuệ viên minh chung bất thất.**

Giảng:

Liễu liễu kiến vô nhất vật, rõ ràng thấy không một vật.

Trên thế gian đầy dẫy nào người, nào vật, mà ngài lại thấy không một vật. Tại sao? Đây là chỗ thấy sâu của người giác ngộ.

Ví dụ như chiếc đồng hồ, trước đó chỉ là từng bộ phận, do được ráp lại mà thành. Như vậy, chiếc đồng hồ buổi ban sơ là không, nay duyên hợp thành có. Đến khi đồng hồ cũ hư, mở ra từng bộ phận, lại cũng thành không.

Như vậy thì trước không, sau cũng không, vậy gọi là thật có được không? Cũng như chúng ta, trước khi cha mẹ chưa sanh không có mình, sau khi tắt thở rồi còn có mình không? Trước không, sau không, khoảng giữa tạm bợ, tức là chẳng thật có.

Kiểm lại từ tổ tiên ông bà chúng ta, rồi tới cha mẹ, có mặt rồi mất, tới mình có mặt rồi cũng mất, có gì thật đâu! Không có một cái gì thật, nhưng với con mắt phàm tục, chúng ta chắm một khoảng đó cho là thật, nên Phật gọi là mê muội. Lẽ thật mà không biết tức là mê. Tất cả chúng ta đều là người mê muội mà không tự biết, cứ tưởng mình khôn lanh. Lẽ thật đó kiểm tra lại thì thấy rõ như ban ngày, cho nên ngài nói rõ ràng không thấy có một vật thật.

Diệc vô nhân, diệc vô Phật. Cũng không người, cũng không Phật. Không nghĩa là trước khi duyên hợp tất cả là không, lúc đủ duyên thì tạm có, duyên hết trở về không. Trước không, sau không tức là không.

Lại nữa, nói Phật là để đối với chúng sanh, chúng sanh là mê, Phật là giác. Nếu chúng ta tu hết mê được giác, tất cả giác hết thì có Phật, có chúng sanh không? Chỉ do có mê nên mới có giác, mới có người, có Phật. Nếu đều hết mê thì không còn phàm cũng chẳng nói thánh, bình đẳng một thể như nhau.

Đại thiên sa giới hải trung âu, cả thế giới đại thiên nhiều như cát bụi này cũng như bọt trong biển cả. Chúng ta khâm phục các nhà thiên văn thấy được bao nhiêu hành tinh trong vũ trụ, nhưng hồi xưa Phật đã nói

có vô số thế giới không thể tính kể hết được. Tuy nhiên, các pháp tụ rời tán, không có gì là thật. Khoa học ngày nay phân tích nghiên cứu thấy thế giới này đều là duyên hợp, nên dưới mắt người giác ngộ thì cả cõi đại thiên nhiều như cát bụi cũng như hòn bọt nổi mà thôi.

Nhất thiết thánh hiền như điện phát, tất cả thánh hiền như điện chớp. Chúng ta lâu nay thường nghĩ rằng phàm sẽ bị diệt mất, thánh thì còn hoài. Nhưng trong nhà Phật nói mọi pháp ở thế gian đều là đối đãi, bởi mê nên gọi là phàm, giác thì thành thánh. Nếu rõ mê không thật thì giác cũng không thật. Nói *tất cả thánh hiền như điện chớp*, vì tất cả đều là giả danh, là những từ ngữ tạm không thật, chỉ do ý thức phân biệt, không phải là chỗ cứu cánh chân thật.

*Giả sử thiết luân đĩnh thượng toàn,
Định tuệ viên minh chung bất thất.*

Giả sử có một vòng sắt nóng quay trên đầu, định tuệ vẫn tròn sáng không mất. Người thấy tốt cùng lẽ thật rồi thì dù trời đất có nghiêng ngã, cái thấy cũng như vậy, không hề đổi dời. Chúng ta có khi cũng bắt chước các bậc thánh hiền quán thân không thật, nhưng nếu có ai lại đánh một cái, hoặc bị muỗi chích cũng thấy thật liền. Đó là vì định lực còn quá yếu, chỉ là tạm thấy không thật chứ không thật sự thấy.

Chánh văn:

**Nhật khả lãnh, nguyệt khả nhiệt,
Chúng ma bất năng hoại chân thuyết.**

**Tượng giá tranh vanh mạn tiến đồ,
Thù kiến đường lang năng cự triệt?**

Giảng:

*Nhật khả lãnh, nguyệt khả nhiệt,
Chúng ma bất năng hoại chân thuyết.*

Mặt trời có thể lạnh, mặt trăng có thể nóng, nhưng chúng ma không thể nào phá hoại lời chân thật.

Đây là ngài dẫn kinh Di Giáo. Khi đức Phật sắp nhập Niết-bàn, ngài hỏi tôn giả A-na-luật và đại chúng: Các ông đối với bốn Thánh đế chỗ nào còn nghi ngờ nên mau thưa hỏi, không được ôm mối hoài nghi mà chẳng cầu giải quyết. Bấy giờ đức Thế Tôn xướng lên ba lần như vậy vẫn không có người thưa hỏi. Khi ấy ngài A-na-luật quán sát tâm của đại chúng mới bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, mặt trăng có thể nóng, mặt trời có thể lạnh, pháp Tứ đế của Phật nói không thể khác được.”

Lời chân thật chư Phật, tổ đã dạy, không có ma hay ngoại đạo nào có thể hoại được. Đó là một điều xác định không nghi ngờ. Ai tu đến đây, thấu suốt được rồi mới thấy đó là cái bất khả xâm phạm, không gì hoại diệt được.

*Tượng giá tranh vanh mạn tiến đồ,
Thù kiến đường lang năng cự triệt?*

Chiếc xe voi đang tiến lên con đường dốc, nào ai thấy bộ ngựa ra chặn đứng.

Lẽ thật là một sức mạnh như chiếc xe voi đang chạy, tà thuyết ngoại đạo muốn ngăn trở chỉ cũng giống như con bọ ngựa ra chặn bánh xe, không ngăn trở được chút nào.

Chánh văn:

Đại tượng bát du ư thố kính,

Đại ngộ bát câu ư tiểu tiết.

Mạc tương quản kiến báng thương thương,

Vị liễu, ngô kim vị quân quyết.

Giảng:

Đại tượng bát du ư thố kính, voi lớn không đi theo dấu thỏ. Con voi lớn thì đi theo đường của voi đi, chứ không đi theo đường mòn của thỏ được.

Đại ngộ bát câu ư tiểu tiết. Người đại ngộ rồi thì không chấp những chi tiết nhỏ nhặt.

Mạc tương quản kiến báng thương thương, đừng đem cái ống nhìn trời rồi chê trời nhỏ. Có những đứa bé để mắt vô ống tre nhìn lên trời, thì thấy bầu trời bằng ống tre. Những kẻ kiến thức hẹp hòi nghe giáo lý này không hiểu lại cho là tầm thường, vì họ lấy tâm lượng cạn hẹp mà nhìn, kỳ thật pháp đốn giáo thênh thang rộng lớn.

Vị liễu, ngô kim vị quân quyết, nếu chưa liễu ngộ thì tôi nay vì ông nói rõ. Nghĩa là chúng ta nghe pháp đốn giáo mà không liễu ngộ thì ngài sẽ vì chúng ta quyết nghị cho, để chúng ta nhận rõ mà tiến tu.



KẾT LUẬN

Đến đây là hết bài Chứng Đạo Ca. Để kết thúc, tôi nói thêm vài ý liên quan với bài này cho quý vị thấm sâu hơn.

Chứng Đạo Ca là bài ca ngộ đạo của ngài Huyền Giác. Khi ngài Huyền Giác ngộ đạo rồi, cái nhìn thấy đúng như thật của ngài đối với tất cả sự việc trên thế gian này ngược khác hoàn toàn với người phàm tục. Ngài e người thế gian không hiểu rồi cứ đi trên con đường mê lầm mãi, nên ngài mới giải thích đầy đủ cho mọi người hiểu, để cùng đi trên con đường chứng đạo đó. Chỗ thấy của ngài và chỗ hiểu của chúng ta cách nhau muôn dặm, tuy nhiên lại chẳng có xa, cũng đừng nên mặc cảm là mình mê, ngài ngộ.

Mê là gì? Ngộ là gì? Giả mà ngỡ thật là mê, giả mà biết giả là ngộ. Từ chỗ giả tưởng là thật, chuyển qua giả biết là giả, chỉ như trở bàn tay! Giả sử tôi đang nghĩ thân tôi là quý, chợt nghe một vị nào đó giải thích

thân này tâm thường ô ược, tôi giạt mình tỉnh ngộ, thấy rõ thân như chớp tâm thường. Từ cái nghĩ thân quý chuyển qua cái biết thân như chớp cách nhau bao xa? Chỉ là chuyển đổi thôi. Cho nên mê và giác không phải như chuyện đi đường mấy ngàn cây số, mà chỉ là chuyển mê thành ngộ.

Thí dụ, lâu nay chúng ta nghe người khác nói nặng một câu liền nổi sân, cho là họ khinh miệt mình nên gây gỗ lại. Nay biết thân mình không thật, câu nói nặng của người cũng không thật, nên chỉ cười chứ không giận hờn. Như vậy, thấy thân mình thật thì được thật mất thật, hơn thật thua thật, tất cả chung quanh đều thật, vì vậy cả ngày quay cuồng trong khổ não. Tới phút sắp tắt thở không đem được gì, mới hay tất cả cái tưởng thật đó là giả, nhưng lúc ấy thì muộn quá rồi, đã tạo bao nhiêu thứ nghiệp. Cho nên bây giờ còn sống, cần biết thân này cảnh này là giả, đó là biết tu.

Nhiều người than tu khó quá, làm gì cũng thấy khó vì thấy thân thật. Như người tập tu nhẫn nhục ráng nhịn khi bị mắng, nhưng nhiều lần bị mắng thì nổi nóng cự lại. Đó là vì còn thấy thật nên phải khó khổ đè nén, nhiều lần thì chịu hết nổi. Trái lại, chỉ cần biết thân mình giả lời nói giả, dù bị mắng một trăm ngày cũng cười thôi. Cả hai đều là nhẫn nhục, mà một bên thấy dễ, một bên thấy khó. Biết rõ thân này tạm bợ, nay còn mai mất không có gì bảo đảm, thấy đúng như thật thì tu hết sức dễ, còn thấy sai lầm tu vô cùng khó.

Tại sao chúng ta không chịu thấy đúng chân lý, mà lại chịu thấy theo sai lầm? Đó là vì chúng ta lầm

từ cái gốc, con người giả tưởng là thật, rồi mọi cái khác đều lầm theo. Từ chỗ thấy sai lầm đó chúng ta luôn ngỡ rằng mình hay tốt, mình khôn lanh... nên ai nói động đến thì nổi sân si, dấy dậy phiền não. Cho nên, một khi mê tất cả đều mê. Nay nếu giác từ cái gốc thân này giả thì mọi việc chung quanh đều giả, sự tu hành dễ như trở bàn tay.

Tuy nhiên, nói giả không có nghĩa là bi quan, không muốn làm gì hết. Chúng ta chuyển cái thấy cho đúng như thật, còn trong cuộc sống tạm này vẫn làm mọi việc. Làm mà không cố chấp, đó là người khéo tu. Đức Phật thấy giả mà ngài vẫn đi giáo hóa bốn mươi chín năm, chứ đâu ngồi một chỗ nhập Niết-bàn. Biết giả mà vẫn mượn cái giả làm mọi việc để thức tỉnh mọi người. Mình thấy giả mà người khác chưa thấy, nên mình phải ráng đem cái giả này giúp ích cho mọi người. Mình thấy giả nên việc gì lợi ích cho chúng sanh mình dám hy sinh, không hề e sợ. Thấy tất cả pháp như huyền như hóa không thật, nên không có gì bận lòng hoặc say sưa dính mắc. Do vậy tâm buông xả dễ dàng không trở ngại.

Thân này là duyên hợp, tụ tán không bảo đảm, nay còn mai mất không lường. Kế đó, tâm suy nghĩ phân biệt phải quấy cũng là giả. Hiện nay người thế gian đang bám vào hai cái giả đó cho là mình, mình tinh thần và mình thể xác. Cả hai đều là giả đối tạm bợ, chợt còn chợt mất. Nhưng sự thật trong cái giả đó có hàm chứa một cái thật, không lúc nào vắng. Nó luôn hiện tiền mà chúng ta không chịu nhớ, cứ nhớ cái giả. Bởi vậy nên Phật vô cùng thương xót chúng sanh, cái chân thật quý báu sẵn đó mà luống bỏ, lại đuổi theo cái tạm bợ hư dối,

rồi say sưa trong đó, trầm luân sanh tử đời này kiếp nọ không có ngày cùng.

Cho nên Phật mới chỉ cho chúng ta cái thật. Cái gì là thật? Làm sao để nhận ra? Cái gì duyên hợp có hình tướng thì vô thường sanh diệt, đó là giả, còn cái không có hình tướng tức không bị vô thường sanh diệt, đó là thật. Nghĩ suy dấy niệm là động, tức thuộc sanh diệt. Nghĩ suy là cái bóng, vừa tìm lại thì nó mất. Suốt ngày chúng ta lại chạy theo cái bóng đó, chạy theo thể xác tạm bợ này, còn cái thật tàng ẩn trong đó thì lại bỏ quên.

Bây giờ, quý vị không khởi nghĩ, không dấy niệm. Một phút, hai phút, tới mười phút đều không nghĩ, không dấy niệm, lúc đó có biết không? Có. Ai biết mình không nghĩ? Như vậy có một cái biết sẵn trong này, biết được mình và biết được các sự vật. Có tiếng động thì nghe, người đi thì thấy, mọi thứ đều biết, mà không có nghĩ. Cái biết đó là cái biết hằng hữu, còn dấy niệm là cái biết sanh diệt. Cái biết hằng hữu không hình tướng, không động thì không thuộc vô thường sanh diệt. Đó là cái biết chân thật của mình. Vậy mà chúng ta muôn đời cứ theo cái biết giả dối.

Vậy nên đức Phật dùng thí dụ chàng Diên-nhã-đạt-đa. Buổi sáng lấy gương soi, nhìn vô gương thấy rõ mặt mày. Một hồi úp gương xuống, hoảng hốt kêu mất đầu, ôm đầu chạy la mất đầu. Như vậy mất đầu hay là mất cái bóng trong gương? Mất là mất cái bóng, còn cái đầu luôn sẵn đây. Cũng vậy, chúng ta hay nghĩ suy lăng xăng lộn xộn, nếu nó yên được hay dừng lại thì nói

tôi không biết gì. Nếu thật không biết thì ai đang nói tôi không biết? Như vậy, không nghĩ suy là không có cái bóng, còn cái biết vẫn luôn hiện tiền. Thế mà chúng ta lại hay quên cái biết hiện tiền, cứ chạy theo cái biết của bóng. Do đó, đức Phật dạy chúng ta tu thiền là để thôi chạy theo cái bóng. Dừng các suy nghĩ tốt xấu, hơn thua... thì cái biết kia hiện ra đầy đủ. Cái vọng lạng thì cái thật hiện tiền.

Như mặt biển, khi sóng lạng chúng ta thấy một mặt biển phẳng, đến lúc sóng nổi lên, mặt biển cũng vẫn đó, chỉ là không phẳng lạng mà thôi. Cũng vậy, khi chúng ta dấy niệm, cái thật sẵn có đầy đủ trong đó. Dừng niệm thì tâm trong lạng, cái chân thật hiện đủ, còn không dừng niệm thì cái mênh mông cũng không thiếu. Thí dụ như khi dấy niệm lo nghĩ nhưng tai cũng vẫn nghe mắt cũng vẫn thấy, vậy đâu phải là không có mình.

Hồi xưa, khi có ai đến tổ Lâm Tế hỏi thế nào là Phật, ngài liền nạt, hét lên một tiếng. Người không hiểu tưởng là điên. Nhưng có gì lạ đâu, vừa khởi nghĩ hỏi thì đã mất Phật rồi. Nếu ngài trả lời thì người hỏi lại tiếp tục chạy theo dòng tư tưởng sanh diệt, cho nên hét một tiếng để dừng cái nghĩ thì ngay đó Phật hiện tiền. Chúng ta thường không chịu dừng cái nghĩ, cứ lo kiếm thêm. Các ngài vì thấy người ta quá ham tìm hiểu, càng tìm hiểu thì càng đi trong sanh diệt, nên các ngài chặn đứng cái hiểu đó. Hoặc có khi nạt, có khi đánh, để mình giật mình dừng cái nghĩ lại. Hiểu như vậy mới thấy cái thuật của các ngài rất là kỳ đặc.

Ngày nay rất tiếc, khi hỏi thế nào là Phật, nếu tôi nạt một tiếng chắc người hỏi đứng dậy bỏ đi ra. Vì vậy mà nay phải giải thích, phải giảng đi giảng lại cho quý vị nhận ra mình có cái không nghĩ suy. Đừng ngỡ rằng cái nghĩ suy là khôn, chính cái không nghĩ suy mới thật tuyệt diệu. Đó là chữ “Chân không” tôi đặt cho thiền viện Chân Không. Nếu chân không thì diệu hữu. Cái chân thật không một niệm dấy khởi thì diệu hữu như hằng sa. Đức Phật khi tâm được an định, lặng lẽ thì ngài liền chứng Tam minh, Lục thông, Tứ vô sở úy, Thập bát bất cộng... Đó chính là từ chân không mà đầy đủ diệu hữu.

Chân không là không những niệm vọng tưởng, nghĩ suy, chỉ còn một cái biết hiện tiền. Nên khi nghe pháp quý vị lắng nghe không nghĩ suy, đó là cái thật nghe của mình. Cái thật nghe đó vốn sẵn, không phải nhờ nghĩ suy mới có. Nghe thì tự biết rõ ràng. Như vậy, ở tai, ở mắt, ở mũi, ở lưỡi, ở thân chúng ta, chỗ nào cũng có cái chân thật.

Có vị tăng mới đến, ngài Triệu Châu hỏi:

- Từng đến đây chưa?

Tăng thưa: Từng đến.

- Uống trà đi!

Ngài lại hỏi vị tăng khác: Từng đến đây chưa?

Tăng thưa: Chưa từng đến.

- Uống trà đi!

Biết bung ly trà, biết uống trà, ngay đó là đạo rồi, cần gì nói thêm. Nghe nói uống trà đi, tưởng đâu như chuyện đùa, mà thật uống trà là uống trà thì được. Cho nên ngày xưa các thiền sư buổi khuya hay ngồi uống trà, hoặc Nhật Bản bày ra trà đạo cũng là như vậy. Nghĩa là có động tác, có thấm vào hương vị, mà chỉ trong chừng ấy, không nghĩ suy gì hết thì đạo hiện tiền.

Như vậy tu dễ hay khó? Uống trà đi, chuyện dễ như trở bàn tay. Hiểu rồi thì trong tất cả trường hợp, chúng ta đều sống chỗ chân thật.

Nay tôi nhắc lại, như người trong túi sẵn có một viên ngọc quý vô giá, chỉ do say sưa mà quên. Nếu được chỉ cho biết, họ lấy ra xài thì đó là người tỉnh; còn nếu được chỉ cho biết rồi mà cứ say sưa hoài, không chịu lấy ra xài thì đó là người mê suốt đời. Không biết nên phải chịu nghèo, đó là đáng thương. Được chỉ cho biết mà không chịu lấy ra dùng là đáng trách.

Giảng xong bài Chứng Đạo Ca này, tôi mong mỗi tất cả tăng ni, Phật tử xét cho thật kỹ, nghĩ cho chín chắn. Mình có cái thật thì phải cố gắng xoay lại nhận lấy, không được trọn trăm phần trăm thì năm mười phần, rồi tăng từ từ để rồi một ngày nào đó tất cả chúng ta đều là những người tỉnh giác, không còn là những kẻ mê lầm như thuở nào. Được như vậy là quý vị khéo tiến trên con đường tu, và sự nhắc nhở của chúng tôi mới có giá trị. Nếu quý vị nghe rồi thả trôi, bệnh nào tật nấy không bỏ, thì lời tôi nói cũng chỉ là gió qua tai, không ích lợi gì.

Quý vị thương kính tôi thì phải nhớ lời tôi nhắc để rắng tu. Đó là những lời chân thật chứ không phải là lời huyễn hoặc mà có thể coi thường. Nhớ và tu được như vậy thì chúng ta sẽ gặp nhau đời này và nhiều đời về sau nữa. Mong tất cả quý vị đều tự biết thương mình, biết trở về với cái chân thật, để con đường đạo ngày càng sáng tỏ hơn. Được vậy chúng ta sống trong cõi đời trần tục mà vẫn hằng có ngọn đuốc trí tuệ. Đó là điều chúng tôi trông chờ ở tất cả quý vị.

